

Sa-môn **THÍCH NHẬT TỪ**
Soạn dịch



TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY



K25

KINH PHẬT VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ XÃ HỘI

 **NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

**KINH PHẬT
VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ XÃ HỘI**

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chủ nhiệm & biên tập:

TT. Thích Nhật Từ

(ĐT: 0908.153.160; email: thichnhattu@gmail.com)

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay do Thầy Nhật Từ chủ biên bao gồm các Nghi thức tụng niệm thuần Việt và trên 200 đầu sách nghiên cứu và ứng dụng về Phật học, thuộc loại sách gối đầu giường cần thiết cho mọi đối tượng độc giả.

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay đã xuất bản trên 100 CD về Đại tạng kinh Việt Nam và nhiều tác phẩm Phật học dưới dạng MP3. Đây là ấn bản đầu tiên trên thế giới về thể tài này. Tủ sách đã xuất bản hàng trăm sách nói Phật giáo, CD và VCD tân nhạc, cải lương và tiếng thơ Phật giáo. Ngoài ra còn có hàng ngàn VCD pháp thoại của Thầy Nhật Từ và các vị pháp sư khác về nhiều chủ đề từ gia đình, xã hội đến đạo đức và tâm linh.

Quý tác giả, dịch giả muốn xuất bản sách nghiên cứu và ứng dụng Phật học, quý Phật tử muốn ấn tống kinh sách Phật giáo, các đại lý cần nhận sách phát hành, xin vui lòng liên hệ:

© NHÀ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chùa Giác Ngộ, 92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP. HCM

ĐT: (028) 3839-4121

www.daophatngaynay.com | www.chuagiacngo.com

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Sa-môn THÍCH NHẬT TỪ

soạn dịch

KINH PHẬT VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ XÃ HỘI

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

Lời nói đầu	vii
Ý nghĩa và cách thức tụng kinh	xi

PHẦN DẪN NHẬP

1. Nguyên hương.....	3
2. Đánh lễ Tam bảo	4
3. Tán dương giáo pháp	5

PHẦN CHÁNH KINH

CÁC KINH VỀ ĐẠO ĐỨC	9
----------------------------------	----------

1. Kinh tiểu sử đức Phật	11
2. Kinh người áo trắng	35
3. Kinh mười nghiệp thiện	45
4. Phật nói kinh tám điều trai giới	63
5. Kinh nhân quả đạo đức.....	75
6. Lời vàng Phật dạy	83

CÁC KINH VỀ GIA ĐÌNH XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ.....	181
--	------------

7. Kinh thiện sinh	183
8. Kinh phước đức	193
9. Kinh tránh xa cánh cửa bại vong.....	197
10. Kinh bảy loại vợ	203
11. Kinh bốn ân lớn	211
12. Kinh mọi người bình đẳng	233



13. Kinh không có giai cấp	241
14. Kinh sống trong hòa hợp	255
15. Kinh hóa giải tranh cãi	267
16. Kinh hòa hợp và hòa giải	275
17. Kinh chuyển luân thánh vương	285
18. Kinh đức hạnh của vua và tu sĩ	301
19. Kinh quốc gia cường thịnh	307
20. Kinh hiền nhân	313

PHẦN SÁM NGUYỆN

1. Bát-nhã tâm kinh	371
2. Niệm Phật	373
3. Năm điều quán tưởng	373
4. Quán chiếu thực tại	374
5-a) Sám quy mạng	375
5-b) Sám quy y	379
5-c) Sám quy nguyện 1	381
5-e) Sám nguyện	388
6. Hồi hướng công đức	390
7. Lời nguyện cuối	391
8. Đánh lễ Ba ngôi báu	392

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Xuất xứ các bài kinh và sám nguyện	395
Phụ lục 2: Các ngày lễ trong hai truyền thống Phật giáo	399
Phụ lục 3: Các ngày ăn chay	403



LỜI NÓI ĐẦU

Kinh Phật về đạo đức và xã hội là một phần trong quyển *Kinh Phật cho người tại gia*, vốn là tác phẩm được tôi khởi xướng từ năm 2002, kể từ khi tôi trở về Việt Nam sau gần 8 năm tu học tại Ấn Độ. Thực ra, tác phẩm này được thai nghén từ năm 1994, ngay sau khi tôi biên soạn và xuất bản quyển “*Kinh tụng hằng ngày*”. Do vì bận rộn quá nhiều Phật sự, dù rất mong muốn, tôi đã không thể hoàn tất tác phẩm này trong vòng 2 năm, như đã dự kiến. Hơn một thập niên trôi qua, tôi mới có thời gian và điều kiện để hoàn thành công việc tuyển chọn, phiên dịch và ấn hành rộng rãi.

Nếu *Kinh tụng hằng ngày* là một tuyển tập 49 bài kinh từ hai truyền thống Phật giáo Nguyên thủy và Đại thừa, thì *Kinh Phật về đạo đức và xã hội* phần lớn được tuyển dịch từ kinh tạng Pali và một số từ kinh điển Đại thừa. Như tên gọi, bộ Kinh này chỉ dành cho giới Phật tử, vốn mưu cầu sự nghiệp, phước báu, hạnh phúc và chia sẻ hạnh phúc mình có cho những người hữu duyên.

Vì nhắm đến đối tượng người tại gia, trong quá trình tuyển chọn và biên dịch, tôi đã phân loại 20 bài kinh quan trọng thành 2 nhóm chủ đề: đạo đức, xã hội, nhằm đáp ứng cái “gu” tâm linh của người tại gia, vốn không thể ngang tầm với cái gu tâm linh của người xuất gia. Bộ Kinh Phật cho người xuất gia đang được biên dịch, đáp ứng nhu cầu tu học nâng cao và chuyên sâu cho những người xuất gia tu trọn thời gian, tu toàn diện, tu đúng pháp Tứ đế và tu có hệ thống.



Phần lớn các bài Kinh trong tác phẩm này rất phổ biến trong thời đức Phật nhưng có phần xa lạ với Phật tử Bắc truyền tại các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc, Tây Tạng và Việt Nam. Lý do là vì các nghi thức tụng niệm tại Việt Nam phần lớn là phiên dịch từ các nghi thức tụng niệm bằng chữ Hán, do các Tổ sư Trung Quốc biên soạn, vốn chỉ nhấn mạnh phần thứ 5 của bộ Kinh này, đang khi bỏ qua 4 phần quan trọng khác, rất quan trọng cho việc xây dựng hạnh phúc của người tại gia ở kiếp sống hiện tại này.

Chủ đề 1 gồm 6 bài kinh về đạo đức, giới thiệu bao quát về bản chất và giá trị đạo đức trong việc xây dựng hạnh phúc cho con người và hòa bình cho thế giới. Từ 5 điều đạo đức đến 10 điều thiện, các bài kinh trong nhóm này trình bày bức tranh nhân quả đạo đức rất chuẩn xác và công bằng: Người thiện thì hạnh phúc, kẻ ác thì khổ đau. Tội hay phước, khổ đau hay hạnh phúc... đều được tạo ra từ động cơ và quyết định của con người. Do vậy, thay vì đổ lỗi cho Thượng đế, định mệnh kiếp trước, số phận hên xui, sự ngẫu nhiên hay nghịch cảnh, tốt nhất con người nên nỗ lực chuyển hóa nghiệp chướng, làm lại cuộc đời, vượt lên số phận, tái tạo hạnh phúc.

Chủ đề 2 gồm 14 kinh về các tương quan gia đình, xã hội và tâm linh. Ngoài chủ trương công bằng xã hội, bình đẳng giới, các bài kinh trong nhóm này còn đề cao vai trò của luật pháp và dân chủ trong việc phát triển đất nước. Tránh xa 12 cửa ngõ bại vong, gieo trồng 10 loại phước đức, đền trả 4 ơn nặng... là những lời dạy được đức Phật đề cao như dấu hiệu của đời sống văn hóa. Hòa hợp, hòa giải các tranh chấp và bất đồng là con đường tháo mở mọi bế tắc, bạo lực, hận thù, chiến tranh. Nhà vua ngoài việc “thượng tôn pháp luật” còn là người điển mẫu về đạo đức, phổ biến chánh pháp, bình ổn xã hội, góp phần xây dựng một thế giới hòa bình.



Kinh Phật về đạo đức và xã hội góp phần xây dựng một thế giới Cực Lạc, bây giờ và tại đây, bằng chính sự thực tập và chuyển hóa.

Vì tính chất toàn diện và hệ thống của bộ Kinh, tôi kính mong quý Phật tử tại gia nên nỗ lực không mệt mỏi, đọc tụng, nghiền ngẫm và ứng dụng trong đời sống thực tiễn. Nếu mỗi bài kinh là một toa thuốc tâm linh, có thể trị lành các chứng bệnh khổ đau thì tuyển tập các bài kinh này sẽ là nguồn dược chất vô cùng quý giá.

Mỗi ngày dành trung bình 30 đến 60 phút đọc kinh này với tinh thần vừa nêu, người đọc tụng được mở rộng tầm nhìn, nâng cao nhận thức, thâm nhập kinh tạng, nhờ đó giải quyết được các vấn nạn khổ đau của kiếp người.

20 bài kinh được tuyển chọn trong bộ Kinh này là kho tàng tri liệu tâm linh không thể thiếu với những ai mưu cầu hạnh phúc và quý trọng giá trị an lạc đạt được từ lối sống tôn trọng nhân quả, đạo đức. Hãy cùng nhau truyền bá bộ Kinh này để con đường tâm linh Phật giáo trở nên gần gũi và được nhiều người trải nghiệm. Xin đem tất cả công đức từ việc soạn dịch và ấn hành kinh này hồi hướng đến pháp giới chúng sanh được an lạc.

Giác Ngộ, ngày 17-08-2013

Sa-môn Thích Nhật Từ

Cẩn bút



Ý NGHĨA VÀ CÁCH THỨC TỤNG KINH

I. Ý NGHĨA TỤNG KINH

Dù theo truyền thống nào, điểm quan trọng mà người thọ trì Kinh cần chú ý là tụng Kinh để hiểu và ứng dụng lời Phật dạy vào trong cuộc sống. Do đó, trong khi tụng niệm, không nên quá chú trọng vào các nghệ thuật tán tụng, mặc dù nghệ thuật này có thể giúp cho người tụng lẫn người nghe dễ lắng tâm và phát khởi niềm tin tôn giáo. Người đọc tụng cần phải chú trọng vào phần “cốt lõi nhất” của Kinh là *nội dung* và *nghĩa lý* của nó. Không có sự chú tâm thật sâu thì khó có thể lãnh hội được ý nghĩa nhiệm mầu trong Kinh.

Người đọc tụng phải giữ ba nghiệp thanh tịnh, chú tâm hoàn toàn vào nghĩa lý của Kinh, tư duy và liên tưởng về nghĩa lý đó, để hiểu rõ lời dạy của đức Phật, biết cách ứng dụng và hành trì. Bậc cổ đức thường dạy “*tụng Kinh giả minh Phật chi lý*” là nhằm vào ý này vậy. Chính sự ứng dụng lời Kinh vào cuộc sống mới thật sự đem lại phước báo, an lạc và giải thoát cho chúng ta. Do đó, ta không nên chỉ tụng niệm bằng miệng mà còn phải tụng niệm bằng tâm. Nói cách khác miệng tụng tâm hành mới chính là tụng Kinh đúng nghĩa.

II. CÁCH ĐÁNH MỖ VÀ ĐIỂM CHUÔNG

Cách thức tụng Kinh trong Phật giáo rất đa dạng và khác nhau tùy theo từng truyền thống. Trong Phật giáo Bắc tông,



tụng Kinh đã trở thành một nghi lễ hân hoan, với sự hỗ trợ của các pháp cụ và nhạc cụ, như chuông, mõ, trống, kiểng, khánh, tang, đầu v.v... Sự tụng Kinh ở nhiều nơi đã trở thành một khóa lễ nhạc có âm điệu trầm bổng, du dương, gây nhiều cảm hứng tốt ở người nghe.

Phần Nghi Thức Dẫn Nhập và Nghi Thức Sám Nguyên-Hồi Hướng được tụng giống như các khóa lễ xưa nay, tùy theo từng truyền thống. Riêng phần chánh kinh, để người đọc tụng và người nghe dễ hiểu và được lợi ích, người đọc nên ngừng một hoặc hai nhịp không tụng sau mỗi chấm câu hoặc sang hàng hay hết một đoạn, trong khi mõ vẫn được gõ đều đặn.

a. Ký hiệu được sử dụng

Ký hiệu O chỉ cho “đánh chuông.” Ký hiệu C chỉ cho “nhấp chuông” (nhấp dùi chuông vào vành chuông để báo hiệu rằng sẽ có một tiếng chuông được vọng lên). Ký hiệu M chỉ cho “gõ mõ.”

b. Cách vào chuông mõ

C O O O M M M M M M M
O M
O M
O M M M M C

c. Đánh mõ và điểm chuông

Ngoài mục đích tạo trường canh và nhạc điệu cho các khóa lễ, mõ và chuông còn có tác dụng thức tỉnh người đọc. Để các tác dụng này được phát huy triệt để, mõ phải được đánh đều đặn, nhịp nhàng, chậm rãi; không được đánh quá mạnh hay quá nhẹ để tránh trường hợp tiếng lớn, tiếng nhỏ làm mất trang nghiêm và khó đọc tụng cho đều. Chuông



được điểm ngân nga sau các đoạn hay câu có ký hiệu O, đối với phần nghi thức dẫn nhập và hồi hướng. Đối với Chánh Kinh, chuông sẽ được điểm lên ngay sau mỗi đoạn Kinh hay sau mỗi ý Kinh hoàn chỉnh, nhằm đưa người đọc tụng trở về với thực tại, lắng niệm và ghi nhớ sâu lời Phật dạy.

d. Phối hợp chuông, mõ, khánh và lời tụng

Sau tiếng nhấp chuông của vị Duy-na, vị chủ lễ bắt đầu xướng tụng. Chủ lễ xướng hết chữ thứ hai thì đại chúng mới bắt đầu hòa theo và cùng tụng. Chữ đầu và chữ thứ ba của đoạn do chủ lễ khởi xướng thì không có nhịp mõ. Nhịp mõ được gõ vào nhịp chữ thứ hai và thứ tư. Nghĩa là tiếng mõ thứ nhất sẽ đi với chữ (tiếng) kinh thứ hai, tiếng mõ thứ hai sẽ đi với chữ (tiếng) kinh thứ tư. Sau đó, cứ mỗi chữ thì có một nhịp mõ cho đến hết một bài kinh. Riêng chữ (tiếng) kinh áp chót thì gõ hai nhịp mõ liền nhau và chữ (tiếng) kinh cuối thì một tiếng mõ dứt. Cứ như vậy, chúng ta tụng hết thời kinh.

Đối với bài Sám Nguyện trước bài Hồi Hướng, ta có thể phối hợp mõ với khánh. Tiếng mõ đầu sẽ đi với chữ kinh thứ hai, tiếng khánh đầu sẽ đi với chữ kinh thứ ba. Sau đó, một chữ một tiếng mõ, một chữ một tiếng khánh, cứ như vậy phối hợp mõ và khánh tụng cho hết bài sám. Phần kết thúc bài sám như sau: chữ áp chót của bài sám sẽ đi kèm với hai tiếng mõ liền nhau hơi nhanh và chữ cuối sẽ đi kèm với một tiếng mõ; trong khi từ chữ áp chót của bài sám, khánh được đánh theo hồi, từ bảy đến mười nhịp, khoảng cách của các nhịp khít dần đều và âm thanh của các nhịp nhỏ dần đều.

III. LỢI ÍCH CỦA TỤNG KINH

Người đọc tụng, thọ trì và truyền bá kinh này sẽ gặt hái nhiều lợi ích cho mình và tha nhân:



- Nắm vững yếu nghĩa lời Phật dạy, nhờ đó, người thọ trì xóa bỏ cái nhìn phân cách, ngộ nhận giữa hai truyền thống. Tất cả chỉ có một nguồn chánh pháp, chỉ thuần nhất hương vị: an lạc, giác ngộ, giải thoát.

- Đọc tụng để lời nói, ý nghĩ, việc làm được trong sạch; để từ bỏ các điều ác, thực hành các hạnh lành, sống tùy hỷ, sống theo bi-trí-dũng, thương yêu, giúp đỡ và bảo vệ lẫn nhau; để làm hành trang cho cuộc sống, làm hương thơm cho đời.

- Đọc tụng để mở rộng tầm nhìn đúng đắn về con người, về thế giới, về nguyên nhân sai biệt cũng như yếu tố hình thành vũ trụ. Đọc tụng để xóa bỏ mê lầm, trở về chánh pháp, sống chánh tín, chánh mạng và an lạc.

- Đọc tụng để chuyển hóa nhận thức và hành động. Nhờ đó, cá nhân được thuần thiện, gia đình được đầm ấm, xã hội được an vui và nhân loại được thái bình, hạnh phúc trong chánh pháp Phật-đà.

Đọc tụng Kinh Phật có nhiều công đức như thế, kính xin tất cả mọi người hãy tinh tấn hơn nữa, trong việc đọc tụng, thọ trì và truyền bá lời Phật dạy!

Trân trọng,

Sa-môn Thích Nhật Từ

PHẦN DẪN NHẬP



1. NGUYỆN HƯƠNG

(Chủ lễ quỳ ngay thẳng, xướng bài Nguyên hương. Gia chủ đồng mặc niệm và quán tưởng theo lời Nguyên)

Nam-mô Bồ Sư Thích-ca Mâu-ni Phật O

Trên sen báu, hào quang rạng rỡ
Đức Năng Nhơn tướng hảo huy hoàng,
Hóa thân cứu độ mười phương,
Cúi đầu đánh lễ, đạo tràng quy y.

Đèn chánh pháp rạng ngời khắp chốn,
Đạo từ bi phổ biến muôn nơi.

Tăng Ni đạo lực sáng ngời,
Tại gia tu học, thanh thời, an nhàn.

Cầu thế giới hòa bình, phát triển
Mong nước nhà hưng hiển, tự do,
Mọi người hạnh phúc, ấm no,
Khắp nơi yên ổn, không lo lắng gì.

Chúng con nguyện, đời đời kiếp kiếp,
Được thân người, học Phật tu nhân,
Xa lìa biển khổ trầm luân,

Tấn tu đạo nghiệp, viên thành quả cao.

Nam-mô Hương Cúng Đường Bồ-tát (3 lần) O



2. ĐẢNH LỄ TAM BẢO

Phật là đấng giác ngộ mình,
 Độ người thoát khỏi tử sinh bao đời,
 Từ bi, trí tuệ rạng ngời,
 Là thầy ba cõi trời người xưa nay.

Chí tâm đánh lễ tất cả Đức Phật ba đời
 thường trú trong mười phương. (1 lạy) O

Pháp là phương thuốc diệu thay,
 Chữa lành bệnh khổ bao loài chúng sanh,
 Như vàng trắng sáng lung linh,
 Soi đường ra khỏi u minh mê mờ.

Chí tâm đánh lễ tất cả Tôn Pháp ba đời
 thường trú trong mười phương. (1 lạy) O

Tăng là những bậc chân tu,
 Biết đời huyễn mộng, giã từ ra đi,
 Thấm nhuần trí tuệ, từ bi,
 Độ đời thoát khỏi tham ... si khổ sầu.

Chí tâm đánh lễ tất cả Hiền Thánh Tăng
 ba đời thường trú trong mười phương.

(1 lạy) OOO



3. TÁN DƯƠNG GIÁO PHÁP

Pháp Phật cao siêu, lý rộng sâu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Nay con gặp được xin trì tụng
Nguyện hiểu chân Kinh nghĩa nhiệm màu
Nam-mô Khai Pháp Tạng Bồ-tát.
(3 lần) OOO

PHẦN CHÁNH KINH





CÁC KINH VỀ ĐẠO ĐỨC





1. KINH TIỂU SỬ ĐỨC PHẬT

Thứ nhất

BỒ-TÁT GIÁNG THẾ

[Những điều sau đây là lời tự truyện của chính đức Phật về cuộc đời ngài, được ghi lại trong kinh điển Pali. Làm đệ tử Phật cần nên ghi nhớ, tôn thờ chớ quên.

Đức Phật sinh vào ngày Rằm tháng 4, năm 624 trước Tây lịch. Cha đức Phật là đức vua Tịnh Phạn, mẹ đức Phật là hoàng hậu Ma-ya]. O

Lời ngài A-nan: “Kính bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, ghi nhớ rõ ràng, lời của ngài kể”: “Này Ananda, Như Lai xuất hiện trên cõi đời này là điều hy hữu. Đầu tiên Ta ở cõi trời Đâu-suất đến hết thọ mạng, sau đó hạ sinh từ trời Đâu-suất, nhập vào bào thai thánh hậu Ma-ya.



Trong giờ phút đó, hào quang chiếu soi, rực rỡ lạ kỳ, sáng hơn nhật nguyệt, thế giới chuyển động chào đón Như Lai”.

“Lúc Ta nhập thai, có bốn thiên tử canh gác bốn phương, không để người nào gây tạo phiền nhiễu. Mẹ mang thai Ta đúng tròn mười tháng. Từ lúc mang thai, mẫu hậu của Ta giới hạnh thanh cao, lòng từ rộng mở, không có dục tâm với bất kỳ ai.”

“Trong lúc mang thai, mẹ Ta hoan hỷ, khoan khoái, an vui, sức khỏe tốt hơn, không chút bệnh tật. Mẹ Ta cảm nhận Ta là thánh nhi, như viên ngọc quý không chút tỳ vết, tuyệt hảo trên đời”. O

“Khi sinh ra Ta, mẹ Ta sinh đứng. Sinh chưa chạm đất thì có chư thiên nghênh tiếp đón ta, rồi dâng thân Ta lên mẫu hậu ta, với lời tán dương: “Thánh hậu đã sinh một bậc vĩ nhân”.

“Thân thể của Ta lúc vừa sinh ra không



bị ô nhiễm bởi nước ôi, máu, hoàn toàn trong sạch, như ngọc ma-ni, trong sáng, đẹp màu. Từ trên hư không có hai dòng nước, một nóng, một lạnh phun tắm cho Ta và cho mẫu hậu”.

“Vừa mới sinh ra, Ta đứng vững vàng trên đôi chân mình, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, với lông trắng che, Ta thốt lên lời: “Ta là tối thượng trên cõi đời này, đây là kiếp sống cuối cùng của ta, Ta không tái sinh vào cõi đời nữa”.

“Tròn bảy ngày sau, mẹ Ta qua đời, liền tái sinh về cõi trời Đâu-suất”.⁽¹⁾ O

TIÊN TRI ĐOÁN TƯỚNG

“Vào lúc bảy giờ, có vị đạo sĩ tên A-tu-đà, giữa ngay ban ngày, thấy các chư thiên cõi trời Ba Ba hoan hỷ, tán thán, khởi tấu nhạc trời, du dương ca hát với các vũ điệu và báo lời rằng: Tại Lum-bi-

1. Kinh Hy Hữu, Vị Tăng Hữu Pháp, thuộc Kinh Trung Bộ 123..



ni, làng của Thích-ca, có vị Bồ-tát không ai sánh bằng, vừa được giáng trần, hạnh phúc cho đời. Ngài là tối thượng, là bậc ngu vương, đứng đầu loài người. Về sau xuất gia, trở thành ẩn sĩ, ngài chuyển Pháp luân, rống tiếng Sư tử, giáo hóa cuộc đời”.

“Nghe biết sự việc, ngài A-tư-đà liền đến hoàng thành Ca-tỳ-la-vệ, mong được yết kiến thái tử sơ sinh. Vừa gặp tôn nhan bạ̉m hai tướng hảo, ông thốt lên lời: “Thái tử vô thượng, là người số một trong loài hai chân”. Nói xong ông khóc, buồn số phận mình, nay đã già nua, không còn cơ hội, gặp được thái tử, để chứng kiến cảnh thái tử giác ngộ. Ông khẳng định rằng, đến tuổi trưởng thành, thái tử xuất gia, thành bậc Giác ngộ số một ở đời, chuyển bánh xe pháp, thanh tịnh tối thắng, vì lòng từ bi, thương xót chúng sinh, giúp đời lợi lạc”.⁽²⁾ O

2. Kinh Tập, kệ 679-694.



KHÔNG MÀNG HƯỞNG THỤ

“Này các đệ tử, ở trong hoàng cung, Ta được nuôi dưỡng vô cùng đặc biệt. Phụ vương của Ta cho xây ao hồ, có ao sen xanh, có ao sen đỏ, có ao sen trắng. Những gì Ta cần, đều được phục vụ rất là tận tình và thật chu đáo. Các loại chiên-đàn, hương liệu cao cấp, lụa Kasi quý, Ta đều sử dụng. Cả ngày lẫn đêm luôn có lọng che, tránh khỏi nóng, lạnh, bụi bặm và sương”.

“Về các tiện nghi, phụ vương xây dựng ba lầu đài đẹp, một cho mùa đông, một cho mùa hạ, một cho mùa mưa, tiện nghi đầy đủ, sang trọng, quý phái. Trong bốn tháng hè, lúc nào cũng có các nữ nhạc công xoay quanh phục vụ ca, múa, xướng, hát”.

“Dù sống trong cảnh giàu sang, sung sướng bậc nhất trần đời, Ta suy nghĩ rằng: “Phàm phu ít nghe, khi mình bị già, hoặc thấy người già, bực phiền, hổ



thẹn, ghê tởm, chán ngán. Ta ý thức được Ta cũng bị già, không vượt khỏi già. Ta cũng bị chết, không vượt khỏi chết. Nhờ suy nghĩ này, kiêu mạn tuổi trẻ, kiêu mạn sự sống đoạn trừ nơi Ta... Thật không xứng đáng cho Ta mê đắm. Quyết tâm từ bỏ, Ta đi xuất gia, tìm cầu giải thoát cho mình và người”.⁽³⁾ O

TỪ BỎ, XUẤT GIA

“Này các đệ tử, Ta nhận thức rõ đời sống gia đình tụ hội bụi đời, trong khi xuất gia thoáng rộng như trời, nên Ta quyết chí, buông bỏ ngai vàng, vợ đẹp, con thơ, xuất gia cầu đạo, từ bỏ nghiệp phàm với nhiều chương lụy. Ta đến Vương xá, nước Ma-kiệt-đà sống đời khất sĩ. Đức vua Bình-sa nhìn thấy thân Ta đẹp, cao, rạng rỡ, thông dong chánh niệm, liền cho sứ giả dõng bước theo ta, quan sát xong rồi trở về trình báo”.

3. Kinh Tăng Chi I, 162-163.



“Vừa nghe câu chuyện, đức vua Bình-sa vội lên cỗ xe, đến yết kiến ta. Ta cho Vua biết nguyên nhân đi tu của Ta là do Ta không tha thiết hưởng thụ dục lạc; Ta thấy rất rõ dục là nguy hiểm, nên đã tinh tấn, từ bỏ tất cả, chuyển hóa thân tâm để được an vui”.⁽⁴⁾ O

TÂM SƯ HỌC ĐẠO

“Này các đệ tử, ở tuổi thanh xuân, sức lực dồi dào, thân thể tráng kiện, mặc dù cha mẹ không hề bằng lòng, tiếc thương, than khóc, Ta đã quyết tâm, từ bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia tầm đạo. Ta như một người đi tìm chí thiện, con đường an tịnh, giải phóng khổ đau”.

“Này các đệ tử, lúc mới đi tu, Ta đi đến chỗ ngài A-là-ra Kà-la-ma ở, Ta thưa thỉnh rằng: “Ngài A-là-ra, ngài tu pháp gì, ngài

4. Kinh Tập, kệ 405-424.



chứng đắc gì, ngài dạy những gì?” Ngài A-là-ra đã trả lời rằng: “Ta chứng đắc thiên vô sở hữu xứ”. Ta nêu quyết tâm: “Ngài A-là-ra có được lòng tin, tinh tấn, chánh niệm, thiên định, trí tuệ thì Ta cũng vậy không nên thua kém. Ta đã quyết tâm, tu tập tinh tấn, đạt được các pháp mà A-là-ra đã chứng đạt được”. Chẳng bao lâu sau, Ta đã chứng bằng ngài A-là-ra. Sau khi kiểm chứng, Ta nhận ra rằng: “Vô sở hữu xứ không có khả năng đưa đến an tịnh, thượng trí, giác ngộ, niết-bàn, giải thoát.” Ta đã mạnh dạn từ bỏ pháp này, tiếp tục lên đường tìm kiếm tâm linh”. O

“Tạ từ vị thầy, Ta đã ra đi, tiếp tục tìm kiếm con đường tối thượng, an lạc tuyệt đối. Ta đã đến gặp ngài Ud-da-ka Rama-put-ta, cầu học chân lý, gọi là “phi tướng, phi phi tướng xứ”. Ta học mau chóng, thông hiểu tất cả những gì được dạy. Chẳng bao lâu sau, Ta đã tự chứng



pháp ấy như thầy. Ngài Ud-da-ka đã xác nhận rằng điều Ta chứng được đã bằng với ngài. Ngài xác nhận rằng: “Pháp mà tôi biết, hiền giả đã biết; pháp mà tôi chứng, hiền giả đã chứng. Tôi chứng đạt gì, hiền giả cũng đạt. Hãy đến nơi đây, hai Ta hãy cùng chăm sóc hội chúng”.

“Là thầy dạy Ta nhưng cả hai vị, ngài A-là-ra và Ud-da-ka, đều xem Ta là “hiền giả ngang bằng.” Rồi Ta suy nghĩ: “Pháp Ta đã chứng, bằng hai thầy mình, không có khả năng đưa đến an tịnh, thượng trí, giác ngộ, niết-bàn, giải thoát.” Ta đã mạnh dạn từ bỏ pháp này, tiếp tục lên đường tìm kiếm tâm linh”.⁽⁵⁾ O

“Này các đệ tử, chưa được giác ngộ, Ta đang đối diện sinh, già và chết. Thấy rõ sự nguy hại của những điều trên, Ta quyết tìm cầu cái không bị sanh, không già, bệnh,

5. Kinh Thánh Cầu thuộc Kinh Trung Bộ, I, 163-8.



chết, an ổn tuyệt đối, thoát các khổ ách, đó là niết-bàn. Biết rõ uế nhiễm dẫn đến sinh già, Ta không uế nhiễm, không tạo phiền não, đạt được niết-bàn, hạnh phúc tối thượng, không gì sánh bằng”.⁽⁶⁾ O

SÁU NĂM KHỔ HẠNH

“Sau khi từ giã hai vị đạo sư đạo Bà-la-môn, Ta tu khổ hạnh trong suốt sáu năm, không ai sánh bằng. Vì ăn quá ít, tay chân của Ta gầy như cọng cỏ, cây leo khô héo. Bàn chân của Ta như móng lạc đà. Xương sống phô bày như một chuỗi banh. Xương sườn gầy mòn như rui nhà nát. Con mắt của Ta không còn long lanh, nằm sâu hun hút. Da đầu nhăn nheo, như trái bí đặng ngả màu xám trắng, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nheo. Da bụng của Ta bám sát xương sống, đen đui xấu xí. Khi đi vệ sinh, Ta đã té gục, úp mặt

6. Kinh Thánh Cầu, thuộc Kinh Trung Bộ I, 163.



xuống đất. Lông tóc hư mục, rời khỏi thân ta. Ta tự xoa bóp cơ thể của Ta, toàn thân, tay, chân thật là đau nhức. Từ nhận thức này, Ta quyết từ bỏ pháp tu khổ hạnh của Bà-la-môn. Ta rời núi Khổ, đi thẳng về hướng Bồ-đề Đạo tràng, chuyên tâm thiền định, suốt bốn chín ngày”.⁽⁷⁾ O

“Này các đệ tử, rồi Ta suy nghĩ: Ta đang ngồi dưới bóng mát Bồ-đề, chuyển hóa ái dục, ly bất thiện pháp, thanh tịnh tâm ý, chứng thiền thứ nhất, trạng thái hỷ lạc do lìa ái dục, còn tầm, còn tứ; chứng thiền thứ hai, trạng thái hỷ lạc do nội định sinh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm; chứng thiền thứ ba trụ xả, lìa các hỷ lạc, chính niệm, tỉnh giác, cảm nhận hạnh phúc do biết buông xả; chứng thiền thứ tư buông bỏ tất cả ý niệm, không còn khổ vui, thanh tịnh tuyệt đối. Ta nhận ra

7. Kinh Sư Tử Hống thuộc Kinh Trung Bộ I, 80.



rằng đây là con đường đưa đến an lạc, giác ngộ, niết-bàn”.⁽⁸⁾ O

CHÚNG ĐẠO DƯỚI CỘI BỒ ĐỀ

“Này các đệ tử, với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không còn cấu nhiễm, vướng chãi, định tĩnh, Ta hướng tâm đến trí tuệ lậu tận, Ta biết như thật: “Đây là Khổ đau, thân gồm bốn loại sanh, già, bệnh, chết; tâm gồm bốn loại yêu phải chia lìa, ghét phải gặp gỡ, muốn mà không được và chấp thân thể”. Ta biết như thật: “Đây là nhân khổ bao gồm tham ái, sân hận, si mê và các chấp thủ”. Ta biết như thật: “Đây là niết-bàn, an lạc tuyệt đối, không còn khổ đau, không bị lay động, không bị thay đổi, bây giờ tại đây, trên cõi đời này”. Ta biết như thật: “Đây là con đường chấm dứt khổ đau gồm tám yếu tố: tầm nhìn chân chánh, tư

8. Kinh Trung Bộ I, 240.



duy chân chánh, lời nói đạo đức, hành vi đạo đức, nghề nghiệp đạo đức, tinh tấn, chánh niệm và thiền định đúng”.

Ta biết như thật: “Đây là phiền não, đây là nguyên nhân của các phiền não, đây là con đường kết thúc khổ đau”. Nhờ nhận thức này, tâm Ta thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Trong Ta khởi lên một loại hiểu biết: “Ta đã giải thoát”. Ta biết rất rõ: “Tái sanh đã tận, hạnh thánh đã thành, việc nên đã làm. Không còn trở lại sinh tử này nữa”.⁽⁹⁾ O

TUYÊN BỐ CHÂN LÝ

“Này các đệ tử, bấy giờ Phạm thiên Saham-pa-ti thưa với Ta rằng: “Thưa ngài, thế giới tiêu diệt, nếu tâm của ngài, một đức Như Lai, bậc đại giác ngộ hướng về thụ động, không muốn thuyết pháp”.

9. Kinh Trung Bộ I, 248.



Ông đáp thương y, cung kính cung thỉnh: “Kính bạch Thế Tôn, hãy ban lời vàng! Có những chúng sanh ít nhiễm bụi trần sẽ hiểu chánh pháp, sẽ tu chánh pháp”.

“Ta đã nhận lời rồi suy nghĩ rằng: “Ta sẽ thuyết pháp cho ai đầu tiên?” Ta liền nghĩ đến thầy A-là-ra, nhưng thầy đã chết bảy ngày trước đó. Ta bèn nghĩ đến thầy Ud-da-ka, người vừa qua đời mới ngày hôm qua”.

“Ta liền nghĩ đến nhóm năm tu sĩ, từng là bạn ta, khi tu khổ hạnh, hiện đang tu tại khu vườn Nai đẹp, thuộc Ba-la-nại. Ta đã lên đường, gặp họ tại đây. Trong bài Kinh đầu là Chuyển Pháp Luân, Ta đã khẳng định: “Này các đệ tử, vì không giác ngộ, không thông hiểu tứ đế, con người trôi lăn trong kiếp luân hồi. Này các đệ tử, cho đến khi nào, chúng Ta hiểu được bản chất khổ đau, nguyên nhân khổ đau, niết-bàn hết khổ, con



đường diệt khổ, thì đến lúc ấy, tham ái kết thúc, chuyển hóa sạch nghiệp, không còn phiền não, dứt sạch nghiệp chướng, thanh tịnh, giác ngộ, chứng đắc giải thoát, không còn tái sinh”.⁽¹⁰⁾ O

VỊ TRÍ CỦA PHẬT

“Này các đệ tử, kết thúc sinh tử, Ta đã trở thành giác ngộ tối tôn ở trên đời này. Ta là Trưởng thượng. Ta là Tối thượng. Đây là kiếp sống cuối cùng của Ta. Từ nay trở đi, Ta không tái sanh theo nghiệp lôi kéo”.⁽¹¹⁾

“Này các đệ tử, một người xuất hiện ở trên cõi đời, có một không hai, không có đồng bạn, không có ngang bằng, không có tương tự, bậc tối thượng giữa các loài hai chân, đó là Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác”.⁽¹²⁾ O

10. Kinh Đại Bát Niết Bàn thuộc Kinh Trường Bộ 16.

11. Trường Bộ Kinh I, 151.

12. Tăng Chi Bộ Kinh I, 29.



“Sự kiện sau đây không thể xảy ra: trong một thế giới có hai đức Phật, Chánh Đẳng Chánh Giác, không trước không sau, xuất hiện cùng lúc. Trong một thế giới, chỉ có một vị chứng đắc Phật quả”.⁽¹³⁾

“Này các đệ tử, như bông sen xanh, sen hồng, sen trắng sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, không bị nước thấm; sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, Ta chinh phục đời, không bị nghiệp đời làm cho thấm ướt. Ta là đức Phật, giác ngộ tuyệt đối. “Ta trở thành người không bị chi phối bởi tham, sân, si. Ta sanh ra ở đời, vì hạnh phúc lớn cho các chúng sinh, vì lòng thương đời, vì phúc lạc lớn cho loài người này”.⁽¹⁴⁾ O

MÔI ĐÈN CHÂN LÝ

Sau khi hóa độ năm bạn đồng tu và năm mươi lăm thương gia nổi tiếng trở thành

13. *Tăng Chi Bộ Kinh* I, 37.

14. *Kinh Trung Bộ* I, 83.



60 vị A-la-hán, Ta đã khuyến khích các vị như sau: “Này các đệ tử, hãy siêng du hành, vì hạnh phúc lớn cho cả loài người, vì an lạc lớn, vì thương tưởng đời, vì các lợi ích và nhiều phúc lạc cho loài người này. Tất cả các vị đừng đi chung đường. Hãy đi nhiều hướng, truyền bá chân lý, toàn thiện quăng đầu, toàn thiện quăng giữa, toàn thiện quăng sau, cả văn và nghĩa, mô tả trọn vẹn đời sống thánh thiện. Như các đệ tử, Ta sẽ đi về U-ru-ve-la để truyền chân lý”.⁽¹⁵⁾

“Này các đệ tử, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên hiện thực khổ đau và con đường đến kết thúc khổ đau”.⁽¹⁶⁾

“Này các đệ tử, Ta không tranh chấp cái gì với đời, chỉ có cuộc đời tranh chấp với Ta. Này các đệ tử, mỗi khi thuyết pháp không nên tranh chấp với ai ở đời”.⁽¹⁷⁾ O

15. Kinh Tương Ưng I, 128.

16. Kinh Trung Bộ I, 140.

17. Kinh Tương Ưng III, 165.



“Này các đệ tử, Như Lai biết rõ: Điều gì xảy ra thì phải xảy ra, các quả báo trở tùy thuộc nhân duyên, nhân duyên của nghiệp gồm có quá khứ, hiện tại, vị lai. Như Lai biết rõ con đường tái sinh trong các cảnh giới thuộc kiếp luân hồi. Như Lai biết rõ thế giới sai biệt, nghiệp cảm sai biệt, căn tánh sai biệt của các chúng sanh. Như Lai biết rõ tạp nhiễm, thanh tịnh; giá trị thiên định, giải thoát, trí tuệ. Như Lai thấy rõ các kiếp quá khứ, các kiếp tương lai của các chúng sinh. Như Lai chuyển hóa tất cả lậu hoặc, đạt được thánh trí, giác ngộ, giải thoát. Như Lai chứng đắc sáu phép thần thông: Phép màu biến hóa, phép túc mạng thông, phép thiên nhãn thông, phép thiên nhĩ thông, phép lậu tận thông. Như Lai đạt được bốn không sợ hãi, không sợ ai đến chất vấn điều gì, chất vấn giác ngộ, chất vấn chương ngại, chất vấn mục tiêu,

chất vắn diệt khổ; bất kể điều gì, ngài đều thông suốt”.⁽¹⁸⁾ O

ĐỨC PHẬT LÀ NGƯỜI CHỈ ĐƯỜNG

“Này các đệ tử, là bậc đạo sư, những gì Ta làm là vì từ mẫn, mưu cầu hạnh phúc cho các đệ tử. Này các đệ tử, đây là gốc cây, đây nơi an tĩnh, hãy thực tập thiền, chớ có phóng dật, để không nuối tiếc. Đây lời Ta dạy, hãy gắng thực hành”.⁽¹⁹⁾

“Này các đệ tử, truyền thống tâm linh, do Ta thiết lập, vô cùng tốt đẹp, có giá trị lớn, các đệ tử hãy tiếp tục duy trì”.⁽²⁰⁾ O

“Thế Tôn là bậc đã được giác ngộ, thuyết giảng phương cách để được giác ngộ. Thế Tôn điều phục, thuyết giảng phương pháp để được điều phục. Thế Tôn tịch tịnh, thuyết giảng phương pháp để đạt tịch tịnh. Thế Tôn vượt qua, thuyết giảng

18. Kinh Trung Bộ I, 69.

19. Kinh Trung Bộ III, 96.

20. Kinh Trung Bộ II, 82.



phương pháp để được vượt qua. Thế Tôn niết-bàn, thuyết pháp phương pháp đạt được niết-bàn”.⁽²¹⁾

“Này các đệ tử, có một con đường đưa đến niết-bàn; Như Lai có mặt với tư cách là đạo sư chỉ đường. Những gì cần dạy, Ta đã chỉ dạy. Những gì cần làm, Ta đều đã làm. Trong hội chúng ta, có người chứng đắc quả A-la-hán, có người đang cố nỗ lực thực tập. Người chứng, người không. Ta làm gì được? Như Lai là bậc chỉ con đường đúng”.⁽²²⁾ O

NHỮNG LỜI DI CHÚC

“Này các đệ tử, bốn mươi lăm năm, rày đây mai đó, Ta đã truyền bá Pháp và Luật này, với hàng ngàn bài chân lý cao quý, cho nhiều thành phần, từ vua đến dân, từ các Sa-môn hay Bà-la-môn đến người không đạo, giúp họ từ bỏ các hạnh nghiệp

21. *Kinh Trung Bộ* I, 237.

22. *Kinh Trung Bộ* III, trang 105.



xấu, phát triển thiện tâm, thanh tịnh tâm ý, hướng đến giải thoát, trí tuệ, niết-bàn. Nay đã đến lúc thân thể Ta bệnh”.

“Vào ngày cuối cùng, Phật đang ở tại rừng cây Sa-la, ngài dạy như sau: “Thân Ta già bệnh, còm người phía trước, tay chân rã rời, giác quan yếu dần, da Ta nhăn nhúm, không còn trong sáng. Nay các đệ tử, sự tình là vậy. Bản chất của già nằm trong tuổi trẻ. Bản chất của chết nằm trong sự sống”.⁽²³⁾ O

“Này các đệ tử, Ta đã giảng pháp, không hề phân biệt, không hề giấu giếm trong tay điều gì. Ta không nghĩ rằng Ta là lãnh đạo của cả Tăng đoàn, Tăng đoàn phải chịu hướng dẫn của ta. Ta đã công bố con đường giác ngộ. Ta nay đã già, tám mươi tuổi rồi, đến lúc vẫy chào với cuộc đời này. Thân thể của Ta như cổ

23. Kinh Tương Ưng, V, 229.



xe già, còn chạy được là nhờ dây chằng chịt. Khi Ta không còn tác ý đến tướng, thì các cảm giác sẽ không khởi lên, Ta chứng, an trú tâm định vô tướng, lúc ấy thân Ta vô cùng thoải mái”.

“Này các đệ tử, mỗi người tự mình thấp đuốc mà đi, hãy tự nương tựa, chớ nương gì khác. Hãy dùng Chánh pháp làm ngọn đèn soi, hãy dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa khác. Nương tựa vào pháp được hiểu như sau. Đối với thân thể, cảm giác, tâm hành và các ý niệm thì nên quán chiếu, tinh tấn, tỉnh giác, chánh niệm hiện tiền, nhiếp phục tham ái, không còn sầu bi”.⁽²⁴⁾ O

GIÃ TỪ CÔI ĐỜI

“Khi nghe tin Phật đã nhập niết-bàn, dân tộc Malla tại Câu-thi-la, Tăng, Ni, Phật tử, tất cả mọi người tâm tư khổ não, đau đớn

24. Kinh Đại Bát Niết Bàn, thuộc Kinh Trường Bộ 16.



sầu muộn, kẻ thì khóc than với đầu tóc rối, người thì than thân, bỏ nhào dưới đất. Tất cả tiếc nuối: “Vì sao Thế Tôn nhập diệt quá sớm. Thế Tôn đi rồi, pháp nhãn biến mất khỏi cõi đời này. Thật là uổng tiếc”.

“Không ai bảo ai, nhiều người gom góp hương, hoa, nhạc khí, lụa quý... đem về khu rừng Sa-la, cung kính, tưởng niệm, làm lễ hỏa thiêu bậc thầy vĩ đại. Suốt bảy ngày liền, mọi người cúng dường thân xá-lợi Phật các điệu ca múa, lời hát thiền vị, tràng hoa, hương liệu, trước khi đưa tiền kim thân của ngài đến giàn hỏa thiêu. Thờ tại của Đông, kim thân của Phật được ván lụa quý, gồm năm trăm lớp, đặt trong hòm sắt. Một giàn hỏa thiêu tẩm hương liệu quý nâng kim thân ngài. Hàng trăm tràng hoa được tôn trí đẹp. Ngài Đại Ca-diếp và năm trăm vị đệ tử Tỳ-kheo vội vã đường về từ xứ Pava, đúng một tuần lễ, mới về tới nơi”. O



“Đứng trước cảnh tượng từ già đạo sư, các vị tu sĩ chưa chứng thánh quả, đã không thể ngăn dòng lệ kính tiếc. “Vì sao Thế Tôn nhập diệt quá sớm. Thế Tôn đi rồi, pháp nhãn biến mất khỏi cõi đời này. Thật là uổng tiếc”. Đối với các vị đã chứng quả thánh, an trú chánh niệm, nội tĩnh suy tư: “Mọi thứ trên đời đều là vô thường. Không ai tránh được phút biệt ly này”.

“Khi ngài Ca-diếp, tất cả mọi người đánh lễ Thế Tôn, lửa bắt đầu cháy. Hương thơm tỏa ngát, cảnh trời xao xát, tâm người buồn tênh. Sau lễ hỏa thiêu, kim thân của Phật để lại rất nhiều các viên xá-lợi, vô cùng quý giá. Xá-lợi của Phật chia làm tám phần, đựng trong tráp đá, dành cho tám Vua Phật tử thuần thành, xây tháp tôn thờ tại nước của họ, giúp cho bá tánh có dịp chiêm bái”.⁽²⁵⁾ ○

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) ○

25. Kinh Đại Bát Niết Bàn, thuộc Kinh Trường Bộ 16.

2. KINH NGƯỜI ÁO TRẮNG

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật ở chùa Kỳ Viên do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng. Vào sáng hôm nọ, ông Cấp Cô Độc cùng với năm trăm cư sĩ thuần thành viếng thăm, đánh lễ ngài Xá-lợi-phất, rồi ngồi một bên. Ngài Xá-lợi-phất dùng nhiều phương tiện, thuyết pháp khai tâm cho các cư sĩ, mang lại niềm vui và sự khát ngưỡng đối với Tam bảo và sự thực tập con đường chuyển hóa. O

Ngài Xá-lợi-phất hướng dẫn tất cả đến viếng đức Phật, đầu thành năm vóc, đánh lễ chân Người, rồi ngồi một bên, hít thở chính niệm. Thế Tôn ân cần dạy bảo mọi người những điều cốt lõi mà người tại



gia cần siêng thực hành, để được an vui. O

– Nay các đệ tử, nếu người áo trắng sống đời thanh cao, giữ gìn trọn vẹn năm điều đạo đức, tu tập đầy đủ bốn tâm cao thượng, có thể đạt được một cách dễ dàng phước và hạnh phúc ở trong hiện tại và biết chắc rằng không còn rơi rớt trong các nẻo ác: Địa ngục, ngạ quỷ và loài động vật trong kiếp tương lai. Đồng thời, người ấy đã được chắc chắn dự vào dòng thánh ở quả thứ nhất. O

– Đạo đức thứ nhất: Đệ tử áo trắng quyết tâm xa lìa mọi sự giết hại, buông bỏ vũ khí, chấm dứt bạo động, tu tập từ bi, thương xót mọi loài, bảo vệ thiên nhiên, biết sống hổ thẹn, lương tâm trong sáng. Nhờ thực tập này, đệ tử áo trắng nhờ tận gốc rễ tâm niệm giết hại, sống trong hạnh phúc và sự an vui. O

– Đạo đức thứ hai: Đệ tử áo trắng quyết



tâm xa lìa mọi sự trộm cắp, tôn trọng sở hữu hợp pháp của người, những gì không cho thì không được lấy; vui thích bố thí, cứu người giúp đời vượt qua nghèo khổ; lúc bố thí thì không cầu đền đáp. Nhờ thực tập này, đệ tử áo trắng không bị tâm lý tham lam, bòn xén, keo kiệt che lấp, sống trong liêm khiết, giàu lòng vị tha. O

– Đạo đức thứ ba: Đệ tử áo trắng quyết tâm xa lìa tà dâm ngoại tình, sống hạnh chung thủy, bảo vệ hạnh phúc tất cả mọi người trong sự bảo hộ của cha và mẹ, hoặc cả cha mẹ, hoặc anh chị em, hoặc bên sui gia, hoặc người đồng tính, hoặc vợ chồng con của mình và người, cả kẻ cuồng dâm, bạo lực gia đình, hoặc kẻ bán phần. Nhờ thực tập này, đệ tử áo trắng không bị tâm lý hưởng thụ thấp kém làm mất hạnh phúc. O

– Đạo đức thứ tư: Đệ tử áo trắng quyết tâm xa lìa những lời dối gạt, chằm dút



nói láo - tuyên bố sự thật, không nói chia rẽ - nói lời xây dựng, không nói thô tục - nói lời lịch sự, không nói tán gẫu - nói lời lợi lạc. Nhờ thực tập này, đệ tử áo trắng an trú chính niệm, đáng được tin cậy, uy tín tăng trưởng. O

– Đạo đức thứ năm: Đệ tử áo trắng quyết tâm xa lìa rượu và ma túy, các chất gây say; chấm dứt thói quen hưởng thụ độc tố; không tham gia vào sản xuất, buôn bán các độc tố này. Nhờ thực tập này, đệ tử áo trắng giữ gìn sức khỏe và sống hạnh phúc với người thân thương. O

Này các đệ tử, làm người áo trắng, sống đời tại gia, hãy cố gắng giữ năm điều đạo đức vừa được tuyên thuyết, để sống hạnh phúc với nhiều phước báo trong đời hiện tại và đời tương lai.

Này các đệ tử, hãy lắng lòng nghe Như Lai giảng dạy phương pháp đạt được bốn



tâm cao thượng trong hiện tại này, một cách dễ dàng với nhiều giá trị. O

– Tâm cao thượng một: Đệ tử áo trắng quán niệm Như Lai là bậc Giác ngộ không còn dính mắc, bậc Minh Hạnh Túc, là bậc Thiện Thệ, bậc Thế Gian Giải, bậc Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, là Thiên Nhân Sư, là Phật, Thế Tôn. Nhờ quán niệm này, vọng tâm, dục niệm thấy đều tiêu diệt; không còn yếu tố bất thiện, uế nhiễm, sầu khổ, lo âu ảnh hưởng, chi phối. Nhờ quán tưởng Phật, tâm được lắng trong, đạt an vui lớn. O

– Tâm cao thượng hai: Đệ tử áo trắng quán niệm chánh pháp được Phật giảng dạy tài tình dễ hiểu, có khả năng lớn đưa đến giải thoát mọi sự khổ đau và các phiền não; tâm được thư thái, không bị nóng bức, an vui lâu dài. O

– Tâm cao thượng ba: Đệ tử áo trắng



quán niệm Tăng đoàn của đức Như Lai, đi trên nẻo thiện, thánh đạo chân chánh, hướng theo giáo pháp, thực tập giáo pháp, sống đúng giáo pháp. Có vị đã chứng quả A-la-hán, quả A-na-hàm, quả Tư-đà-hàm, quả Tu-đà-hoàn, hoặc đang trên đường đạt các quả ấy. Tăng đoàn gồm đủ bốn đôi, tám bậc, thành tựu đạo đức, thiền định, trí tuệ, giải thoát cũng như tri kiến giải thoát. Thánh chúng như thế đáng được tôn kính, phụng sự, cúng dường, là ruộng phước tốt cho đời gieo trồng. O

– Tâm cao thượng bốn: Đệ tử áo trắng quán niệm giới luật được Phật giảng dạy không có khuyết điểm, không bị tỳ vết, không bị nhơ ố, có khả năng lớn bảo hộ đạo đức, giúp người giữ giới an trú vững chãi trong cảnh giới Phật. Giới này thanh cao vốn được hiền trí khen ngợi, tiếp nhận, thực tập, truyền bá. O

Này các đệ tử, nên ghi nhớ rằng đệ tử



áo trắng khi thực tập được bốn tâm cao thượng một cách trọn vẹn là đã chấm dứt các nẻo xấu ác, không còn đọa lạc địa ngục, ngạ quỷ và loài súc sanh, hướng đến chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, ngay trong hiện tại. Người đệ tử ấy đi về nẻo giác, chuyển hóa phiền não, thanh tịnh thân tâm; qua lại tối đa bảy lần sinh tử trong cõi trời người là có thể đạt giác ngộ, giải thoát, không còn khổ đau.

Sau khi tuyên thuyết năm điều đạo đức, bốn tâm cao thượng, Thế Tôn ân cần trùng tuyên tóm tắt bằng một bài kệ dễ hiểu sau đây: O

Người tại gia sáng suốt,
Sợ các cảnh giới xấu,
Siêng thực tập chính pháp,
Chuyển hóa mọi khổ đau. O
Giữ năm điều đạo đức:
Không giết hại sự sống,
Chân thật, không trộm cắp,



Chung thủy trong hôn nhân,
Không nói lời tổn hại,
Không rượu và ma túy. O

Người đệ tử áo trắng
Thường thực tập niệm Phật,
Thường thực tập niệm Pháp,
Thường thực tập niệm Tăng,
Thường quán niệm đạo đức,
Nhờ đó, tâm thanh thoi.
Người đệ tử áo trắng
Hoan hỷ với bố thí,
Gieo trồng phước hiện tiền,
Khéo thực tập chính niệm,
Giác ngộ và giải thoát. O

Hãy quan sát đàn bò
Có con vàng, đỏ, trắng,
Một màu hoặc có đốm;
Dù bò màu sắc gì,
Hoặc xuất xứ từ đâu,
Giá trị thật của bò,



Là ở sức chuyên chở.
Là con bò hữu dụng
Phải có sức khỏe mạnh,
Kéo xe, chuyên chở nhiều,
Giúp chủ trong công việc.

O

Trong thế giới con người
Dù xuất thân thế nào,
Già trẻ hay nam, nữ
Vua chúa hay thương gia
Tu sĩ hay thường dân,
Bất kỳ ai giữ giới,
Sống trong sạch, đứng đắn,
Trở thành người đạo đức,
Khéo vượt khổ, thanh thoi,
Đạt được sự giác ngộ.
Cúng dường người như vậy
Sẽ được phước đức lớn.

O

Như Lai không phân biệt
Giai cấp và nguồn gốc.
Kẻ không có tài đức



Không lợi lạc cho ai.
Cúng dường người như thế
Không có giá trị nhiều. O

Phật tử siêng tu huệ,
Tâm hướng về Phật pháp,
Căn lành luôn tăng trưởng,
Hiện đời được hạnh phúc,
Khi chết tái sinh lành,
Qua lại trong trời người,
Nhiều nhất là bảy lần,
Tiếp tục tu nhân lành,
Đạt niết-bàn giải thoát. O

Nghe Phật dạy xong, ngài Xá-lợi-phất,
Cấp Cô Độc và năm trăm cư sĩ cảm thấy
hân hoan, phát nguyện làm theo những
điều Phật dạy, đồng thời phát nguyện
truyền bá lời Phật, đem lại lợi lạc cho
khắp mọi người. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật



(3 lần) O

3. KINH MUỖI NGHIỆP THIỆN

NGHIỆP DO TÂM TẠO

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật ở tại Long cung là Ta-kiệt-la. Có mặt với Phật, còn có tám ngàn Tỷ-kheo xuất chúng và ba mươi hai ngàn đại Bồ-tát. Tại Hội chúng này, đức Phật đã dạy về tâm tạo nghiệp và mười nghiệp thiện tuần tự như sau:

Này Ta-kiệt-la và các đệ tử, vì tâm con người và các chúng sanh suy nghĩ khác nhau nên họ tạo nghiệp hoàn toàn khác nhau, từ đó trôi lăn trong các cõi sống. Hãy hình dung xem, hình thù, màu sắc của các chúng sanh ở sông, hồ, biển hoàn toàn khác biệt. Sự khác biệt này là do chúng sanh tạo nghiệp thiện, ác từ thân, miệng, ý... chiêu lấy quả báo. O



Tâm không hình thù, không nhìn thấy được. Tâm tà tưởng vọng là sự giả dối, duyên huyễn tạo thành, không có chủ nhân, không có cái ta, không có sở hữu tùy thuộc vào ta. Biểu hiện của nghiệp vốn không giống nhau, tính chất của nghiệp thì có thiện, ác. Người tạo ra nghiệp do các điều kiện, bản chất của nghiệp không có định mệnh, số phận an bày.

Người trí hiểu rõ đặc tính của nghiệp nên gắng tu thiện, chuyển hóa thân tâm; nhờ tu tập này, thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và các nhận thức đều được đoan chánh. Mười hai hành xứ gồm sáu giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể và ý) và sáu đối tượng (hình thái, âm thanh, mùi, vị, xúc chạm và vật hình dung) đều được đoan chánh. Sáu loại nhận thức phát sanh ra từ mười hai hành xứ đều trong chánh niệm. Ai tiếp xúc với người tu thiện nghiệp đều rất vui thích, hân hoan, không chán. O



Này các đệ tử, thân của các Phật từ trăm ngàn ức phước đức sinh ra. Tướng vẻ trang nghiêm, hào quang sáng rực, trí tuệ chiếu soi; dù vô lượng vị Tỳ Tại Phạm Vương cũng không sánh bằng. Ai chiêm ngưỡng Phật, mắt không chói lòa, tâm được bình an. Thân của Bồ-tát trang nghiêm như Phật, đều do phước đức nghiệp thiện mà sanh. Thế giới con người, tám bộ trời rồng, các loài dưới nước, trên không, dưới đất... thân hình đẹp xấu, hình thù lớn nhỏ, hạnh phúc khổ đau... đều do các nghiệp thiện, ác tạo ra từ thân, miệng, ý. Nghiệp tạo thế nào, quả báo thế nấy, không có sai lệch.

Này các đệ tử, hãy tin nhân quả, sống với nhân quả và dạy mọi người hiểu sâu nhân quả, tránh các nghiệp ác, tu tập nghiệp thiện. Khi có chánh kiến về chuỗi nhân quả, con người không còn rơi vào tà kiến: Chết rồi là hết, định mệnh



thường hằng. Đối với ruộng phước từ ba ngôi báu, hãy nên cung kính, đánh lễ, cúng dường. Nhờ nhân tốt này, được mọi người quý. O

Này các đệ tử, các bậc Bồ-tát do tinh tấn tu một pháp đặc biệt mà dứt khổ não trong các đường ác. Đó là ngày đêm, trong từng tích tắc, quán sát pháp lành; làm cho thiện pháp tăng trưởng, phát triển; không để hào tư bất thiện xen vào. Khi trồng trọt vụn các hạt giống thiện tức thời là lúc tất cả gốc ác đã được chuyển hóa. Thường xuyên thân cận các Phật và Bồ-tát cùng các bậc Thánh.

Này các đệ tử, thiện pháp vốn là nhân của cõi người và các cõi trời, là giống bồ-đề của A-la-hán, Thanh Văn, Duyên Giác và Độc giác Phật, là nhân dẫn đến giác ngộ vô thượng. Tất cả quả giác, hạnh phúc, an lành đều nương tựa vào pháp lành mà được.

Này các đệ tử, có mười điều lành làm nhân căn bản của phước và đức, trí tuệ, giải thoát. Ba thiện về thân là không sát sanh, trộm cắp, ngoại tình. Bốn thiện về miệng là không nói dối, không lời chia rẽ, không lời độc ác, không lời vô ích. Ba thiện về ý là không tham ái, sân hận, si mê. Nay ta lần lượt phân tích lợi ích của mười nghiệp thiện. O

MƯỜI PHÚC NHỜ KHÔNG SÁT SANH

Này các đệ tử, những người giữ được nghiệp không sát sanh sẽ được mười phước, xa lìa khổ đau, sầu lo, bất hạnh. Một là ban tặng niềm vui không sợ cho các chúng sanh. Hai là từ bi đối với chúng sanh. Ba là chuyển hóa thói quen giận dữ. Bốn là thân thể khỏe mạnh, bình an. Năm là sống lâu, sáng suốt, không lẫn. Sáu là thường được quý nhân ủng hộ. Bảy là vui vẻ trong thức và ngủ, không bị ác mộng. Tám là chấm dứt các gút



oan trái. Chín là không sợ rơi vào cõi ác. Mười là qua đời, sanh vào cõi trời. Nếu biết hồi hướng mười quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, thọ mạng tự tại, tùy theo sở thích. O

MƯỜI PHÚC NHỜ KHÔNG TRỘM CẤP

Này các đệ tử, những người giữ được nghiệp không trộm cắp sẽ được mười phước, xa lìa khổ đau, sầu lo, bất hạnh. Một là giàu sang, tài sản không bị lửa cháy, lụt trôi, giặc cướp, vua thu, người thân phá của. Hai là uy tín, được nhiều người mến. Ba là nhờ phước, không bị lừa gạt. Bốn là thân sơ tỏ lời khen ngợi. Năm là không lo sợ tổn hại nào. Sáu là danh thơm, tiếng tốt đồn xa. Bảy là không sợ luật và đông người. Tám là tài sản, nhan sắc, tuổi thọ, sức khỏe, an vui. Chín là có lòng thương người, bố thí. Mười là qua đời, sanh về cõi trời. Nếu biết hồi hướng mười quả phúc này về

đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, được trí tuệ lớn, thanh tịnh, vô cầu. O

BỐN PHÚC NHỜ KHÔNG NGOẠI TÌNH

Này các đệ tử, những người không phạm tà dâm, ngoại tình được bốn lợi ích, người trí ngợi khen. Một là giác quan hài hòa, gia đình hạnh phúc. Hai là thoát khỏi lo lắng, sợ hãi. Ba là được đời hết lời khen ngợi. Bốn là bạn đời không bị truyền nhiễm, tổn hại, khổ đau. Nếu biết hồi hướng bốn quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, được tướng ân tàng của bậc giác ngộ và Đại trượng phu. O

TÁM PHÚC NHỜ KHÔNG LỪA DỐI

Này các đệ tử, những người từ bỏ các nghiệp nói dối, được tám lợi ích, người trí ngợi khen. Một là hơi miệng tỏa ra mùi thơm, sạch như hoa sen. Hai là uy tín, được đời tín phục. Ba là mọi người kính nể, thương quý. Bốn là dùng lời dịu



dàng, nâng đỡ, cứu giúp mọi người. Năm là ý vui, ba nghiệp trong sạch. Sáu là lời nói không bị lầm lẫn, tâm luôn hoan hỷ. Bảy là nói lời lịch sự, tôn trọng, được người nghe theo. Tám là có trí, không ai qua mặt. Nếu biết hồi hướng tám quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, liền được chân ngữ của đức Như Lai. O

NĂM PHÚC NHỜ KHÔNG NÓI HAI LƯỠI

Này các đệ tử, người lìa bỏ được nghiệp nói hai lưỡi, được năm phước lành, không thể phá hoại. Một là thân thể không bị tật nguyên. Hai là quyền thuộc sum vầy, hòa thuận. Ba là uy tín tăng trưởng theo nghiệp. Bốn là đức hạnh, tu hành kiên cố. Năm được thiện hữu, không bị lừa dối. Nếu biết hồi hướng năm quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, được quyền thuộc tốt, tà ma ngoại đạo không thể phá hoại.

TÁM PHÚC NHỜ KHÔNG NÓI ĐỘC ÁC

Này các đệ tử, ai xa lìa được các nghiệp ác khẩu, được tám phước lành. Một là lời nói không trái pháp quy. Hai là lời nói luôn mang lợi lạc. Ba là lời nói hợp lý, logic. Bốn là lời nói đẹp lòng người nghe. Năm là lời nói được người lắng nghe. Sáu là lời nói được người tin dùng. Bảy là lời nói không bị chê trách. Tám là lời nói mọi người yêu mến. Nếu biết hồi hướng tám quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, đầy đủ âm thanh tuyệt hảo của Phật. O

BA PHÚC NHỜ KHÔNG NÓI LỜI VÔ ÍCH

Này các đệ tử, ai xa lìa được các lời vô ích, được ba chắc chắn. Một là chắc chắn được người trí mến. Hai là chắc chắn đối đáp nhanh trí. Ba là chắc chắn tăng trưởng uy tín, không bị dối trá. Nếu biết hồi hướng ba quả phúc này về đạo



giác ngộ, khi chứng quả Phật, được Phật thụ ký, là điều chắc chắn. O

NĂM PHÚC NHỜ KHÔNG THAM DỤC

Này các đệ tử, ai xa lìa được các tâm tham dục, được năm tự tại. Một là ba nghiệp luôn được tự tại, giác quan đầy đủ. Hai là của cải luôn được tự tại, không bị cướp đoạt. Ba là phúc đức luôn được tự tại, ước gì được đó. Bốn là uy quyền luôn được tự tại, được hiến vật quý. Năm là vật dụng hơn chỗ mong cầu, do không bỏn xẻn, ganh tỵ, ghen ghét. Nếu biết hồi hướng năm quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, chúng sanh ba cõi thường luôn tôn trọng, cung kính, cúng dường. O

TÁM PHÚC NHỜ KHÔNG SÂN HẬN

Này các đệ tử, ai xa lìa được cái tâm giận dữ, được tám pháp hỷ. Một là có tâm không tổn hại ai. Hai là có tâm hòa bình, vui thuận. Ba là có tâm không gây kiện cáo.

Bốn là có tâm chân thực, nhu hòa. Năm là có tâm từ bi của Thánh. Sáu là có tâm làm việc lợi lạc. Bảy là thân tướng đoan nghiêm, người mến. Tám là hòa nhẫn, sớm sanh Phạm thiên. Nếu biết hồi hướng tám quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, được tâm vô ngại của Phật, Bồ-tát, người nhìn không chán. O

MƯỜI PHÚC NHỜ KHÔNG SI MÊ

Này các đệ tử, ai xa lìa được các tâm tà kiến, được mười công đức. Một là vui thích việc thiện, bạn thiện. Hai là tin chắc nhân quả đạo đức, quyết không làm ác. Ba là nương tựa Phật, Pháp và Tăng; không thờ Thượng đế và các thần linh. Bốn là tâm thẳng, công bằng, không còn lưới nghi những điều tốt, xấu. Năm là tái sanh làm người và trời, không vào đường ác. Sáu là phúc đức, trí tuệ tăng trưởng. Bảy là xa lìa mê tín, dị đoan; tu hành Thánh đạo. Tám không chấp thân, dứt



các nghiệp ác. Chín là thành tựu trí tuệ vô ngại. Mười là không rơi vào những cảnh tai nạn. Nếu biết hồi hướng mười quả phúc này về đạo giác ngộ, khi chứng quả Phật, trí tuệ vô ngại, thần thông tự tại.

Này các đệ tử, đang khi tu đạo, nếu có người nào xa lìa nghiệp sát, thường hành từ bi, thương loài hữu tình, thích ban mạng sống, xây dựng hòa bình, bảo vệ thiên nhiên, thì kẻ oán thù không thể hại được, hết nghiệp chết yểu, sống thọ, khỏe mạnh, sáng suốt, an vui. O

Nếu có người nào bỏ nghiệp trộm cắp, tôn trọng sở hữu, những gì không cho thì không được lấy; thích hạnh bố thí, giúp đỡ, cúng dường thì được giàu sang, tài sản đầy đủ, không thiếu thứ gì, không bị hư hại, đầy đủ tri thức về giáo pháp Phật, hành trì an vui.

Nếu có người nào không dính ngoại tình, từ bỏ tà dâm, giữ gìn tiết hạnh, chung



thủy vợ chồng, không xâm hại ai, không đem lòng dục nhìn ngó người khác, quan tâm chăm sóc người bạn đời mình và các con cái, chăm sóc hạnh phúc của cả gia đình sẽ sống hạnh phúc vợ chồng trăm năm, thoát khỏi sợ hãi và nhiều tai họa.

Nếu có người nào bỏ nghiệp dối trá, nói lời chân thật, tôn trọng chân lý, tránh lời hủy báng, chỉ trích, gây sự; luôn nói lời ngay, bảo vệ chánh pháp, giữ nguyện của mình thì quyết định đạt nhiều hạnh phúc lớn, không bị vu khống, không bị gièm pha. O

Nếu có người nào bỏ nghiệp ly gián, không nói chia rẽ; nói lời hòa hợp, xây dựng đoàn kết, nối kết tình thương, thì được quả phước quyến thuộc thuận hòa, đồng chí nguyện tốt, không gặp ngang trái, không bị tranh chấp, không vướng kiện tụng; thân tâm thoi thới.

Nếu có người nào không nói lời ác, văng tục, nguyện rửa, chửi bới quát tháo,



chì chiết nặng nề, ngữ điệu khó nghe, ngôn ngữ vô duyên thì được phước báo tăng trưởng uy tín, được người lắng nghe, không chút trái nghịch, đạt niềm vui lớn.

Nếu có người nào từ bỏ tán dóc, không lời vô ích, từ bỏ thị phi thì được phước báo mọi người tin tưởng, thể hiện kính trọng, không ai ngờ vực, đạt lợi ích lớn.

Nếu có người nào từ bỏ tham ái (đam mê hưởng dục, đam mê tái sanh, thích sự kết liễu), không còn tham lam bất cứ cái gì vốn là phi pháp; không còn bòn xẻn, ganh tỵ, tật đố; thường thí bố thí, tặng biếu sở hữu, giúp người cứu đời thì được phước báo uy lực tăng trưởng, niềm tin kiên cố, buông được chấp mắc.

Nếu có người nào từ bỏ sân hận, không còn bực tức, hiềm khích, bất mãn; không thương tổn ai, không xúc phạm ai, từ bỏ bạo lực và các khủng bố... thì được phước báo tâm trí vô ngại, không có kẻ thù, các



căn trang nghiêm, người thấy đều thích.

Nếu có người nào chuyển hóa si mê, mê tín, dị đoan; không còn tà kiến, thoát khỏi do dự và tâm ba phải... thì được phước báo tăng trưởng chánh kiến, luôn biết chăm sóc tâm bồ-đề lớn, hiểu rõ nhân quả, kính tin Tam Bảo, ứng xử chân chính, hạnh phúc tràn đầy. O

Này các đệ tử, khi tu Bồ-tát, làm mười nghiệp lành, siêng năng bố thí, chắc chắn đạt được nhiều lợi ích lớn, nay và mai sau.

Ai dùng giới đức trang nghiêm hạnh phúc, một lòng hướng về nghĩa lợi Phật pháp, thực tập nguyện lớn chắc chắn đạt được nhiều quả phúc lớn. Ai dùng kham nhẫn trang nghiêm bản thân được viên âm Phật, đủ các tướng tốt. Ai dùng tinh tấn trang nghiêm phước đức sẽ phá ma quân, vào pháp tạng Phật. Ai dùng thiền định trang nghiêm cõi tâm sẽ có chánh niệm, lương tâm, khinh an, trí tuệ sâu xa.



Ai dùng trí tuệ trang nghiêm cuộc sống sẽ dứt phân biệt, không còn vọng tâm, quét sạch tà kiến.

Ai dùng từ bi trang nghiêm hạnh phúc thì không còn tâm náo hại một ai; thương xót chúng sanh, không hề phân biệt, cũng không bỏ sót. Ai dùng hoan hỷ trang nghiêm tấm lòng thì không ganh ghét người tu học thiện. Ai dùng buông xả xử lý khổ đau trước cảnh thuận nghịch, tâm được bình an, không còn buồn giận.

Ai dùng chính niệm trang nghiêm thân tâm sẽ không rời bỏ pháp tứ niệm xứ: Quán thân, cảm giác, tâm và ý niệm. Ai biết sử dụng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự trang nghiêm cuộc sống sẽ giáo hóa được vô số chúng sanh. Ai dùng tinh tấn để tự trang nghiêm thì sẽ dứt sạch các pháp xấu ác, thành tựu thiện nghiệp, sống trong hạnh phúc. O

Ai dùng thần túc để tự trang nghiêm thì thân và tâm nhẹ nhàng, vui vẻ. Ai dùng



năm căn hay dùng năm lực (bao gồm tín, tấn, niệm, định và tuệ) trang nghiêm cuộc sống thì niềm tin vững, tinh tấn, không mê, không còn oán thù, dứt các phiền não, vắng lặng, điều thuận; không gì hại được. Ai dùng bảy giác (bao gồm Trạch pháp, tinh tiến, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm, thiền định, hành xả) trang nghiêm đạo hạnh sẽ sớm giác ngộ bản chất các pháp.

Ai dùng tám chính (tâm nhìn chân chính, tư duy chân chính, lời nói chân chính, hành động chân chính, nghề nghiệp chân chính, chính niệm, chánh định) trang nghiêm tự thân sẽ được trí tuệ, giải quyết vấn nạn, hiện tại an vui. Ai dùng phương pháp thiền chỉ và quán trang nghiêm tâm thức sẽ rõ thực tướng của các sự vật. Ai dùng phương tiện giúp người cứu đời sẽ chóng thành tựu niềm vui niết-bàn.

O



Này các đệ tử, tu tập trọn vẹn mười nghiệp thiện này sẽ giúp thành tựu mười năng lực lớn, bốn pháp vô úy, mười tám bất cộng, tất cả Phật pháp đều được viên mãn. Vì thế ta khuyên tất cả mọi người siêng năng thực tập mười nghiệp thiện này.

Ví như thành trì, phố xá, làng xóm, nhà cửa, cây cối... đều nương địa cầu để an trụ vững và được tăng trưởng. Tương tự như thế, mười nghiệp thiện này, tất cả con người, chư thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Độc Giác và các Bồ-tát, hết thảy Phật pháp đều nương nền tảng mười thiện mà thành. Không đạt mười thiện không thể hạnh phúc, giác ngộ, giải thoát.

Phật vừa dứt lời, vua Ta-kiệt-la, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực tập, truyền bá kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O

4. PHẬT NÓI KINH TÁM ĐIỀU TRAI GIỚI

BA LOẠI TRAI GIỚI

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật ở điện Thừa Tướng, thuộc thành Xá-vệ, mẹ quan Thừa Tướng là bà Duy-da và các con dâu đến thăm viếng Ngài. Sau khi lễ Phật, họ ngồi một bên, thỉnh Phật tuyên thuyết các lợi ích của Bát quan trai giới.

Này bà Duy Da, về trì trai giới có ba nhóm loại: Một là trì trai như người chăn trâu. Hai là trì trai như đạo hỏa thiêu. Ba là trì trai đúng với Phật pháp. O

Thế nào gọi là trì trai giống như những kẻ chăn trâu? Những kẻ mục đồng thường mong ước được nước sạch, cỏ xanh cho trâu ăn uống. Chiều về họ



nghe cánh đồng phong nhiều, để vào ngày mai lửa trâu đến đó. Công việc của họ là chăn và lửa, cho ăn, lấy sữa. Tương tự, nam nữ đã nhận trai giới lại bận tâm vào tham dục, sản nghiệp, thức ăn ngon ngọt, để làm thỏa mãn cái tâm ham thích. Tiếp nhận trai giới như cách vừa nêu không được lợi lạc và thiếu sáng suốt. O

Thế nào gọi là trì trai giống như tu đạo lửa thế? Vào những ngày rằm, người theo đạo này nằm sát xuống đất, tiếp nhận trai giới, họ lạy thần linh trong mười cây số và cầu nguyện rằng: “Hôm nay ngày trai, tôi không làm ác, tôi không dám nói có nhà của người hay nhà của mình, tôi không thân quen; vợ, con, tôi tớ không phải sở hữu, tôi không phải là chủ nhân của họ”. Cách làm như thế chẳng qua chỉ là loại học văn sang mà chữ thì hèn, không có thực tâm. Qua sáng hôm sau, đâu cũng vào đấy, không chút thay đổi



tâm tánh, thói quen. Trì trai như thế không lợi ích lớn do thiếu sáng suốt. O

Thế nào gọi là trì trai chân chính đúng với pháp Phật? Phật tử thuần thành, mỗi tháng sáu ngày, tiếp nhận tám giới với tâm thanh tịnh, thực hành nghiêm túc, làm mới thân tâm, mang lại hạnh phúc, an lạc dài lâu. O

TÁM ĐIỀU TRAI GIỚI

Trai giới thứ nhất trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, thương tưởng chúng sanh, không gieo sát nghiệp với người, thú vật và loài côn trùng; không dùng dao, gây giết hại chúng sinh; góp phần xây dựng thế giới hòa bình, xã hội an vui; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ hai trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, chuyển hóa lòng tham, từ bỏ trộm cắp, những gì không cho thì không được lấy; tôn trọng sở



hữu của những người khác; thích hạnh bố thí, chia sẻ giúp người; khi tặng biếu ai rất là trân trọng, không gây mặc cảm; cho không mong cầu đền đáp về sau; bỏ tâm tham lam, keo kiệt, bủn xỉn; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ ba trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, không có dâm ý, không vướng dục lạc, không màng tính dục, không thích nhan sắc; tu hạnh thanh cao; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ tư trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, không nói vọng ngữ, tâm niệm chân chính, ngôn ngữ chân thật, không lời dối gạt, miệng tâm khớp nhau, nói gì làm nấy, làm gì nói nấy; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ năm trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, không uống rượu bia, ma túy, thuốc lá và độc tố khác; tâm không mê loạn, không bỏ chánh niệm, ý



không buông lung, hạnh luôn đoan chánh; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ sáu trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, không trang sức phẩm, không xúc nước hoa, không xoa phấn sáp, không ăn mặc đẹp; không ca, hát, múa; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ bảy trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, không nằm giường nệm sang trọng đắt tiền, không ngủ quá nhiều; sống ngày giản dị; vui với Phật pháp; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh.

Trai giới thứ tám trong một ngày đêm, như bậc chân nhân, ăn uống đúng thời, sau Ngọ không ăn; tiết chế ăn uống, làm nhẹ thân thể; vui với Phật pháp; hết lòng thực tập giới này thanh tịnh. O

THỰC TẬP NĂM NIỆM

Này các đệ tử, đó là tám giới mà những người đời tập tu một ngày như người



xuất gia. Để ngày trì trai được quả phúc lớn, người nhận trai giới cần luôn ghi nhớ năm niệm sau đây.

Một là niệm Phật với mười đức hiệu: “Phật là Như Lai, là bậc Chí chân, bậc Chánh đẳng giác, bậc Minh hạnh túc, bậc Thế gian giải, bậc Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, bậc thầy trời người, là bậc Thế Tôn”. Nhờ tâm niệm Phật, trạng thái ngu si, ác ý, phần nộ và các bất thiện đều không khởi lên; tâm thiện lớn mạnh, vui với niệm Phật, đức lành tăng trưởng, được người quý mến; như người gội đầu trừ sạch gàu bần. O

Hai là niệm Pháp là trí tuệ lớn, soi sáng thế giới, xóa tan khổ đau, mang lại hạnh phúc. Giáo pháp rất nhiều, gồm trong ba bảy yếu tố giác ngộ: Bốn điều quán niệm, bốn thứ tinh tấn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy chi giác ngộ và



tám chánh đạo. Nhờ tâm niệm pháp ta có giải pháp thoát mọi khổ đau. O

Ba là niệm Tăng, đoàn thể xuất gia, bốn đôi tám bậc, có lý tưởng lớn, học tu Phật pháp, tỏ ngộ Phật tuệ, chứng đắc đạo quả hoặc đang trên đường chứng đắc đạo quả, từ quả thứ nhất đến A-la-hán. Tăng đoàn đạt được đạo đức, thiền định, trí tuệ và tuệ giải thoát; đầy đủ các hạnh, tròn đầy thánh đức; đáng làm ruộng phước cho đời gieo trồng. Nhờ niệm Tăng đoàn, các nghiệp si mê, ác ý, phần nộ đều được trừ sạch, tâm hoan hỷ sanh, vui thích việc thiện. Như lấy tro chín giặt tẩy áo quần không còn nhơ bẩn. O

Bốn là niệm Giới. Khi đã tiếp nhận giới luật của Phật, nên giữ trọn vẹn, không tạo tỳ vết, không để thiếu sót, giữ gìn trang nghiêm và luôn miên mật; tâm không dao động, thân không phóng túng; tất cả việc làm đều hợp trí tuệ, không hề



hồi hận; không còn phân biệt, dùng tâm bình đẳng giáo hóa, độ người; điều phục đại chúng theo đường đạo đức; tâm luôn hoan hỷ, sống trong an lành. Ví như mài gương, phẳng lì, sáng tỏ, chiếu soi các vật. Người giữ giới hạnh, thân tâm thanh tịnh, an lạc tràn đầy. O

Năm là niệm Thiên, gồm Tứ thiên vương, Đạo lợi, Diêm ma và trời Đâu suất, cùng nhiều trời khác. Nên hiểu tin rằng tái sinh cõi thiên là do thực tập chánh tín, giới hạnh, bố thí, trí tuệ... và nhiều nghiệp lành. Ví như châu báu, chiếu tan tối tăm, mang lại ánh sáng. Người niệm chư thiên, tăng thêm niềm tin về nhân quả lành, vững đường đạo đức. O

LỢI ÍCH THỰC TẬP

Này các đệ tử, những ai thực tập trọn vẹn tám giới và năm tâm niệm vừa được nêu trên, hiện đời an lạc do dứt bất thiện, tăng trưởng điều lành, phát triển tâm



linh, chứng đạt niết-bàn; đến khi qua đời, sanh về cõi lành hoặc các cõi trời. Những người có trí ra sức thực tập, chuyên tâm làm phúc, chuyển hóa khổ đau.

Này bà Duy-da và các đệ tử, phước và an lành của ngày thực tập Bát quan trai giới đáng được khen ngợi, còn vượt trội hơn tài sản, của báu của mười sáu nước gộp lại cùng nhau. O

Tuổi thọ cõi trời dài lâu không xiết. Có những cõi trời, một ngày một đêm bằng năm mươi năm ở địa cầu này. Tại cõi Tứ thiên, người sống rất thọ, đến năm trăm năm, bằng trên địa cầu chín trăm vạn năm. Giữ Bát quan trai trọn vẹn trang nghiêm sẽ được tái sanh về các cõi trời. Cả một trăm năm trên địa cầu này chỉ bằng một ngày trên trời Đạo lợi. Người ở Đạo lợi thọ một nghìn tuổi bằng trên dương gian ba nghìn sáu trăm vạn năm dài đằng. Hai trăm năm dài trên địa cầu



này chỉ bằng một ngày của cõi Diêm thiên. Tuổi thọ của người trên cõi Diêm thiên dài hai ngàn tuổi, bằng trên trần gian một ức năm nghìn hai trăm vạn năm. Cả bốn trăm năm trên địa cầu này chỉ bằng một ngày của trời Đâu-suất. Người trời Đâu-suất thọ bốn nghìn tuổi, bằng trên trần gian đến sáu ức tám trăm vạn năm dài... Chênh lệch thời gian ở địa cầu này với các cõi trời là vô cùng lớn, không thể kể hết. Người giữ trang nghiêm Bát quan trai giới, đầy đủ chánh tín, thực tập bố thí, phát triển trí tuệ, đến khi qua đời sẽ được sanh về các cõi trời ấy, tùy theo phước báu của mình đã tạo, để hưởng an lạc, dài lâu vô cùng. O

Nói về việc thiện thì nhiều không xiết. Trong pháp hội này, ta chỉ lược nói một vài trường hợp. Ai làm việc thiện, sống được hạnh phúc, chết thì nhẹ nhàng, tái sanh cõi lành, hoặc các cõi trời, để hưởng hạnh phúc, an lạc dài lâu.

Phật vừa dứt lời, quý bà Duy-da và người có mặt vô cùng hoan hỷ, đánh lễ Thế Tôn, tán dương việc thiện, phát nguyện tiếp nhận Bát quan trai giới sáu ngày mỗi tháng, đồng thời phát nguyện nỗ lực làm phúc, giúp người cứu đời, không hề thoát lui. Mọi người hạnh phúc, giữ gìn trai giới. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O



5. KINH NHÂN QUẢ ĐẠO ĐỨC

TU SAI PHƯƠNG PHÁP

Tôi nghe như vậy. Có một thuở nọ, tại chùa Kim Sư, thuộc thành Vương Xá, có ông Thuần-đà đến đánh lễ Phật. Nhân đó, đức Phật ôn tồn hỏi ông: “Hiện ông ưa thích pháp tu tập nào, của các Sa-môn hay Bà-la-môn?”

Thuần-đà bạch Phật: “Kính bạch Thế Tôn, con kính Sa-môn và Bà-la-môn thờ Ísvara, vị thần sáng thế, một tay cầm trượng, tay cầm bình nước. Thần này dạy rằng: “Ngày rằm mỗi tháng, dùng chất hồ-ma và am-ma-la để gội đầu tóc, mặc áo trắng đẹp, đeo tràng hoa dài, giữ gìn trai giới, rồi nằm trên đất có trét phân bò. Sáng sớm ngày rằm, tay sờ vào đất rồi nói như sau: ‘Đất này trong sạch, tôi



cũng trong sạch’. Tay cầm phân bò với nắm cỏ tươi, miệng nói như sau: ‘Phân cỏ trong sạch, tôi cũng trong sạch’. Chúng con được dạy: ‘Ai làm như vậy sớm được trong sạch; không làm điều này sẽ bị bất tịnh’. Từ đó trở đi, con kính Sa-môn và Bà-la-môn tu hạnh trong sạch vừa được trình bày”.

O

NGHIỆP QUẢ ĐEN TRẮNG

Nhân đó đức Phật dạy ông Thuần-đà và người có mặt nhân quả đạo đức như lời sau đây.

Này các đệ tử, có loại nghiệp đen tạo quả báo đen; có nghiệp bất tịnh cho quả bất tịnh, cũng như gánh nặng thì luôn trút xuống. Đây là quy luật của nhân và quả với sự báo ứng. Nếu ai đã tạo nghiệp đen, bất tịnh thì dù hàng ngàn những cái sớm mai lấy tay sờ đất, miệng niệm ‘thanh tịnh’ vẫn bị bất tịnh, nếu không thực tập chuyển nghiệp bất tịnh. Ai cầm phân bò



với nắm cỏ xanh mà nói thanh tịnh thì trên thực tế vẫn là bất tịnh, ngay cả tình trạng chưa đựng đến phân, bản chất của phân cũng đã ô nhiễm và bất tịnh rồi. O

BA ĐIỀU ÁC CỦA THÂN

Này các đệ tử, có ba điều ác do thân tạo tác, mang lại khổ đau, gây nhiều tổn thất. Một là sát sanh, bất cứ người nào tay tanh mùi máu, tâm thích đánh đập, sát hại, bạo động, không chút hổ thẹn, tham lam, keo kiệt, hành hạ chúng sanh, bao gồm con người, động vật, côn trùng... là đang gieo nghiệp sát sinh, hại vật. Hai là trộm cắp tài vật của người, của làng, của nước, từ vật nhỏ nhoi cho đến đất đai là phạm pháp luật. Ba là tà dâm, dùng sức cưỡng bức, làm việc tà vạy đối với những người được bảo hộ bởi cha mẹ, anh em, chị em, chồng vợ, hoặc là thân quyến... là phạm luật pháp, trái với đạo đức. O



BỐN ĐIỀU ÁC CỦA MIỆNG

Này các đệ tử, có bốn điều ác do miệng tạo tác. Một là vọng ngữ, nói không chân thật ở chốn công đường hoặc với người khác, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, không nghe nói nghe, nghe nói không nghe, biết nói không biết, không biết nói biết, hoặc vì tài lợi, hoặc vì quyền lợi, hoặc lý do nào... đều là phạm pháp. Hai là lường thiệt, nói lời chia lìa, đem chuyện đầu này đến nói đầu kia, tạo sự mâu thuẫn, chống đối lẫn nhau, gây mất đoàn kết. Ba là ác khẩu, buông lời chửi bới, mắng nhiếc gắt gao, cộc cằn, thô lỗ, thề cay rửa độc, cho người khổ đau. Bốn là lời phiếm, nói không thực tế, lời nói vô nghĩa, lời nói phi pháp, nói thiếu suy nghĩ, nói không đúng lúc, nói lời tán dóc. O

BA ĐIỀU ÁC CỦA TÂM

Này các đệ tử, có ba điều ác do tâm tạo tác, mang lại khổ đau, bất hạnh lâu



dài. Một là tham lam, chỉ biết thỏa mãn khoái lạc giác quan; uống ăn vô độ, chơi bời hưởng thụ, tiêu xài phung phí. Lòng tham ích kỷ hại mình hại người, vi phạm luật pháp, trái với đạo đức. Hai là sân hận bao gồm giết chóc, đả thương, phá hoại, xung đột, tranh chấp, hận thù không buông, giận tức, hờn dỗi, ganh tỵ hơn thua, tạo nghiệp khủng bố, gây bao thù oán, đứng ngồi không yên. Ba là si mê, tà kiến, điên đảo, mê tín, dị đoan, tin điều quái gở; không tin đời sau, không tin nhân quả, không tin đạo đức, không tin thiện ác; không có cha mẹ, không có hóa sinh, không có thánh nhân, không tin tiềm năng, không tin nỗ lực, chấp nhận số phận định đoạt bởi Chúa... Những điều vừa nêu đều là tà kiến, gây khổ đời này, chịu khổ đời sau. O

Này các đệ tử, mười ác nêu trên gọi là nghiệp đen tạo kết quả đen, là nhân



bất tịnh tạo quả bất tịnh. Gánh nặng khổ đau luôn luôn trút xuống đối với những người gieo nghiệp xấu ác. O

MƯỜI ĐIỀU THIỆN

Này các đệ tử, thế nào gọi là nghiệp trắng quả trắng, nhân phúc quả phúc, nghiệp tịnh quả tịnh, giúp người hướng thượng?

Này các đệ tử, có mười điều thiện, tạo ra nhân quả báo ứng hạnh phúc. Có ba nghiệp thiện do thân tạo tác. Một là bất sát, từ bỏ giết chóc, từ bỏ vũ khí, thương xót chúng sinh, không dùng vũ lực, thương tổn, hãm hại; bảo hộ sự sống, yêu chuộng hòa bình, bảo vệ môi trường. Hai là không trộm, từ bỏ cướp giết, vật gì không cho thì không được lấy, tôn trọng sở hữu, tâm sạch không tham; khi có điều kiện, ưa thích bố thí, cứu ngặt, cứu nghèo, vượt qua khổ đau.



Ba là chung thủy, từ bỏ tà dâm, bảo hộ hôn nhân, bảo hộ hạnh phúc. O

Có bốn nghiệp thiện do miệng tạo tác. Một là phát ngôn luôn hợp sự thật, xây dựng uy tín. Hai là lời nói hòa hợp, đoàn kết, tùy hỷ lẫn nhau. Ba là nói lời lịch sự, dễ nghe, giúp người hoan hỷ. Bốn là nói lời ý nghĩa, giá trị, xây dựng hiểu biết.

Có ba nghiệp thiện do ý tạo tác. Một là lìa tham, buông xả, không dính. Hai là hết sân, bảo hộ sự sống. Ba là không si, sống với chánh kiến, tin sâu nhân quả, tin có kiếp sau, tin vào điều thiện, tin các thánh nhân.

Này các đệ tử, mười nghiệp nêu trên tạo ra quả trắng, hạnh phúc, an vui, đời này, đời sau. Bất kỳ người nào thành tựu trọn vẹn mười nghiệp thiện trên, dù có sờ đất dơ dáy, bắn thủ, hoặc cầm phân bò với nắm cỏ tươi, cũng được thanh tịnh.



Phật vừa dứt lời, gia chủ Thuần-đà và người có mặt vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thọ trì, truyền bá kinh này. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O



6. LỜI VÀNG PHẬT DẠY

I. PHẨM SONG ĐỐI (*Yamaka-vagga*)

1-2. Ý làm chủ hành vi tạo tác
 Ý dẫn đầu, thiện ác tạo ra
 Nếu dùng tâm ý ác tà
 Nói năng, hành động khổ sa vào mình.
 Như xe chở lăn nhanh theo bánh;
 Bánh đi đâu, xe đến liền theo
 Mỗi khi tâm thiện đã gieo
 Quả lành trở, giống bóng đeo theo hình.

3. Ai ôm hận bị người hãm hại
 “Nó đánh tôi và chửi mắng tôi”
 “Thắng tôi, cướp đoạt của tôi”
 Nhớ hoài bất hạnh, khó nguôi hận thù.

4. Ai bỏ được hận thù bị hại:
 “Nó đánh tôi và chửi mắng tôi”



“Thắng tôi, cướp đoạt của tôi”
Hận thù tan biến, nguôi ngoai cõi lòng.

5. Trả thù hận bằng tâm oán giận
Muôn kiếp dài khóặng thành công
Từ bi chuyển hóa thù chung
Đây là định luật công bằng xưa nay.

6. Trong kiếp sống ai ngờ cái chết
Rình rập ta chẳng sót mảy may
Người nào giác ngộ điều này
Hơn thua, tranh chấp... dứt ngay tức thì.

7. Ai đắm nhiễm năm điều dục lạc
Chẳng giữ tâm, làm chủ giác quan
Uống ăn thái quá hại thân
Tánh hay lừa dối, nhọc nhằn qua loa.
Người như thế bị ma đánh bại
Cũng giống như gió thổi ngã cây.
Khổ đau, bất lực nào hay
Đều do buông thả, đắm say sắc trần.

8. Không nhiễm đắm, quán thân như uế



Giữ gìn tâm, làm chủ giác quan
Uống ăn tiết độ, siêng năng
Vững vàng như núi trước ngàn bão giông.

9. Dù khoát áo cà-sa đỉnh đạc
Mà tâm còn uế trực tham, sân
Sống không chân thật, buông lung
Làm sao xứng hạnh sa-môn sáng ngời? O

10. Ai giải phóng tham, sân, trực uế
Sống thanh cao, giữ giới nghiêm minh
Chánh chân, làm chủ được mình
Người tu như thế thật tình đáng khen.

11. “Không chân thật lại cho chân thật
Chân thật thì làm tướng dối gian”
Tà tư, tà hạnh làm nhân
Do vậy khó đạt chánh chân trong đời.

12. “Cái chân thật thì cho chân thật
Không chân thì khẳng định không chân”
Chánh tư, chánh hạnh làm nhân
Nhờ vậy đạt được chánh chân trong đời.



13. Nhà vụng lợp có nhiều lỗ dột
Một trận mưa làm ướt tả toì.
Người không tu tập, mãi chơi
Dục tham xâm nhập, cả đời khổ đau.

14. Nhà lợp khéo, chỗ nào cũng kín
Nhiều mưa to chẳng ảnh hưởng chi.
Với người tinh tấn tu trì
Dục tham dứt sạch, có gì phải lo?

15. Kiếp này khổ, kiếp sau càng khổ
Kẻ ác gian chịu khổ hai đời
Quả sầu đeo bám khôn nguôi,
Nhớ ác, day dứt khó rời khỏi ta.

16. Kiếp này sướng, kiếp sau càng sướng
Người đức cao được hưởng phước vui
Thiện nhân trở quả còn hoài
Nhớ thiện, an lạc tràn đầy trong tâm.

17. Kiếp này khổ, kiếp sau than khổ
Gieo ác nhân phải khổ hai đời
Lương tâm dần vặt toì bời
Rơi vào cỏi dữ, than hoài chẳng xong.



18. Kiếp này sướng, kiếp sau càng sướng
Làm phúc thì sung sướng hai đời
Phúc do làm thiện tuyệt vời
Sanh về cõi thiện, thanh thoi lâu dài.

19. Làu thông cả kho kinh sâu sắc
Không thực hành, phóng dật ích chi?
Khác gì như kẻ làm thuê
Chăn bò cho chủ, có gì của ta?

20. Người nói ít nhưng hành miên mật
Bỏ tham, sân; tỉnh giác, thông dong
Hai đời dính mắc không còn
Người này xứng hạnh sa-môn sáng ngời. O

II. KHÔNG PHÓNG DẬT *(Appamāda-vagga)*

21. Không phóng dật là con đường sống
Kẻ buông lung làm hỏng cuộc đời.
Không còn phóng dật, sáng ngời
Buông lung như kẻ chết rồi, ích chi.



22. Sống bất tử với đường tỉnh thức
Thói buông lung là vực tử sanh.
Định thiền, giới hạnh, tinh cần
Ung dung đạo giác, an nhàn thân tâm.

23. Người có trí siêng tu thiền định
Luôn tinh cần thức tỉnh ngày đêm
Niết-bàn vô thượng xứng tên
Khổ đau, trói buộc không còn đeo mang.

24. Luôn tinh tấn, tự điều, chính niệm
Nương pháp màu, đức hạnh sáng trong,
Giữ mình, dứt bỏ buông lung
Tiếng lành, phước tốt gia tăng mỗi ngày.

25. Luôn nỗ lực vượt qua phóng dật
Tự điều thân, chủ các giác quan
Trí nhân như đảo vững vàng
Bão giông không thể ngập tràn được đâu.

26. Kẻ thiếu trí đam mê phóng dật
Bám nghiệp duyên, rồi gặt quả sầu
Trí nhân tỉnh tấn trước sau
Như gìn của báu làm giàu bản thân.



27. Cảnh hưởng thụ không thềm màng tới
Dục lạc đời chẳng luyện ái tham.
Siêng tu thiền định, chánh tâm,
Niềm vui sâu lắng đạt thành khó chi.

28. Người có trí dẹp tan phóng dật
Trên lầu cao tuệ giác nhìn trông
Không sầu khổ, hết buồn vương
Thương người ngu dưới kiếp hồng
trần kia. O

29. Sống tinh tấn giữa người
phóng dăng
Tỉnh thức luôn bên cạnh kẻ say
Trí nhân như ngựa khéo nài
Bỏ xa ngựa yếu cả bày sau lưng.

30. Như Đế Thích do tu tinh tấn
Khi tái sanh làm chủ cõi thiên
Không còn phóng dật được khen.
Đời hay chỉ trích kẻ ghiền buông lung.

31. Tâm luôn thích niềm vui tinh tấn
Sợ buông lung phá hạnh thanh cao



Tu theo pháp Phật nhiệm màu
Đốt tiêu trôi buộc, sâu đau bao đời.

32. Tâm luôn thích niềm vui tinh tấn
Sợ buông lung phá hạnh thanh cao
Tu theo pháp Phật nhiệm màu
Niết-bàn sẽ chứng, khổ sâu lánh xa. O

III. PHẨM TÂM (*Citta-vagga*)

33. Tâm dao động, sâu lo, sợ hãi
Khó giữ gìn, vùng vẫy theo duyên.
Trí nhân làm thẳng tâm này
Như người thợ khéo uốn tên thẳng hàng.

34. Như tôm cá vất ngoài thủy giới
Luôn vẫy vùng hướng tới nước nguồn
Tâm tu vẫy mạnh thoát trần
Quyết lòng dẹp sạch ma quân não phiền.

35. Tâm phạm tục chuyển cảnh như khi
Theo thú vui thành thị, xóm làng.



Lành thay, làm chủ được tâm
Giữ tâm định tĩnh, bình an lâu dài.

36. Tâm vi tế, khó nhìn, khó thấy
Theo dục tham, thoải mái quay cuồng
Trí nhân làm chủ được tâm
Niềm vui nội tại phủ trùm khắp nơi. O

37. Đâu cần phải chạy xa, sống ẩn
Vào hang sâu, hóa hiện không thân.
Chi bằng điều phục được tâm
Vượt qua trói buộc của ngàn ma quân.

38. Đối với kẻ tâm không an trụ
Pháp nhiệm màu khó tỏ nguồn khơi
Niềm tin rung động, chơi vơi
Còn nguồn trí tuệ rạng ngời khó thông.

39. Khi tâm thoát dục tham, vương mắc
Buông hận thù, ganh ghét, hờn ghen
Vượt trên thiện ác nhị nguyên
Xứng hàng tỉnh thức, không còn sầu lo.



40. Thân năm uẩn như sành dễ bể
Giữ gìn tâm như thể thành trì
Vung gươm trí tuệ diệt si
Thắng ma quân xấu, chớ vì vinh quang.

41. Thân vô thường, chẳng bao lâu nữa
Nằm vô tri trong cỗ quan tài
Khi tâm thoát khỏi thân này
Thân như khúc gỗ chẳng xài vào đâu.

42. Người ác độc diệt trừ đối thủ
Kẻ oan gia trả đũa oan gia
Không bằng tâm ác hại ta
Trầm luân muôn kiếp, đường tà lún sâu.

43. Cha mẹ muốn cho con hưởng phước
Thương cớ nào, chẳng được dài lâu
Tâm lành, nhân tốt gieo sâu
Tự mình tạo dựng, quả mau lớn dần. O



IV. PHẨM HOA (*Puppha-vagga*)

44. Ai chinh phục địa cầu, thiên giới
Vượt lên trên cả cõi Diêm-ma⁽¹⁾?
Sao bằng ngộ pháp Phật-đà⁽²⁾
Nnhư người khéo kết tràng hoa đẹp màu.

45. Bậc hữu học⁽³⁾ vượt qua trời đất⁽⁴⁾
Vượt lên trên cả cõi Diêm-ma
Lại thông chánh pháp Phật-đà
Nnhư người khéo kết tràng hoa đẹp màu.

46. Khi tử ngộ thân như bọt nước
Ảo ảnh như điện chớp trên không
Bể tan tên của ma quân
Vượt tầm thần chết hàng ngàn dặm xa.

1. Cõi chết.

2. Đức Phật, bậc giác ngộ tuyệt đối.

3. Hữu học (*Sekha*): Người hiểu thông Phật pháp, đang trên đường tu tập giải thoát khỏi phiền não chướng và sở tri chướng, để nhập vào dòng thánh, đạt được tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

4. Âm chỉ cõi người và cõi trời, tức con người ngoài hành tinh.



47. Kẻ say nhặt các hoa dục lạc
Bị tử thân vây bắt, kéo lôi
Như cơn lũ dữ cuốn trôi
Cả làng trong lúc ngủ vùi đêm sâu.

48. Kẻ say nhặt các hoa dục lạc
Nhiễm đắm rồi dính chặt khó buông
Ham vui chưa thỏa nguồn cơn
Tử thân đến bắt khó thương lượng gì.

49. Như ong biết bám hoa thưởng thức
Không hại gì đến sắc và hương
Giữ gìn hoa, hút nhụy xong
Cũng như bậc thánh vào làng hóa duyên.

50. Không bới móc lỗi lầm người khác
Chuyện đã làm có đạt hay không?
Nhìn mình hành động đực, trong
Vô tình, cố ý, đừng mong phạm vào. O

51. Như hoa đẹp bên ngoài hấp dẫn
Mà bên trong chẳng đậm mùi hương
Lời hay, ý tưởng lạ lùng
Không làm vô ích, đáng thương vô cùng.



52. Như hoa đẹp to tròn, hấp dẫn
Dạng hình thù, lại đượm mùi hương
Lời hay, ý tưởng lạ lùng
Có làm ắt được quả tròn mười mười.

53. Như một đồng hoa tươi các loại
Nhiều tràng hoa được kết xâu nên
Cũng vậy trong chốn hồng trần
Thân làm bao việc quý lành đáng khen.

54. Hương mật-ly⁽⁵⁾, chiêm-đàn⁽⁶⁾
thơm phức
Cả nước hoa chẳng ngược gió bay.
Hương người đạo đức thẳng ngay,
Bay xa ngược gió, tháng ngày còn thơm.

55. Hoa vũ quý⁽⁷⁾, chiêm-đàn thơm ngát
Hương già-la⁽⁸⁾, sen sắc hồng tươi

5. Hoa *Mallika*, giống như hoa lài của Việt Nam.

6. Gỗ *Gandha*, tức loại gỗ trầm hương Ấn Độ.

7. Hoa *Vassiki* có mùi thơm phức.

8. Gỗ *Tagara*, một loại gỗ thơm Ấn Độ.



Giới hương số một trên đời
Hương hoa... chỉ sánh một mười mà thôi.

56. Hương hoa đẹp không nhiều giá trị
Cả chiên-đàn gỗ quý vậy thôi.
Hương người đức hạnh sáng ngời
Hòa cùng mây gió khắp trời ngát hương.

57. Người giới hạnh thanh cao đứng mực
Gìn thân tâm, chẳng chút buông lung
Đạt chơn giải thoát, trí thần
Quân ma không thể thấy đường tới lui.

58. Giữa bãi rác bên đường dơ bẩn
Có hoa sen thoang thoảng mùi hương.
Giữa đời phàm tục nhiều nhương,
Có người trí tuệ, tình thương sáng ngời.

59. Giữa phàm tục, bao người đau khổ
Bởi nhiễm tham, không tỏ lý chân
Có người Phật tử thực hành
Sáng ngời trí tuệ, tỏ nguồn tâm linh. O



V. PHẨM NGU (*Bāla-vagga*)

60. Người trần trọc, đêm buồn thăm thẳm
Kẻ mỗi chân ngao ngán đường dài
Người ngu, chánh pháp ngoài tai
Luân hồi mất hút, biết ngày nào ra?

61. Trong cuộc sống, tìm mà chưa gặp
Bạn đồng hành tâm đắc, hơn mình,
Chớ nên gần kẻ vô minh
Khổ đau, lận đận, bám rình khó buông.

62. Bệnh chấp ngã vào con, tài sản
Nào con ta, tài sản của ta...
Khổ sâu đeo bám chẳng tha
Người ngu nên hiểu: Tôi là chẳng-tôi.

63. Ai ngu dở biết mình còn dốt
Nhờ vậy mà chậm lụt hết dân
Kẻ “đần” lại tưởng mình “khôn”
“Chí ngu” như vậy không còn người hơn!



64. Người ngu tối có gần người trí
Không học theo chánh pháp chánh chân
Khác gì muông với vị canh
Trọn đời cũng chẳng thấm nhuần
vị hương!

65. Người ngu dốt khéo gần người trí
Học Phật ngôn, đạo lý hiểu rành
Cũng như lưỡi nếm vị canh
Vị hương ngon ngọt thấm nhuần
trong thân. O

66. Người thiếu trí không màng thực tập
Bản ngã thành kẻ ác hại thân
Bỏ rơi việc thiện, đức nhân
Đắng cay quả xấu đeo mang trọn đời.

67. Không hối hận việc làm bất chánh
Không vượt qua quán tính thói quen
Có ngày đắm lệt, sâu than
Một khi quả xấu chín vàng mới hay.

68. Với việc thiện làm rồi không tiếc
Dù cho người chẳng biết đền ơn



Hân hoan, vui vẻ, đẹp lòng
Phước lành trở quả đón mừng thiện nhân.

69. Hành vi ác khi chưa trở quả
Nhiều người ngu nghĩ nó ngọt ngon
Đến khi quả xấu chín hồng
Khổ đau, bất hạnh, khóc ròng ngày đêm.

70. Tu khổ hạnh năm này tháng nọ
Đứng một chân, ít ngủ, ít ăn
Một phần mười sáu chẳng bằng
Phước người thấu hiểu rõ ràng
duyên sinh. O

71. Nghiệp ác dữ chưa liền trở quả
Nnhư sữa tươi đâu đã đông ngay
Thảm theo đốt cháy người sai
Như than hồng núp dưới hơi tro tàn.

72. Kẻ ngu muội tham danh hư ảo
Thường sống trong khổ não đêm ngày
Vận may tồn tại lâu dài
Nhức đầu, căng thẳng nhớ hoài nỗi đau.



73. Ham danh ảo chút nào tương xứng
Ngồi trước trên các hạng Tỳ-kheo
Lấn quyền ngay cả trụ trì
Muốn người nể sợ quyền uy của mình.

74. Gây ngộ nhận cả Tăng lẫn tục⁽⁹⁾
Chứng minh rằng ta tác tạo nên
Việc làm lớn nhỏ chuyên quyền...
Cố gắng cao, tham vọng bám chuyên
người ngu.

75. Đường tục lụy dẫn về phạm tục
Đường niết-bàn nẻo giác hướng về
Hiếu thông hai ngõ hết mê
Chẳng màng danh lợi, hành trì viễn ly. O

VI. PHẨM HIỀN TRÍ **(*Paṇḍita-vagga*)**

76. Gặp người trí chỉ điều non kém
Lòng biết ơn, cố gắng sửa sai

9. Người tại gia.



Kết thân người trí thật hay
Dẫn đường kho báu tại ngay đời này.

77. Bậc hiền trí giúp người sửa lỗi
Bỏ đường tà, dẫn lối đường ngay
Người lành quý trọng, chấp tay
Còn phường xấu ác ghét cay vô cùng.

78. Chớ kết bạn với phường xấu ác
Kẻ dối gian, cay độc, tiểu nhân.
Hãy thân với bạn hiền lành
Học theo gương hạnh chánh chân,
sửa mình. O

79. Người có trí thấm nhuần Phật pháp
Tâm say niềm hạnh phúc cao sâu
Cõi tâm thanh tịnh, tỏ lầu
Ngày đêm an lạc pháp mầu thánh nhân.

80. Người làm ruộng làm nương dẫn nước
Còn thợ tên trau chuốt mũi tên
Thợ cây uốn ván thẳng liền
Người khôn làm chủ cái tâm của mình.



81. Như tảng đá vững vàng trước bão
Người trí hiền làm chủ cái tâm
Điềm nhiên trước cảnh phũ phàng
Khen chê chẳng động, không màng thị phi.

82. Người có trí thích nghe Phật pháp
Gìn an vui, hạnh phúc, thông dong
Như hồ sâu thẳm, nước trong
Không gì khuấy đục cõi lòng tịnh thanh.

83. Bậc hiền trí không còn chấp mắc
Người tịnh thanh bỏ được dục tham
Sống trong nghịch cảnh, thuận duyên
Tâm không dao động, vui buồn chẳng xao.

84. Chẳng vì ngã hay người nào khác
Mà tạo điều độc ác, gian tham
Chẳng vì con cái, giàu sang...
Chẳng vì ngôi vị trên ngàn muôn dân...
Người có trí công bằng, ngay thật
Giới hạnh tròn, đạo đức thanh cao
Noi theo chánh pháp cao sâu
Phát huy tuệ giác, làm giàu lương tâm.



85. Đại đa số quần quanh ba cõi
Ít có người vượt khỏi bờ mê
Đa phần chẳng chịu trở về
Con đường giác ngộ đề huề chánh chân.

86. Với những kẻ thực hành pháp Phật
Khéo giảng tuyên, tỉnh thức cõi tâm
Đến bờ giác ngộ, niết-bàn
Vẫy chào đau khổ, tử sinh bao đời.

87. Bậc hiền trí bỏ buông ái dục
Hướng tâm về tỉnh giác, niết-bàn
Không còn ngu dốt, sân, tham
Trên đường hướng thượng, căn lành
trồng sâu. O

88. Hãy vui hướng niết-bàn tịnh lạc
Không sở hữu, bỏ dục, ái, tham
Trí nhân rửa sạch nội tâm
Không còn cấu uế, đầy tràn niềm an.

89. Không chấp thủ với tâm chân chánh
Bỏ ái tham, tu bảy giác chi



Không còn lậu hoặc, vương gì
Sống trong an tịnh, sáng ngời nhân gian. O

VII. PHẨM A LA HÁN (*Arahanta-vagga*)

90. Người đã thoát đường vào sống chết
Chặt gông cùm, xiềng xích đập tan
Ưu phiền đã thoát khỏi tâm
Không còn phiền não, an nhàn đến đi.

91. Người chính niệm, tinh cần, tỉnh giác
Lìa não phiền, ái dục chẳng màng
Đó đây, vui sống độc thân
Bỏ ao, con ngỗng ngút ngàn trời cao.

92. Không màng đến tiền tài, danh vọng
Làm chủ tâm, ăn uống vừa chừng
Lòng không, vô tướng, thông dong
Xả buông chấp mắc, thoát vòng trần gian
Trời cao, chim giữa mây ngàn
Không gian mắt hút, dấu chân khó tìm.



93. Ai lậu hoặc, ái tham dứt sạch
Nhiễm đắm không, tự tại luôn luôn
“Lòng không, vô tướng, thông dong”
Như chim giữa chốn hư không khó tìm.

94. Người điều phục sáu căn, cảm giác
Như ngựa thuần tuân phục chủ nhân
Dứt trừ lậu hoặc, mạn, tham
Xứng A-la-hán giữa hàng nhân thiên.

95. Rộng như đất, tâm không oán hận
Như cột kia trước cảnh thịnh suy
Hồ tâm lắng sạch tham, si
Bậc A-la-hán sáng ngời nhân gian. O

96. Người đạt được tâm an, ý tốt
Lời lẽ lành, hạnh nghiệp đáng khen
Thông dong, trí tuệ, chánh chân
Sống trong tịnh lạc, ngập tràn an vui.

97. Không mê tín, cắt buông hệ lụy⁽¹⁰⁾

10. Cơ hội tái sinh trong luân hồi.



Rèn thức tâm, tỏ ngộ vô vi⁽¹¹⁾
 Thực hành vô chấp, xả ly...
 Là người tối thượng sánh vì núi cao.

98. Dù sống tại thôn quê, làng nhỏ
 Hay rừng sâu, núi cả, đồi cao
 A-la-hán sống chỗ nào
 Thời dân nơi đó thấm sâu đạo vàng.

99. Thật thú vị, núi rừng xanh thẳm
 Chỗ người phạm chẳng dám bén chân
 Những người bỏ dục, lìa tham
 Chọn nơi trú ngụ, chẳng màng lợi danh. O

VIII. PHẨM NGÀN (*Sahassa-vagga*)

100. Dẫu có nói ngàn lời vô ích
 Chẳng dính gì hạnh phúc cho đời
 Chi bằng chỉ thốt ít lời
 Thấm nhuần đạo lý, giúp người bình an.

11. Niết-bàn tại trần gian.



101. Dầu có đọc trăm ngàn câu kệ
Chẳng có gì liên hệ niết-bàn
Chỉ bằng nói pháp ngàn vàng
Nghe xong lợi lạc, bình an cõi lòng.

102. Dầu có giảng rất nhiều bài pháp
Không giúp người bỏ chấp, hết sầu
Sao bằng lời pháp nhiệm mầu
Nghe xong hạnh phúc thật lâu
trong người. O

103. Người thắng trận trước ngàn
quân giặc
Đem khải hoàn, hạnh phúc nước nhà
Chẳng bằng người thắng được “ta”
Chiến công oanh liệt, sâu xa tuyệt vời.

104. Tự chiến thắng vượt trên tất cả
Hơn kẻ thù, giặc giã biên cương
Lành thay, điều phục bản thân
Sống trong hạnh phúc, không còn sầu đau.

105. Dù quyền lực như trời, thần, quý
Hay ma vương, kẻ dữ ngang tàng



Không người có thể sánh bằng
Một người tự thắng, không còn vọng tâm.

106. Dù cúng tế hàng ngàn vàng thê
Cho thần linh, Thượng đế trăm năm
Sao bằng ủng hộ thánh nhân
Xóa mê, khai ngộ, dẫn đường an vui.

107. Dù thờ lửa trăm năm rừng thẳm
Cũng không bằng cúng hạng chân nhân
Cúng dường người trí tốt hơn
Trăm năm tế tự mơ màng phước duyên.

108. Dù hiến tế trăm năm Thượng đế
Cầu phước lành, tuổi thọ dài lâu
Chẳng bằng được một phần tư
Lễ người chánh trực, tâm từ thường gieo.

109. Ai cung kính chân tu đạo lực
Thực hành theo; phước đức sanh sôi:
Dồi dào sức khỏe, đẹp tươi,
Sống lâu, hạnh phúc, thanh thoi
tháng ngày. O



110-11. Nếu phải sống trăm năm
phóng đấng
Sao bằng ngày thiền quán tinh chuyên.
Trăm năm mê muội triền miên,
Một ngày tuệ giác, hành thiền: Bình an.

112. Dù có sống trăm năm lười biếng
Sao bằng ngày tinh tấn hết lòng
Vượt qua gian khó, đục trong,
Quyết tâm đạt được thành công mới dừng.

113. Trăm năm sống mê thân ngũ uẩn
Vướng luân hồi lẩn quẩn vẩn xoay
Chi bằng ngày một ngộ ngay:
Vô thường, sinh diệt tại đây, bây giờ.

114-15. Trăm năm sống không rành
bất diệt
Sao bằng ngày ngộ biết vô sanh.
Trăm năm mù pháp thượng nhân
Không bằng ngày ngộ pháp môn cao vời. O



IX. PHẨM ÁC (*Pāpa-vagga*)

116. Người có trí gấp làm việc thiện
Tránh ác gian như tránh vực sâu.
Việc lành, lần lửa, không mau,
Tâm tà dành chỗ, khổ đau tới liền.

117. Ai đã lỡ gieo trồng nghiệp ác
Đừng làm liều, tiếp tục gây thêm.
Chớ mà biện hộ, tìm quên,
Quả sâu phải gặt, xích xiềng bủa giăng.

118. Có cơ hội gieo trồng giống tốt
Nhớ siêng năng chăm sóc, làm hoài
Căn lành tăng trưởng mỗi ngày
Những ai tích phước, nay mai an lành.

119. Kẻ làm ác quả sâu chưa trở
Chẳng phải do nhân quả không thiêng
Đến khi quả xấu kê bên
“Ác thời gặp ác”, khổ phiền ngày đêm.

120. Người gieo thiện, quả lành chưa có



Chính là do giờ trở còn xa
Đủ duyên, cây thiện trở hoa
“Ở hiền gặp phúc” hẳn là lý chân. O

121. Đừng xem nhẹ những điều ác nhỏ
Vì cho rằng chẳng có hại chi
Hãy xem nước nhỏ vào ly
Mỗi giây một giọt, li ti đầy tràn.
Người ngu tối tham, gian, ác đạo
Ngày qua ngày, gây tạo nghiệp duyên
Tâm tà, nhân xấu tăng thêm
Đến khi quả trở, triền miên muộn sầu.

122. Chớ xem thường điều lành nho nhỏ
Mà cho rằng chẳng có nghĩa gì.
Bình tràn do nước nhỏ rì
Siêng năng làm thiện sánh vì trăng sao.

123. Người sống thọ tránh xa độc dược,
Doanh nhân khôn tránh lối hiểm nguy.
Người khôn làm chủ hành vi,
Lánh xa điều ác, hướng đi an toàn.



124. Bàn tay tốt có cầm thuốc độc
Không hại ai thương tật, héo sâu.
Cũng vậy, người thiện trước sau
Không gây nghiệp ác, khổ đau cho người.

125. Kẻ xấu ác hại người đạo đức
Như bụi mù đang ngược gió bay
Khổ đau “xử” kẻ ác ngay
Quả sâu hành hạ, khó tài trốn đâu.

126. Người thiện vừa sinh từ bụng mẹ
Kẻ ác gian sa đọa cõi sâu
Thiện sinh thiên giới rất mau
Cực thiện chứng đạo thâm sâu, niết-bàn.

127. Dầu bay liệng trên trời cao vút
Hay lặn bơi mát hút biển sâu
Chui vào hang đá, đi đâu...
Cũng không trốn được quả sâu đã gieo.

128. Dầu bay liệng trên trời cao vút
Hay lặn bơi mát hút biển sâu
Chui vào hang đá, đi đâu...
Tử thần đeo bám, không sao xa lìa. O



X. PHẨM HÌNH PHẠT

(*Danḍa-vagga*)

129. Như quy luật, mọi người sợ chết
Sợ chiến tranh, bạo lực, tổn thương...
Đặt mình vào cảnh vô thường
Không sai người giết, cũng không tự làm.

130. Như quy luật, mọi người sợ chết
Mong bình an, hạnh phúc, sống còn
Đặt mình vào cảnh tổn vong
Không gây sát nghiệp, tổn thương
mạng người.

131. Như quy luật, ai người cầu phước
Dùng gậy dao giết chết sinh linh
Không sao hạnh phúc an bình
Đời này, đời tới tự mình khổ đau.

132. Như quy luật, những người cầu phúc
Không dùng dao hại giết một ai
Giữ tâm thương quý mọi loài
Đời này, đời tới an vui trong lòng. O



133. Người thô lỗ buông lời ác độc
Người trả đòn, hằn học chua cay
Khổ đau đến với cả hai
Lời qua tiếng lại, chẳng ai được gì.

134. Gìn chính niệm, vô thính, tĩnh lặng
Như chuông hư, tiếng chẳng ngân vang.
Với người hướng đến niết-bàn
Nội tâm thư thái, không mang hận thù.

135. Mục đồng khéo dắt bò ăn cỏ
Chiều dẫn về nhà chủ nghỉ ngơi.
Cũng vậy, già chết xưa nay
Lùa vào sinh tử bao đời chẳng tha. O

136. Người ngu tội tạo ra lầm lỗi
Do chẳng rành gốc tội đã gây
Khổ đau nghiền nát đời này
Dày vò, phiền muộn, sánh tày lửa thiêu.

137-40. Dùng vũ khí, gậy dao đánh đập
Hành hạ người, trù dập tôi bởi
Quả sầu mười loại sau đây:



Một là đau nhức đêm ngày rên la;
Hai, tai biến; ba là thương tật;
Bốn, độn căn, ngu ngốc, hay quên;
Năm thường lặn độn luật quan;
Sáu vương trọng tội bị oan, hiểu lầm.
Bảy, thân quyền, họ hàng ly tán
Tám, chẳng may tài sản tiêu tan
Chín là hỏa hoạn, nghèo nàn
Mười sau khi chết đọa làm súc sinh. O

141. Dù lửa thề, ngồi lì, tuyệt thực;
Không gội đầu, bện tóc rối tung...
Đừng hòng chuyển hóa tâm hồn
Nếu tâm nghi hoặc vẫn còn y nguyên.

142. Sống trang sức bằng nguồn an tịnh
Điều phục tâm, giới hạnh, kiên trì
Thương người, mến vật, từ bi
Sa-môn, phạm chí sánh vì trời cao.

143. Trong trời đất hiếm người chính niệm,
Biết giữ mình, hổ thẹn, lương tâm



Tránh lời chỉ trích, chửi thăm
Cũng như ngựa giỏi chẳng cần phạt roi.

144. Như ngựa quý chẳng cần roi chạm
Sống nhiệt tâm, dũng cảm, chuyên cần
Vững tin, giới đức, thiền hành
Chọn tìm giáo pháp, thấm nhuần lý chân.
Gìn chính niệm, cùng Minh Hạnh tức
Nêu quyết tâm tam độc loại trừ,
Khổ đau kết thúc, thảo thư
Người này xứng bậc chân tu trên đời.

145. Như thủy lợi làm kênh dẫn nước
Kẻ làm tên nắn vượt cung tên
Thợ cây bào ván hai bên
Người khôn làm chủ bản thân đêm ngày. O

XI. PHÂM GIÀ **(*Jarā-vagga*)**

146. Cười sao được, sướng vui sao nổi
Khi lửa tham cháy rụi thế gian



Tôi tắm giặt phủ trời đêm
Sao không nỗ lực tìm đèn sáng soi?

147. Thân bề ngoài, đẹp đầy nhựa sống
Ở bên trong, một đồng vết thương
Gây sâu, sao lại vẫn vương?
Thân là giả tạm, vô thường, mong manh.

148. Thân mấy chốc đã già, tàn tạ
Nơi chứa đầy bệnh khổ, hôi tanh
Vô thường tổ hợp mong manh
Chết là kết thúc, tái sinh hồng trần.

149. Thân thể này màu bồ câu trắng
Như trái bầu, thu đến vứt đi.
Chết rồi thi thể gớm ghê
Có gì vui thích, mãi mê thân này? O

150. Ôi, thân thể như thành trì cổ
Dựng bằng xương, máu đỏ, thịt, gân
Chứa già, chết, bệnh từng phần
Công cao, lừa dối; đáng duyên nỗi gì!



151. Xe vua đẹp có ngày cũng cũ
Thân thể rồi ỉu rũ, tàn phai
Pháp lành trẻ mãi, còn hoài
Hãy nên khắc cốt những lời thánh nhân.

152. Trẻ ít học, già không hiểu biết
Chẳng khác gì bò đực lớn đầu
Thân to, cơ bắp, khỏe, mau
Nhưng không trí tuệ, khác nào bóng đêm?

153-4. Lang thang suốt luân hồi bao kiếp
Quyết đi tìm “ông xếp” xây nhà
Tìm hoài, tìm mãi, không ra
Tái sanh, khổ lụy, đọa sa ba đường.
- Nay ta cấm người không xây nữa
Phá cột kèo, ván cửa, rui mè...
Nay ta đã chứng niết-bàn
Ái tham, chấp thủ tiêu tan hết rồi.

155. Lúc còn trẻ chẳng màng đạo đức
Không học nghề, tự lập lo thân
Đến già gặp phải khó khăn
Như cò ỉu rũ, không còn cá tôm.



156. Có người trẻ chẳng rèn đức hạnh
Không luyện nghề, không lãnh tiền lương
Khi già, buồn tủi, sầu vương
Nhớ về dĩ vãng, thở than vắn dài. O

XII. PHẨM TỰ NGÃ **(Atta-vagga)**

157. Người đánh giá bản thân là quý
Phải chính tâm bảo vệ lấy mình
Ngày đêm người trí giữ gìn
Luôn trong tỉnh thức, tỉnh minh cõi lòng.

158. Người trí tuệ bản thân vững chãi
Tự chủ mình, hoàn thiện, chánh chân
Xong rồi, giáo hóa tha nhân
Sống trong gương mẫu, thế gian nể vì.

159. Người gương mẫu thực hành hoàn tất
Mới đem ra giáo dục thế nhân
Tự mình làm chủ thân tâm
Soi gương nhân cách, hạnh lành
truyền trao.



160. Người sáng suốt tự nương mình vững
Không tìm cầu, dựa dẫm vào ai
Lành thay, điều phục tâm này
Biết tự điều phục, không hai trên đời. O

161. Các điều ác do mình tạo tác
Ác do tâm, ai khác ngoài ta
Ác nhân nghiền nát người tà
Như kim cương cứng nghiền qua
đá thường.

162. Như tầm gửi bám cây Phật pháp
Người buông lung giới đức chẳng gìn
Hạnh tà chuốc họa vào thân,
Kẻ thù sung sướng thấy mình tiêu tan.

163. Làm điều ác không cần trình độ
Hãm hại ta đau khổ dễ hơn
Khó thay, làm thiện chánh chơn
Mình người lợi lạc, bình an cõi đời.

164. Kẻ ác kiến ngu si, phỉ báng
Giáo pháp hàng La-hán nhiệm màu



Hại mình như ngọn trúc lau
Ngay khi trở quả nhuốm màu diệt vong.

165. Các điều ác do mình tự tạo
Rồi vướng vào khổ não, họa tai.
Điều lành ta tạo hôm nay
Quả an vui đến sớm mai là thường.
Nên hiểu rõ sạch trong, nhớ uest
Hành động do gốc rễ từ tâm
Cây nhờ tha lực khó thành
Đổ lỗi “tại, bởi” sao đành, không nên.

166. Dù phụng sự vị tha, thiết thực
Xin chớ quên thực tập lợi mình
Chuyên tâm học pháp cao minh
Hướng về giải thoát, đạt thành mới thôi. O

XIII. PHẨM THẾ GIAN **(*Loka-vagga*)**

167. Người sáng suốt chớ ôm tà kiến
Sống buông lung, ti tiện qua ngày.



Nghiệp tà vạy, chớ kéo dài
Được vầy, sinh tử luân hồi sớm ra.

168-9. Luôn tinh tấn không mê lạc thú
Hạnh thanh cao, tu sĩ thường ghi
Trang nghiêm giới đức, hành trì
Hai đời hưởng phúc chỉ vì tu tâm.

170. Hãy quán tưởng trong đời trần tục
Mọi thứ như bọt nước, huyễn vọng.
Đến khi ngộ lẽ vô thường
Tử thần không thể lần đường
chân nhân.

171. Cõi hồng trần đẹp tuồng ảo mộng
Như xe vua hoành tráng gấm thêu
Kẻ ngu tham đắm, chắt chiu
Người khôn tỉnh thức, chẳng yêu
nhiệm đời. O

172. Dù quá khứ buông lung, dục lạc
Nhưng về sau tỉnh thức, chuyển tâm
Làm lành, tỏa sáng trần gian



Như trăng rằm chiếu, không còn mây che.

173. Dù ngày trước gây bao tội lỗi
Nhưng hôm nay sám hối, hồi tâm
Làm lành, tỏa sáng trần gian
Như trăng rằm chiếu, không còn mây che.

174. Kẻ mù tối, thế gian đầy dẫy
Người sáng trong có mấy trên đời!
Như chim khôn chẳng vướng mồi
Người tu đạo đức an vui cõi trời.

175. Như trời thăm, thiên nga uốn liệng
Có thần thông ẩn hiện không gian
Trí nhân thoát chốn hồng trần
Vượt qua ma chướng, vững vàng
đường tu.

176. Với những kẻ chẳng tôn trọng Pháp
Dùng vọng ngôn lừa lọc, rêu rao
Ghét thiện, bác bỏ đời sau...
Lún sâu đường ác, ngày nào vượt ra!



177. Kẻ keo kiệt không sanh thiên giới
Người đại ngu chẳng đoái tình thương
Người hiền thích sống thiện lương
Đời sau hưởng phúc khác thường thế nhân.

178. Chứng sơ quả thánh nhân rạng rỡ
Hơn cõi trời Thiên chủ uy quyền
Hơn Trời trong chốn cần khôn
Khó tìm trong cõi bụi hồng người hơn. O

XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ **(*Buddha-vagga*)**

179. Phật chiến thắng hoàn toàn cõi trược
Tham ái trừ, tuệ giác sâu ngằn
Không lưu dấu vết trần gian
Đố ai vẽ được bước chân vượt đời.

180. Bậc giải thoát lưới tham, ái dục
Hết tái sanh, tuệ giác sâu ngằn
Không lưu dấu vết trần gian
Đố ai vẽ được bước chân vượt đời.



181. Người có trí thiên hành, tinh tấn
Tìm niềm vui trong hạnh viễn ly
Đêm ngày tỉnh thức luôn khi
Trời người kính trọng, sánh vì trăng sao.

182. Thật hạnh phúc, làm người nhân đức
Quả khó thay, sống thật tịnh thanh
Khó thay, nghe pháp, thực hành
Khó thay, gặp Phật chứng thành quả cao.

183. Mọi hoàn cảnh không làm bất thiện
Dù khó khăn, phát triển nhân lành
Luyện tâm, rèn ý tịnh thanh
Là lời Phật dạy đành rành xưa nay.

184. Tu nhẫn nhục: Khổ hành đáng quý
Đạt niết-bàn: Quả vị tối cao
Chúng sinh: Chẳng hại tơ hào
Hạnh sa-môn ấy cao sâu khó bàn. O

185. Không phỉ báng, không làm thương tổn
Làm chủ mình, giới bốn vẹn toàn
Điều hòa ăn uống, định thiền
Sống đời an tịnh, không phiền một ai.



186-7. Dù mưa rải bạc vàng chưa thỏa
Lòng dục tham không đáy xưa nay
Trí nhân hiểu rõ điều này
Khổ nhiều, vui ít, không sai bao giờ.
- Ngộ lẽ ấy, người tu học Phật
Chẳng đam mê dục lạc người, trời
Quyết lòng chuyển hóa, thanh thoi
Không còn tham ái, rạng ngời nhân gian.

188-9. Trong nguy khổ, người tìm
nương tựa
Hoặc thần linh, rừng rú, non cao,
Miếu, đình, cây, vật, hang sâu,
Vái van, hiến tế, mong sao an lành.
- Nương tựa ấy hoàn toàn vô bổ
Tìm loanh quanh, nhiều chỗ bất an
Khổ đau còn đó, chưa tan
Chỉ do mê tín, chẳng thành tựu chi.

190. Người có phước, tìm về Tam bảo
Phật, Pháp, Tăng quý báu khó hơn
Khó khăn, bất hạnh tựa nương



Dùng Bốn chân lý làm phương thoát nạn.

191. Thấy đau khổ, nguyên nhân gây khổ
Thấy niết-bàn, thánh lộ tám ngành
Đưa người đến chốn bình an
Không còn bất hạnh, trần gian
muộn phiền. O

192. Nương tựa ấy tạo nên quả phước
Nguồn tâm linh, thể đạt an vui
Người khôn nương tựa đời đời
Vẫy chào đau khổ, thanh thoi cuộc đời.

193. Bậc trí tuệ vun bồi giới đức
Tìm khắp nơi hiếm được một người
Chỗ nào có bậc trí tài
Xóm làng hạnh phúc, cuộc đời bình an.

194. Ôi hạnh phúc, Như Lai thị hiện
Pháp cao siêu lẫn chuyển khắp nơi
Tăng đoàn hòa hợp đạo đời
Bốn hàng đệ tử cùng vui tu hành.



195. Biết lễ kính những người đáng kính
Phật, thánh hiền đức hạnh thanh cao
Những người chường ngại sạch lâu
Não phiền dứt sạch, khổ đau giã từ.

196. Nhờ cung kính chân tu quảng đại
Bậc tịnh an, tự tại thấy nghe,
Không còn sợ hãi, sầu, mê,
Phước lành mỹ mãn đề huề bên ta. O

XV. PHẨM AN LẠC **(*Sukha-vagga*)**

197. Phúc thay sống giữa người thù hận
Lòng thanh thoi, chẳng giận hờn ai
Lành thay, sống giữa chua cay
Không hề oán hận, nguôi ngoai cõi lòng.

198. Phúc thay sống giữa người đau bệnh
Chẳng hề chi, khỏe mạnh tấm thân,
Lành thay, sống giữa nguy nan
Bình an, vô sự, an toàn trước sau.



199. Phúc thay sống giữa người khát dục
Lòng dừng dưng, gạn đục khơi trong.
Lành thay, sống giữa vô thường
Lòng không ham muốn, không vương
khổ sầu.

200. Phúc thay sống giữa người
chấp hữu
Gìn vô tham, vô ngã, không sầu.
Cõi lòng an lạc vô cầu
Vui như thiên giới đứng đầu Quang Âm.

201. Người chiến thắng thường gây
thù oán
Kẻ bại thua uất hận khổ đau.
Vui thay, hòa hợp trước sau,
Bỏ qua thắng bại, dâng trào niềm vui.

202. Trong các lửa, dục tham số một
Còn tâm sân vượt trội quân ma,
Khổ nào sánh kịp chấp “ta”
Niết-bàn tối thượng thật là lạc an.



203. Con đói khát chính là bệnh dữ
Chấp cái ta, bệnh khổ nhiều hơn.
Vượt qua bỉ thử, ngã nhon
Niết-bàn chứng đắc, cát tường an vui. O

204. Có sức khỏe còn hơn tặng phẩm
Biết đủ là tài sản tối cao
Chân tình là bạn tâm giao
Niết-bàn số một, phúc nào sánh hơn!

205. Người nếm vị thanh cao ẩn dật
Vui niết-bàn, an lạc khó hơn.
Nhiễm ô, sợ hãi đâu còn
Thấm nhuần pháp hỷ, tâm không
vướng gì.

206. Thật may mắn, thánh nhân gặp mặt
Được gần bên hạnh phúc nào hơn!
Phúc thay, chẳng gặp ngu nhân
Càng xa khỏi họ, càng an lành nhiều.

207. Cùng chung sống với người ngu tối
Khổ khác gì sống với kẻ thù.



Sống chung người trí vô ưu
Như cùng thân quyến chẳng lo sợ gì.

208. Với những bậc tinh thông, sáng suốt
Người giữ gìn, giới đức, thánh nhân
Quyết lòng gần gũi, kết thân
Như trăng soi sáng con đường đang đi. O

XVI. PHẨM HỖ ÁI **(*Piya-vagga*)**

209. Cố đeo đuổi điều nên xa lánh
Việc đáng theo lại tránh không làm.
Bỏ mục tiêu, vương ái tham
Nỡ nào ganh ghét người ham tu hành?!

210. Chớ gần gũi người thương quá đổi
Đừng gần người bức bội, ghét mình
Thương không gặp, khổ muôn phần
Tiếp duyên kẻ ghét ngút ngàn khổ đau.

211. Hiểu được thế, chớ yêu chớ nhớ
Yêu xa nhau, đau khổ biệt ly



Vấy chào yêu ghét, sâu bi
Cắt dây trói buộc, còn gì vướng hơn!

212. Gốc tham ái sanh ra đau khổ
Tạo sâu bi, lo sợ ngã nhân
Ai trừ tham ái khỏi tâm
Xa lìa sợ hãi, không còn sâu bi.

213. Gốc luyến ái sanh ra đau khổ
Tạo sâu bi, lo sợ ngã nhân
Ai trừ luyến ái khỏi tâm
Xa lìa sợ hãi, không còn sâu bi.

214. Gốc hỷ ái sanh ra đau khổ
Tạo sâu bi, lo sợ ngã nhân
Ai trừ hỷ ái khỏi tâm
Xa lìa sợ hãi, không còn sâu bi.

215. Gốc dục ái sanh ra đau khổ
Tạo sâu bi, lo sợ ngã nhân
Ai trừ dục ái khỏi tâm
Xa lìa sợ hãi, không còn sâu bi. O

216. Gốc khát ái sanh ra đau khổ



Tạo sâu bi, lo sợ ngã nhân
Ai trừ khát ái khỏi tâm
Xa lìa sợ hãi, không còn sâu bi.

217. Người giới đức, tuệ tri đầy đủ
Nương pháp lành, chứng ngộ lý chân
Làm xong những việc phải làm
Mọi người kính nể mười phân vẹn mười.

218. Niết-bàn chứng ly ngôn tông chỉ
Quả tam hiền, tuệ trí viên thông
Lìa dục lạc, tịnh cõi lòng
Bậc chân nhân đó ngược dòng thế gian.

219. Như lữ khách biệt tăm, xa vắng
Nay trở về lành lặn, bình an
Bạn bè, thân quyến hân hoan
Chúc mừng sum họp, xóm làng chia vui.

220. Cũng như thế, với người làm thiện
Bao đời qua cho đến đời nay,
Quả lành chào đón hai tay
Chúc mừng hạnh phúc, khó ai được bằng! O



XVII. PHẨM SÂN HẬN

(Kodha-vagga)

221. Tu chuyển hóa không còn giận tức
Đã lìa xa danh sắc, mạn, tham
Không còn kiết sử buộc ràng
Người “vô sản” ấy xua tan khổ sầu.

222. Dừng phần nộ khi tâm tức giận
Như đạp phanh, xe thắng lại ngay.
Xứng danh người lái xe tài.
Còn những người khác là nài cầm cương.

223. Dừng không-hận vượt qua cơn giận
Bồ thí nhiều chiến thắng xẻn, tham
Nhân từ chinh phục ác gian
Dùng tâm chân thật thắng ngàn
nguy trang. O

224. Dù nghèo khó, thực hành ban tặng
Chuyên hóa tâm, sân hận không còn
Nói lời ái ngữ, thực lòng:
Đây là điều kiện sanh lên cõi trời.



225. Người gieo rắc tình thương, bất hại
Khắp mọi nơi, tự tại thân, tâm
Lìa phiền não, hướng niết-bàn
Khổ đau kết thúc, bình an giữa đời.

226. Người tỉnh thức ngày đêm tinh tấn,
Học và tu cố gắng song hành
Một lòng hướng đến niết-bàn
Vượt qua lậu hoặc, dễ dàng thành công.

227. Người im lặng bị chê không biết
Kẻ phát ngôn mang tiếng lắm lời
Có ai không bị chê cười?
Thị phi là thói miệng đời xưa nay.

228. Như quy luật điều này kim cổ
Chẳng ai từng toàn bị chê thôi
Cũng không mãi được khen hoài
Khen chê là thói miệng đời, bạn chi!

229. “Người có trí sống không tỳ vết
Giới hạnh và định, tuệ tròn đầy.”
Ai thường thẩm sát vị này
Công tâm tán thán, nể người chân tu.



230. Người giữ giới như vàng óng ánh
Một lòng tu, đức hạnh cao vời
Xứng danh khen ngợi của đời
Phạm thiên cũng phải ngỏ lời tán dương.

231. Thân làm chủ thì đừng cẩu giện
Phòng hộ thân sẽ đặng an lành
Các điều xấu ác chớ làm
Những điều đạo đức tinh cần không quên.

232. Làm chủ miệng thì đừng cẩu giện
Phòng hộ lời sẽ đặng an lành
Không lời thô ác, cộc cằn
Những lời từ ái tinh cần không quên.

233. Làm chủ ý thì không cẩu giện
Phòng hộ tâm sẽ đặng an lành
Tâm không tà kiến, dữ dằn
Tư duy chân chánh tinh cần không quên.

234. Bậc hiền trí điều thân, miệng, ý
Gìn cả ba tử mĩ không quên
Thân lành, lời đẹp, ý chơn
Hoàn thành điều phục, không còn bợn nhơ. O



XVIII. PHẨM CẦU UẾ (*Mala-vagga*)

235. Thân thể sẽ tàn như lá úa
Thần chết luôn châu chực kề bên
Ở đời, mạng sống vô thường
“Hành trang” chưa đủ, đường trường
mệt hơi.

236. Hãy xây dựng cho mình hòn đảo
Gấp tinh cần, vì đạo tu hành
Dứt phiền não, ý tịnh thanh
Lên miền đất thánh, tái sinh trời lành.

237. Nay thân thể tàn suy, sắp hết
Gặp Diêm Vương, thần chết kề bên
Giữa đường không thể nghỉ chân
“Hành trang” chưa đủ, dặm dài mệt hơi.

238. Hãy xây dựng cho mình hòn đảo
Gấp tinh cần, vì đạo tu hành
Dứt phiền não, ý tịnh thanh
Không còn già, chết, tử sanh đèo bồng.



239. Bạc hiền trí tự mình nỗ lực
Chuyên uế tâm, gạn đục khơi trong
Cũng như thợ giỏi luyện vàng
Không còn tạp chất, tinh ròng
hoàng kim. O

240. Chất rỉ sét sanh ra từ sắt
Lại ăn mòn thanh sắt dần dần
Ác nhân gieo nghiệp chẳng lành
Tạo thành quả ác, tự mình vương mang.

241. Không tụng niệm làm nhớ kinh điển
Không quét lau làm bẩn cửa nhà
Biếng lười nhan sắc mau già
Kẻ phóng dật luôn lơ là phòng canh.

242. Thiếu tiết hạnh tan tành phụ nữ
Keo kiệt thường thích giữ, không cho
Ác tà là một vết nhớ
Đời này, đời tới lờ mờ, khổ đau.

243. Trong tất cả bản nhớ vừa kể
Vô minh là cái uế đứng đầu



Người tu siêng học pháp mầu
Xứng hàng vô nhiễm, vượt cầu tử sinh.

244. Không hồ thẹn thói này dễ quá
Lỗi mẫn như chim quạ cắn lưng
Chê bai, ngã mạn, nông cuồng
Nhiễm ô, liễu lĩnh, trăm đường
trái ngang. O

245. Đẹp biết mấy, người thường hổ thẹn
Sống vô tư, khiêm tốn, hài hòa
Buộc ràng nhất quyết là xa
Giữ tâm sáng suốt, thật thà, tịnh thanh.

246-8. Có những kẻ sát sanh, hại vật
Của không cho cướp đoạt về mình
Dối gian, nghiện ngập, ngoại tình
Tự đào mộ huyết, tự chôn cuộc đời.
Chính vì thế người khôn nên biết
Chế ngự tâm thì ác diệt vong
Tham lam tội lỗi cùng đường
Khổ đau, lận đận, đoạn trường khó ngưng.



249. Do tâm đạo hoặc lòng hoan hỷ
Mà có người bố thí, cúng dường.
Ai người bất mãn, ganh, hờn
Ngày đêm khó được định tâm an lành.

250. Ai bỏ được hờn, căm, ganh ghét
Biết vui theo hạnh phúc của người
Ngày đêm tùy hỷ, tươi cười
Định tâm đạt được giữa đời trái ngang.

251. Lửa dữ nhất là tham ái nặng
Chấp nào hơn thù hận tái tê
Lưới nào hơn lưới si mê
Sông tình bể dục kéo lê bao người.

252. Bơi móc lỗi của người dễ ợt
N như quạt quay, thổi trấu ra ngoài
Lỗi mình che giấu đêm ngày
Khác gì gian lận chơi bài quen tay.

253. Kẻ nhếch mắt truy tìm lầm lỗi
Thường công cao, chỉ trích, chê bai
Nảo phiền theo đó tăng hoài
Cõi lòng an tịnh biết ngày nào đây?



254. Hư không vốn không lưu dấu vết
Ngoài Phật môn khó kiếm sa-môn
Đời ham tranh luận vui mồm
Như Lai an tịnh, không còn hơn thua.

255. Hư không vốn không lưu dấu vết
Ngoài Phật môn khó kiếm sa-môn
Hữu vi biến đổi, vô thường
Như Lai an tịnh, không còn động tâm. O

XIX. PHẨM PHÁP TRỤ **(*Dhammatṭha-vagga*)**

256. Bậc pháp trụ⁽¹²⁾ là người chuẩn mực
Không sống theo chuyên chế, cực đoan
Trí nhân cư xử cân phân
Chánh tà, đen trắng rõ ràng không sai.

257. Bậc pháp trụ là người trí giác
Sống công bằng, dẫn dắt mọi người

12. An trụ pháp gồm hai nghĩa: Tuân thủ luật pháp xã hội và tuân thủ chân lý và luật Phật.



Không còn chuyên chế, lộng quyền
Sống theo luật pháp cho đời thăng hoa.

258. Bạc hiền trí chẳng do hiểu rộng
Hay nói nhiều những chuyện trên đời
Không thù, không oán sợ người
An hòa, đức độ, rạng ngời chánh chân.

259. Người trì pháp chẳng do lẩm miệng
Biết noi theo chuẩn mực pháp mẫu
Thực hành chẳng chút lảng xao
Không còn phóng túng, thâm sâu
đạo vàng. O

260. Gọi trưởng lão chẳng vì tóc bạc
Hoặc sống lâu, tuổi tác đã cao
Những ai đức, trí không sâu
Già đầu mê muội khác nào “lão ngu.”

261. Người thông đạt bốn điều chân lý⁽¹³⁾
Chủ giác quan, tuệ trí, chánh chân

13. Tứ diệu đế: a) Thừa nhận khổ đau, b) Xác định nguyên nhân, c) Đạt được hạnh phúc niết-bàn, d) Thực tập bát chánh đạo.



Không còn lậu hoặc, tịnh thanh
Trưởng lão như vậy xứng danh đạo đời.

262. Đâu phải đẹp, hoặc tài hùng biện
Mà trở thành người thiện chánh chân.
Ai không ích kỷ, hờn ganh
Không còn cao ngạo xứng danh bậc hiền.

263. Bậc hiền thiện là người dứt được
Tham, sân, si – nguồn gốc khổ đau
Tỏ thông trí tuệ lâu lâu
Đức tài ngời sáng, đạo màu tràn dâng.

264. Là tu sĩ đâu do đầu trọc.
Phải thực hành, dứt sạch dục tham
Không còn phóng túng, dối gian
Hạng sa-môn ấy chánh chân trọn đời.

265. Ai chuyển hóa ác nhân lớn nhỏ
Dứt tham, sân, sáng tỏ nguồn tâm
Không còn ác pháp, tịnh thanh
Hạng sa-môn ấy xứng danh trên đời.

270. Bậc hiền thánh không gieo
 nghiệp sát
 Hai con người, động vật, sinh linh.



Tâm từ thương khắp chúng sinh
Loài vô tình lẫn hữu tình như nhau.

271-2. Chẳng vì có giữ gìn giới luật
Hay vin vào học đủ hiểu nhiều
Chẳng vì thiên định cao siêu
Sống nơi thanh vắng sớm chiều độc cư...
Mà có thể tự cho chúng đắc
Tự mãn lòng được phước viên ly
Chớ nên xao lãng hành trì
Đến khi lậu hoặc hết thì mới xong. O

XX. PHẨM ĐẠO **(*Magga-vagga*)**

273. Bát chánh đạo là đường độc lộ
Chân lý thì Tứ đế cao sâu
Lìa tham ái – quả nhiệm màu
Chúng nên pháp nhãn dẫn đầu hai chân.⁽¹⁴⁾

14. Loài hai chân chỉ cho loài người.



274. Bát chánh đạo không đường nào khác
Tuệ cao siêu, giải thoát, tịnh thanh
Noi theo đường ấy thực hành
Não phiền dứt sạch, ma quân quy hàng.

275. Theo chánh đạo khổ đau chấm dứt
Các chướng duyên kết thúc dễ dàng
Như Lai chỉ rõ con đường
Trí tuệ tăng trưởng, không còn tái sinh.

276. Hãy thực tập nhiệt tình, miên mật
Đức Như Lai là bậc chỉ đường
Siêng tu thiền định chuyên ròng
Vượt qua lưới ái ma vương nhiều đời.

277. Bằng tuệ quán chiếu soi thế giới
Các hành⁽¹⁵⁾ kia dính với vô thường
Không còn đau khổ sâu vương
Thênh thang cất bước con đường an vui.O

278. Bằng tuệ quán chiếu soi thế giới
Các hành kia dính với khổ đau

15. Mọi sự vật mang tính điều kiện và hình thành bởi nhiều yếu tố.



Không còn bất hạnh, muộn sầu
Con đường thanh tịnh, đạo màu an vui.

279. Bằng tuệ quán chiếu soi tất cả
Các hành kia vô ngã xưa nay
Không còn đau khổ ngay đây
Đạo vàng an lạc phút giây hiện tiền.

280. Khi cần thiết thì không nỗ lực
Lúc trễ trung biếng nhác, buông lung
Cầu an, nhu nhược, thủ thường
Làm sao tìm được con đường cao siêu?

281. Gìn tâm thức, thân không làm ác
Giữ ngữ ngôn rất mực chánh chân
Hộ phòng ba nghiệp, thân tâm
Chứng nên đạo giác thánh nhân chỉ bày.

282. Tu thiền định tăng nhanh trí tuệ
Hiểu con đường hai ngã diệt sanh⁽¹⁶⁾
Tự mình nỗ lực thực hành
Trau dồi tuệ giác, đạt thành quả cao.

16. Con đường đưa đến tái sanh và con đường chấm dứt sinh tử.



283. Trong rừng núi, đục là số một
Rừng đục làm sợ hãi, sâu vương
Đốn rừng ái đục sạch trơn
Người tu tịch tịnh con đường thanh cao.

284. Dây tình ái gái trai chưa bỏ
Thì khó mong làm chủ được tâm
Rơi vào tình trạng buộc ràng
“Bò con vú mẹ” dậm đàng chẳng buông.

285. Tự rút bỏ sợi dây ái dục
Như dùng tay bẻ đứt sen thu
Đạo tịch tịnh, hãy tiến tu
Niết-bàn an lạc từ từ chứng nên.

286. Mùa đông, hạ, nơi đây ta ở
Rồi mùa mưa cũng trụ chỗ này
Người ngu ỷ lại như vậy
Đâu ngờ hiểm “chết” bủa vây,
ngóng chờ.

287. Người vương kẹt chấp nê sở hữu
Con cái tôi, tài sản của tôi



Tử thần theo bắt, kéo lôi
Như cơn lũ lớn cuốn trôi cả làng.

288. Khi thần chết kề bên kiếp số
Cha mẹ nào bảo hộ được đâu
Người thân, con cái sầu đau
Nghệp ai nấy chịu, làm sao cứu nàn?

289. Vô thường đến không ai giúp được
Hiếu được rồi, giới luật trang nghiêm
Mau tu chuyển hóa tinh chuyên
Niết-bàn chứng đắc trọn nên đạo vàng. O

XXI. PHẨM TẬP LỤC (*Pakīṇṇaka-vagga*)

290. Nhờ từ bỏ niềm vui nhỏ nhít
Mà đạt thành hạnh phúc lớn hơn
Thú vui ngũ dục chẳng màng
Trí nhân hưởng đạt niết-bàn an vui.

291. Gieo đau khổ cho người bị hại
Lại cầu mong gặt hái bình an



Những ai thù hận buộc ràng
Không sao thoát khỏi trái ngang trong đời.

292. Việc xứng đáng lại không làm tốt
Việc chẳng gì lại trút vào thân.

Người ngu ngạo mạn, buông lung
Não phiền, lậu hoặc gia tăng đêm ngày.

293. Quán thân thể do duyên, bất tịnh
Siêng năng làm những việc đáng làm
Giữ gìn chánh niệm thân tâm
Não phiền, lậu hoặc tiêu tan hết liền.

294. Giết mẹ ái, cha già ngã mạn
Trừ hai vua tà kiến: đoạn, thường.⁽¹⁷⁾
Dẹp mười hai xứ,⁽¹⁸⁾ ái tham⁽¹⁹⁾
Vị Phạm chí⁽²⁰⁾ ấy xứng hàng vô ưu.

17. Đoạn kiến là quan niệm cho rằng chết là hết, không có kiếp sau, không có nhân quả, luân hồi. Thường kiến là quan niệm cho rằng có một linh hồn thường hằng chịu định mệnh lâu dài trong những kiếp sống.

18. Sáu giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với sáu đối tượng trần cảnh (hình thái, âm thanh, mùi, vị, vật xúc chạm, đối tượng hình dung).

19. Tổng đài của sinh tử và luân hồi.

20. Vị tu sĩ theo đạo Bà-la-môn. Phật mượn từ này chỉ cho người tu có đời sống thánh hạnh thanh cao.



294. Giết mẹ ái, cha già ngã mạn
Trừ hai vua tà kiến: đoạn, thường.
Diệt luôn hồ tướng nghi nan⁽²¹⁾
Vị Phạm chí ấy xứng hàng vô ưu.

296. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Niệm Như Lai mười đức⁽²²⁾ vẹn toàn
Công phu, làm chủ thân tâm
Oai nghi, chính niệm chuyên cần
thường xuyên.

297. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Niệm Pháp mầu năm đức⁽²³⁾ vẹn toàn
Công phu, làm chủ thân tâm
Oai nghi, chính niệm chuyên cần
thường xuyên. O

21. Hoài nghi (Phật, pháp, Tăng, đạo đức, chân lý, nhân quả, đời sau) là hồ tướng thứ năm (bốn hồ tướng trước là: Tham, sân, si, mạn) có tác hại lớn đối với đạo đức.

22. Mười đức của các Phật là Như Lai, ứng cúng, chánh biến tri, minh hạnh túc, thiện thế, thế gian giải, điều ngự trượng phu, thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

23. Năm đức của chánh pháp là: Đến dễ mà thấy, thiết thực hiện tại, siêu việt thời gian, được người trí khen, đạt mục đích thánh.



298. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Niệm Tăng đoàn giới đức vẹn toàn
Công phu, làm chủ thân tâm
Oai nghi, chính niệm chuyên cần
thường xuyên.

299. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Quán thân này cấu uế, do duyên
Công phu, làm chủ thân tâm
Oai nghi, chính niệm chuyên cần
thường xuyên.

300. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Hành từ bi, không giết chúng sinh
Công phu, làm chủ thân tâm
Vui niềm bất hại, chuyên cần
thường xuyên.

301. Đệ tử Phật đêm ngày tỉnh thức
Thực hành thiền, chuyển hóa tham, sân
Công phu, làm chủ thân tâm
Oai nghi, chính niệm chuyên cần
thường xuyên. O



302. Thật đáng quý xuất gia chân chính
Đời tại gia lắm chuyện khổ đau
Buồn thay, bạn chẳng hiểu nhau
Luân hồi chìm đắm muôn sâu, chớ theo.

303. Có chính tín, vẹn toàn đức hạnh
Danh dự tăng, thánh sản⁽²⁴⁾ cũng tăng
Nơi nào vị ấy đến thăm
Mọi người kính nể, xa gần tôn vinh.

304. Bạc hiền thiện ở xa vẫn sáng
Núi cao tuyết trắng chói ngời
Ác nhân gần, chẳng đoái hoài
Như tên mất hút đêm dài, vô minh.

305. Đường độc lộ dứt duyên, thanh vắng
Không cô đơn, buồn chán một mình
Ngồi, nằm, đi, đứng lặng thinh
Rừng sâu thoải mái, tịnh thanh cõi lòng. O

24. Tài sản thánh gồm có bảy loại: Chánh tín, tinh tấn, hổ thẹn, lương tâm, học rộng, tặng biếu và buông xả.



XXII. PHẨM ĐỊA NGỤC (*Niraya-vagga*)

306. Kẻ vọng ngữ nói sai sự thật
Có nói không, thêu dệt, ba hoa
Kẻ ác chối “chẳng phải ta”
Sống làm người xấu, chết sa ngục hình.

307. Kẻ khoác áo cà-sa giả dạng
Sống buông lung, giới hạnh chẳng gìn
Ác do nghiệp ác hoành hành
Chết sa cõi dữ, ngục hình phải vương.

308. Thà nuốt sắt đỏ hừng nóng bức
Hơn buông lung, giới đức chẳng gìn
Ăn đồ tẩm thí cúng dâng
Làm sao tiêu nổi nghiệp nhân nhận về.

309. Bốn tai nạn chờ người dâm dăng
Thích ngoại tình, sống chẳng thủy chung:
Ngủ không ngon giấc, tai ương
Bị đời chế giễu, làm đường ngục sa. O

310. Không chung thủy họa tai chờ đón



Sống lo âu, thấp thỏm, ít vui,
Vướng vòng luật pháp tiêu đời
Một chồng một vợ, rạn nứt
phước duyên.

311. Cỏ lau nằm mà sai tư thế
Khó bình an khỏi họa xước tay.
Sa-môn giới hạnh chẳng ngay
Đọa sa tù ngục biết ngày nào ra.

312. Sống phóng dăng, sáu căn
chẳng giữ
Giới đức thì ô uế, đáng ngờ
Không theo hạnh thánh, bỏ tà
Quả cao khó chứng, quả là không sai.

313. Điều chân chánh cần làm dứt khoát
Làm say mê, trút hết khả năng
Xuất gia phóng dăng: phá Tăng
Làm người tổn tín, hoang mang bụi mù. O

314. Điều xấu ác không nên dính tới
Làm xong rồi, tù tội khổ đau.



Nhân lành nỗ lực trồng sâu
Tâm không tiếc nuối, chẳng bao giờ phiền.

315. Như thành lũy trong ngoài canh giữ
Phòng hộ thân, chớ có buông lung.
Đời không tu tập: Trầm luân
Đọa sa vì nổi lăm đường trần duyên.

316. Việc không thẹn thì luôn ray rút
Đúng lương tâm lại bực là sao?
Sống theo tà kiến: Khổ đau
Đọa sa cõi xấu, ngụp đầu trầm luân.

317. Không đáng sợ thì luôn lo lắng
Đáng sợ thì chẳng hoảng là sao?
Sống theo tà kiến: Khổ đau
Đọa sa cõi xấu, ngụp đầu trầm luân.

318. Không có lỗi thì luôn buộc tội
Có tội mà thoát khỏi là sao?
Sống theo tà kiến: Khổ đau
Đọa sa cõi xấu, ngụp đầu trầm luân.

319. Người có lỗi thì cho có lỗi



Không tội thì phải nói là không
Nói theo chánh kiến, thông dong
Chết sanh thiên giới, con đường an vui. O

XXIII. PHẨM VOI (*Nāga-vagga*)

320. Như voi chiến xông pha giữa trận
Hứng tên rơi, đạn bắn, tấn công
Chịu lời phỉ báng không buồn
Người tu tập biết xả buông nhẹ nhàng.

321. Voi, ngựa quý được đưa dự hội
Được vua quan chọn cưỡi trên lưng
Người hiền số một hồng trần
Chịu bao phỉ báng của phường ác gian.

322. Như ngựa giống và la thuần chủng
Hay voi to, ngà trắng, đẹp ngần
Những ai điều phục bản thân
Trang nghiêm giới hạnh, xứng hàng
tối cao.



323. Chẳng do cỡi ngựa voi quý đất
Mà giúp người chứng đạt niết-bàn
Những người chiến thắng bản thân
Mục tiêu cứu cánh đắc thành dễ thôi.

324. Voi Tài Hộ hung hăng, khó phục
Tiết mô hôi, phát dục mỗi khi
Nhốt giam, chẳng uống ăn gì
Ngày đêm canh cánh hướng về rừng voi.

325. Người biếng nhác thường ham
hưởng thụ
Ăn uống nhiều, nằm ngủ cả ngày
Khác gì như lợn mập thầy
Kẻ ngu sinh tử, khó ngày thoát ra.

326. Bao ngày trước, tâm thường lêu lổng
Theo thú vui, dục vọng quay cuồng.
Hôm nay, chế ngự được lòng
Như người quản tượng cương thường
điều voi. O

327. Hãy vui thích với không phóng dật
Giữ gìn tâm, tỉnh thức, lạc an



Vượt ngoài kiết sử buộc ràng
Như voi nỗ lực thoát vòng lầy sa.

328. Khi gặp được những người hiền trí
Nên sống chung, thỏa chí đồng hành
Vượt qua tất cả hiểm nàn
Sống trong chánh niệm, an lành niềm vui.

329. Nếu không gặp bạn hiền tuệ đức
Đáng sống chung, hạnh phúc đồng hành
Thà vua bỏ lại nước thành
Như voi cất bước quần quanh rừng già.

330. Thà đơn độc, sống trong hạnh phúc
Giới trang nghiêm, không bạn kẻ ngu
Không còn buồn khổ, vô tư
Như voi trong chốn rừng sâu một mình.

331. Thật hạnh phúc, bạn khi cần thiết
Biết đủ là hạnh phúc nào hơn.
Vui thay, chết để đức nhân
Khổ đau chấm dứt, trần gian niết-bàn.



332. Thật hạnh phúc, dưỡng nuôi cha mẹ
 Phúc nào hơn kính lễ sa-môn
 Vui thay, kính bậc thánh hiền
 Phúc thay, chánh niệm hiện tiền
 ngay đây.

333. Thật hạnh phúc tuổi già có đức
 Phúc nào hơn tuệ giác cao siêu
 Vui thay, chánh tín, hiểu nhiều
 Phúc thay, từ bỏ bao nhiêu ác tà. O

XXIV. PHẨM THAM ÁI (*Taṇhā-vagga*)

334. Người dễ dãi sống đời phóng dật
 Như dây leo, ái dục tăng nhanh
 Đời này kiếp khác chuyển cảnh
 Như vượn luyến thoán tham ăn quả rừng.

335. Người nào sống trong vòng ba cõi⁽²⁵⁾
 Bị lòng tham khát ái buộc ràng

25. Dục giới, sắc giới và vô sắc giới.



Khổ sâu, bất hạnh gia tăng
N như trời mưa, cỏ tràn lan ruộng vườn.

336. Người nào sống trong vòng ba cõi
Chuyển hóa xong tham ái buộc ràng
Khổ đau, sầu não tiêu tan
Cũng như giọt nước lá sen, lo gì.

337. Nay đệ tử, Như Lai chỉ dạy
Nhổ cội căn tham ái buộc ràng
Phá tan uy lực ma quân
N như dòng nước lũ ngập tràn bụi lau.

338. Như cây đốn, gốc còn lại sống
Sẽ đâm chồi mọc vững như xưa
Ái tùy miên⁽²⁶⁾ khó giã từ
Khổ đau già chết dây dưa nhiều đời. O

339. Ba sáu ái⁽²⁷⁾ như dòng thác chảy

26. Năng lực ái dục ẩn tàng trong vô thức, đồng hiện hữu với chúng sanh như một bản năng, có sức thôi thúc và bám cánh dục lạc khi có điều kiện.

27. 36 thứ ham muốn, phát sanh từ sáu dòng giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) tiếp xúc với sáu dòng đối tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp). Mười hai dòng căn trần này khởi lên trong ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai tạo thành 36 dòng ái dục.



Cuốn người theo khả ái, vẩn vương
Các nguồn tư tưởng ái thương
Cuốn người tà kiến vào đường trầm luân.

340. Dòng ái dục chảy quanh khắp chốn
Như dây leo đeo bám thân cây
Dùng gươm trí tuệ diệt ngay
Dây leo tham ái tại đây, bây giờ.

341. Bị ám ảnh niềm vui ái dục
Mong bình an chẳng được vào đâu
Không còn tham ái đuôi đầu
Sanh già kết thúc, khổ đau không còn.

342. Người bị vương niềm vui ái dục
Sống vầy vùng, hoảng hốt, buộc ràng
Cũng như thỏ bị lưới giăng
Chúng sanh đau khổ trầm luân lâu dài.

342. Người bị vương niềm vui tham ái
Như thỏ sa lưới bầy vầy vùng.
Người tu rũ bỏ sầu vương
Vượt qua tham ái, thoát đường tử sanh.



344. Lìa rừng đục, vướng vào rừng ái
Thoát được rừng lại chạy theo rừng
Những người như vậy sâu vương
Cởi dây trói lại buộc ràng khó buông.

345. Xiềng bằng sắt, dây, mây cũng đứt
Người dính vào tham đục khó buông.
Của tiền, con cái, vợ chồng...
Như xiềng xích chặt, khó lòng thoát ra.

346. Xích tham ái thật bền, khó chặt
Ghi lún người sắc đục trầm luân
Trí nhân cắt bỏ buộc ràng
Giã từ đục lạc, không màng, thông dong.

347. Người đắm đục tự lao dòng khổ
Như nhện giăng bắt bớ con mồi.
Trí nhân bỏ ái, an vui
Không còn đau khổ giữa đời trầm luân.

348. Buông quá khứ, tương lai, hiện tại
Trí cao siêu, chẳng ngại, thông dong
Đến bờ kia, sông ngược dòng
Không còn vướng kẹt trong vòng tử sanh. O



349. Người bị ý tà sai kích thích
Ái tham tăng, mê tit dục trần
Trói mình trong chốn trầm luân
Vấy vùng khó thoát khỏi vòng khổ đau.

350. Thường tỉnh giác, quán thân bất tịnh
Dẹp ý tà, an định thân tâm
Diệt tan ma ái buộc ràng
Sống trong tự tại, tinh thần lạc an.

351. Đích cứu cánh đạt rồi hết sợ
Lìa ái tham, ô uế, não phiền
Nhỏ tên sanh tử hiểm nàn
Đây là thân chót, trầm luân không còn.

352. Lìa ái, thủ, đây là thân chót
Khéo biện tài, từ, nghĩa, trước, sau
Giảng rành chánh pháp nhiệm mầu
Xứng danh bậc trí rộng sâu trên đời.

353. Ta điều phục, lâu thông các pháp
Không nhiễm ô, ái diệt, xả buông
Lậu hoặc tan, trí tỏ tường
Không thầy, ta ngộ con đường cao siêu! O



354. Tặng Phật pháp vượt xa bố thí
Lý chánh chân hơn vị ngọt ngon.
Niềm vui pháp hỷ tuyệt trần
Dứt tham ái, khổ trầm luân tạ từ.

355. Vật sở hữu hại người vô trí
Không tìm về hương vị bờ kia⁽²⁸⁾
Kẻ ngu đắm của vì si
Mình người bị hại, khó lìa khổ đau.

356. Cỏ phủ kín làm vườn hư hại
Tánh tham lam phá hoại tâm thân
Cúng dường cho bậc vô tham
Thiện nhân sẽ trở quả lành lớn hơn.

357. Cỏ phủ kín làm vườn hư hại
Tâm hận sân phá hoại tâm thân
Cúng dường cho bậc vô sân
Thiện nhân sẽ trở quả lành lớn hơn. O

358. Cỏ phủ kín làm vườn hư hại
Tâm si mê phá hoại tâm thân

28. Bờ bên kia tượng trưng cho sự giác ngộ và giải thoát.



Cúng dường cho bậc tuệ quang
Thiện nhân sẽ trở quả lành lớn hơn.

359. Cỏ phủ kín làm vườn hư hại
Tâm dục tham phá hoại tâm thân
Cúng dường cho bậc lìa tham
Thiện nhân sẽ trở quả lành lớn hơn. O

XXV. PHẨM TỖ-KHEO

(Bhikkhu-vagga)

360. Thật hạnh phúc, giữ gìn hai mắt
Thật lành thay, giữ tốt hai tai
Giữ gìn lỗ mũi, lưỡi này
Sống trong điều phục ngay đây an lành.

361. Thật hạnh phúc, giữ gìn thân thể
Thật lành thay, phòng hộ ngữ ngôn
Lành thay, phòng ý ngoài, trong
Người tu phòng hộ, không còn khổ đau.

362. Người làm chủ tay, chân, bộ óc
Làm chủ lời, vui thích định thiền



Độc thân, biết đủ, hạnh nghiêm
Xứng danh tu sĩ, trọn nên quả lành.

363. Người tu sĩ giữ gìn cửa miệng
Không cống cao, giảng thiện cho đời
Trình bày pháp nghĩa vừa lời
Ngữ ngôn dịu ngọt, giúp người bình an.

364. Là hành giả mến yêu Phật pháp
Tư duy sâu câu pháp vừa nghe
Để tâm theo pháp, lìa mê
Thực hành chánh pháp dẫn về an vui.

365. Điều mình được không chê lớn nhỏ
Không hờn ganh với kẻ được hơn
Tâm không tùy hỷ: Sầu vương
Vọng tâm trôi dạt khó mong định thiện. O

366. Dù được ít không chê nhỏ ít
Hạnh siêng năng, giới đức nghiêm trang
Giữ gìn trọn vẹn thân tâm
Chư thiên tán thưởng xứng danh tu hành.



367. Tu vô ngã không còn chấp mắc
Thân là ta, danh-sắc⁽²⁹⁾ của ta.
Dứt trừ chấp, hết sầu lo
Người tu như thế xứng là Tỳ-kheo.

368. Bạc hành giả từ bi thực tập
Tâm tín thành Phật pháp cao sâu
Chứng nên tịch tĩnh nhiệm mầu
Các hành an tịnh trước sau trong ngoài.

369. Bạc hành giả tát thuyền cạn nước
Thuyền rộng không, nhẹ lướt thật nhanh
Diệt trừ si, hận và tham
Ắt rằng chứng đắc niết-bàn thông dong. O

370. Năm độn sử⁽³⁰⁾ quyết tâm cắt đứt
Năm buộc ràng⁽³¹⁾ trừ diệt hoàn toàn

29. Tinh thần và thân thể vốn là hai yếu tố tạo thành con người.

30. Năm trói buộc thấp: (1) chấp thân, (2) hoài nghi, (3) giới cấm thủ, chấp khổ hạnh là con đường giải thoát (4) tham, (5) sân.

31. Tức ngũ lợi sử tức năm trói buộc cao: (1) sắc ái, (2) vô sắc ái, (3) kiêu mạn, (4) trạo cử, dao động, (5) vô minh.



Bỏ năm phược,⁽³²⁾ học năm năng⁽³³⁾
Xứng danh là bậc vượt dòng⁽³⁴⁾ xưa nay.

371. Làm hành giả hãy tu thiền quán
Không buông lung, say đắm dục trần.
Buông lung như ngọn lửa hồng
Đốt thiêu, gây khổ, khó mong an lành.

372. Thiếu trí tuệ khó mong thiền quán
Không định thiền khó đặt trí mầu
Ai người định, tuệ thâm sâu
Niết-bàn chứng đắc trước sau rõ ràng.

373. Bậc hành giả ẩn tu nơi vắng
Gìn tâm tư, yên lặng hiện tiền
Quán theo chánh pháp, hành thiền
Hưởng nguồn hạnh phúc siêu nhiên
lạ thường. O

32. Tức tham, sân, si, mạn và tà kiến.

33. Năm sức mạnh tinh-thần: (1) niềm tin vững; (2) tinh tấn, (3) chánh niệm, (4) thiền định, (5) trí huệ.

34. Bậc vượt dòng là người đã hết sạch mười kiết sử nêu trên, đạt được giác ngộ và giải thoát.

374. Người chính niệm thấu nguồn
 sanh diệt
 Thọ, tưởng, hành, nhận thức, xác thân
 Hưởng niềm an lạc, hân hoan
 Các hàng bất tử hiển rành trước sau.

375. Người có trí, sống luôn tri túc
Gìn giác quan, tu tập pháp môn
Tinh cần, giới hạnh vẹn tròn
Thân gần thiện hữu, không còn sầu đau.

376. Khi ứng xử chánh chân, thân thiện
Hạnh đoan trang thể hiện trong ngoài
Thấm nhuần hỷ lạc hiện đời
Khổ đau kết thúc, thanh thoi niết-bàn.

377. Như cây lài bỏ cành tàn úa
Mau hồi sinh cho lá thêm xanh
Cũng vậy, tu sĩ chánh chân
Thực hành tinh tấn, tham sân dứt trừ. O

378. Bậc tịch tịnh chuyên tâm tu tập

Thân tịnh thanh, lời nói an lành



Thực hành thiền định chuyên cần
Bỏ thế sự, hướng niết-bàn an vui.

379. Người tu học tự mình dò xét
Đánh giá mình nhân cách đục trong
Giữ gìn chánh niệm, tự phòng
Trụ an lạc, để tâm không muộn phiền.

380. Người tu Phật tự mình nương tựa
Tìm được nguồn ẩn trú bản thân
Tự mình điều phục nguồn tâm
Như người buôn có ngựa thuần
đường xa.

381. Người tu sĩ tâm thường hoan hỷ
Đặt niềm tin pháp vị cao siêu
An lành tịch tịnh trọn nên
Các hành hữu lậu lặng yên, nhẹ nhàng.

382. Bậc hành giả tuổi đời tuy nhỏ
Tu pháp môn sáng tỏ nguồn tâm
Trí mầu soi sáng thế gian
Như vàng trắng thoát mây ngàn
bủa giăng. O



XXVI. PHẨM BÀ-LA-MÔN (*Brāhmaṇa-vagga*)

383. Hãy tinh tấn dứt dòng ái dục
Bỏ thú vui vật chất bao đời
Các hành đoạn diệt, thanh thoi
Bà-la-môn ấy rạng ngời vô vi.

384. Nhờ an trụ pháp tu chỉ, quán
Mà tiến về bỉ ngạn an vui
Bà-la-môn trí sáng ngời
Diệt trừ kiết sử, thanh thoi đạo vàng.

385. Người không chấp bờ này, bờ nọ
Tâm chẳng màng chấp có, chấp không
Khổ đau dứt, trói buộc buông
Người tu ấy Bà-la-môn tuyệt vời.

386. Tu thiền định, ẩn cư, không nhiễm
Lậu hoặc lìa, bốn phận đã xong.
Hoàn thành mục đích tối tôn
Người tu ấy Bà-la-môn sáng ngời. O

387. Trời, trăng sáng ngày, đêm tùy lúc



Các vua quan sáng rực kiếm cung
Tu thiền chói sáng ngoài trong
Trí tuệ Phật sáng soi chung đất trời.

388. Người dứt ác xứng hàng Phạm chí
Hạnh thanh cao xứng vị Sa-môn
Xuất gia hết cấu uế tâm
Xứng danh thượng sĩ xuất trần xưa nay.

389. Đừng hãm hại Sa-môn, Phạm chí
Gặp nghịch duyên xin chớ trả thù.
Khổ thay, hại bậc chân tu
Chớ nên trả đũa oán cừu mà chi.

390. Bậc Phạm chí tâm không tham ái
Không trả thù, sân, hại một ai
Khổ đau dứt sạch trong ngoài
Niềm vui to lớn, nạn tai không còn.

391. Người không tạo nghiệp nhân ác độc
Miệng, ý, thân trau chuốt, giữ gìn
Hành vi, lối sống tịnh thanh
Xứng danh Phạm chí hiển minh, đức từ. O



392. Biết đền đáp ân sâu của bậc
Hướng dẫn ta hiểu Phật, Pháp, Tăng
Thành tâm lễ tạ, cúng dàng
Như người Phạm chí thờ thần lửa kia.

393. Gọi Phạm chí đâu vì bện tóc
Giai cấp hay chủng tộc bảy đời
Chân thành, chánh niệm, thanh thoi
Bà-la-môn ấy sáng ngời đức tu.

394. Phạm chí “ngổ” chỉ lo bện tóc
Lợi ích gì áo mặc da dê
Tâm còn phiền não, u mê
Tu toàn hình thức, đường về còn xa.

395. Phạm chí “ngổ” mặc y vá nhóp
Da lộ gân, thân hốc hác gầy.
Người tu thiền định đêm ngày
Bà-la-môn ấy sánh tày núi cao. O

396. Phạm chí thật đâu do huyết thống
Giai cấp cao, nguồn gốc thọ sanh.
Ai không phiền não, tịnh thanh
Phạm chí không chấp, cõi tâm an lành.



397. Người dứt sạch cả mười trói buộc
Không sầu lo được, mất, thua, hơn
Bao điều chấp trước xả buông
Người tu ấy Bà-la-môn tuyệt vời.

398. Bậc Phạm chí bỏ đai “sân hận”
Cắt cương “tham”, tà kiến, tùy miên
Vô minh hết, trí trọn nên
Hướng về giác ngộ, thoát miền trầm luân.

399. Lấy đức nhẫn làm quân xông trận
Không ác tâm, phỉ báng, phạt hình
Từ bi, từ bỏ hận, sân
Bà-la-môn ấy sáng danh đạo đời.

400. Không tức giận, làm tròn bốn phận,
Giới thanh cao, ái, hận không còn
Giác quan làm chủ luôn luôn
Thân này cuối, Bà-la-môn sáng ngời.

401. Người đã dứt dục tâm hoen ô
Có khác gì “nước đổ lá sen”
Cũng như “hạt cải đầu kim”
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu. O



402. Phạm chí học trên đời hiểu rõ
Nào khổ đau, gốc khổ, niết-bàn
Nương theo chánh đạo tu hành
Ái sạch, giải thoát, rạng danh trên đời.

403. Người có trí thực hành hiểu rõ
Nguồn gốc từ hai nẻo chánh tà.
Chứng đạo giải thoát sâu xa
Bà-la-môn ấy thật là xứng danh.

404. Không thân thiết cả Tăng lẫn tục
Hạnh độc cư, thiếu dục, hài lòng
Nhu mây đây đó thông dong
An vui, tự tại, không còn sầu đau.

405. Ngừng nghiệp sát, tổn thương
sinh mạng
Yếu hơn ta hay mạnh khỏe hơn
Không ưa sai bảo, tán đồng
Đây là Phạm chí xứng hàng chân tu. O

406. Sống thân thiện giữa bao thù nghịch
Giữ ôn hòa với địch hung hăng



Tịnh thanh giữa chốn hồng trần
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

407. Người tu tập không còn dính dáng
Tham, sân, si, kiêu mạn, tị hiềm
Cũng như hạt cải đầu kim
Bà-la-môn ấy trọn nên đạo vàng.

408. Người tu tập nói lời từ ái
Chân thật và ích lợi cho đời
Không hề làm mất lòng người
Bà-la-môn ấy sáng ngời tấm gương.

409. Người tu tập tránh xa trộm cắp
Vật không cho không lấy, chia chôm
Cho dù lớn, nhỏ, quý, thường.
Bà-la-môn ấy tấm gương sáng ngời.

410. Không tham vọng đời này, đời tới
Không dính gì ba cõi trầm luân
Buông tất cả, giải thoát tâm
Bà-la-môn ấy rạng danh đạo đời. O



411. Người tu tập không vương ái dục
Trí tuệ nhiều, nghi hoặc không còn
Chứng vào cảnh giới niết-bàn
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

412. Ai không vương chuyện đời thiện ác,
Tu xả ly, giải thoát buộc ràng
Không sầu, thanh tịnh, lạc an
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

413. Như trăng sáng thoát mây che khuất
An tịnh lòng, hết trược, sáng trong
Đam mê hiện hữu dứt xong
Bà-la-môn ấy vào dòng thánh nhân.

414. Hết tham ái, không nghi, không chấp
Vượt hiểm nguy sống chết, luân hồi
Thực hành thiền định, đến nơi⁽³⁵⁾
Phạm chí tịch tịnh, thanh thoi vượt dòng. O

415. Vì lý tưởng xuất gia, học đạo
Lìa gia đình, *dục lạc* chẳng màng

35. Đến bờ bên kia, đạt được giải thoát.



Dứt trừ hiện hữu, ái tham
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

416. Vì lý tưởng xuất gia, học đạo
Lìa gia đình, *khát ái* chẳng màng
Dứt trừ hiện hữu, ái tham
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

417. Tu thoát khỏi buộc ràng hai cõi
Thế giới người, cảnh giới chư thiên
Buộc ràng, giải thoát không còn
Bà-la-môn ấy vào dòng thánh nhân.

418. Không vương bận những điều ưa ghét
Hết sanh y⁽³⁶⁾, năm uẩn⁽³⁷⁾ vượt qua
Anh hùng chiến thắng nhiễm ô
Bà-la-môn ấy thật là chân tu.

419. Ai hiểu rõ đường đi sống chết
Không nhiễm ô, sáng suốt vượt lên
Học Tứ đế,⁽³⁸⁾ ngộ lý chân
Bà-la-môn ấy xứng danh tu hành. O

36. Cơ sở và điều kiện tái sinh gồm tham ái và chấp thủ.

37. Gồm thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư và nhận thức.

38. Khổ, nguyên nhân khổ, hạnh phúc – Niết bàn và con đường thoát khổ.



420. Với hành giả mà trời, thần, quỷ
Không một ai biết chỗ tái sanh
Lậu hoặc hết, chứng thánh nhân
Bà-la-môn ấy xứng hàng chân tu.

421. Người không dính vị lai, quá khứ
Hiện tại thì chẳng sở hữu gì
Xả buông, chẳng kẹt thứ chi
Bà-la-môn ấy sánh vì trăng sao.

422. Như trâu chúa sức thần uy dũng
Bạc anh hùng, chiến thắng nhiệm tham
Trí mầu giác ngộ, tịnh thanh
Bà-la-môn ấy xứng danh tu hành.

423. Rõ quá khứ, vị lai, hiện tại
Cõi trời, người, cảnh giới tái sanh
Mâu ni,⁽³⁹⁾ thắng trí, viên thành
Tứ sanh kết thúc, sáng danh đạo đời. O
Nam-mô Bôn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O

39. Người tu tập đã chuyển hóa được tham, sân, si và thanh tịnh thân, khẩu, ý.



CÁC KINH VỀ GIA ĐÌNH XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ

7. KINH THIỆN SINH

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật tại núi Linh Thứu cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo vào thành khát thực. Thấy ông Thiện Sinh, con của trưởng giả, tắm gội sạch sẽ, ăn mặc chỉnh tề, lễ bái sáu phương, đức Phật dạy rằng: “Con nên hiểu biết ý nghĩa sáu phương thì việc lễ bái có lợi ích lớn”.

Thiện Sinh ân cần cầu Phật chỉ dạy. Đức Phật nhân đó giảng dạy như sau: O

I. BỐN PHẬN CỦA CHỒNG

Hỡi này Thiện Sinh, phương Tây tượng trưng đạo của vợ chồng. Người chồng lý tưởng phải tôn trọng vợ với năm bốn phận. Một là lấy lễ đối đãi với vợ. Hai là



chuẩn mực nhưng không hà khắc. Ba là tùy thời cung cấp y, thực. Bốn là tùy thời tặng trang sức đẹp. Năm là cùng vợ làm tốt việc nhà. O

II. BỐN PHẬN CỦA VỢ

Người vợ mẫu mực phải đối đãi chồng với năm bốn phận: Một là siêng năng, thức dậy trước chồng. Hai là nể chồng, trước, sau, trong, ngoài. Ba là dùng lời hòa nhã, xây dựng. Bốn là nhún nhường, ủng hộ điều hay. Năm là hiểu chồng, cảm thông, chia sẻ. O

III. BỐN PHẬN LÀM CON

Hồi này Thiện Sinh, phương Đông tượng trưng các bậc cha mẹ. Người con hiếu thảo phải kính cha mẹ với năm đạo đức, nhờ đó an ổn, không lo sợ gì:

Một là phụng dưỡng, không để thiếu thốn. Hai là trình báo và xin lời khuyên. Ba là không chống điều cha mẹ dạy. Bốn



là không trái điều cha mẹ làm. Năm là không cản tất cả chánh nghiệp của cha mẹ làm. O

IV. BỒN PHẬN CHA MẸ

Các bậc cha mẹ chăm sóc con cái với năm bồn phận: Một là ngăn chặn con làm việc ác. Hai là chỉ dạy con làm việc lành. Ba là thương con đến tận xương tủy. Bốn là sắp xếp hôn phối tốt đẹp. Năm là chu cấp những thứ cần dùng. O

V. BỒN PHẬN HỌC TRÒ

Hồi này Thiện Sinh, phương Nam tượng trưng các thầy cô giáo. Học trò chuẩn mực cung phụng nhà giáo với năm bồn phận, nhờ đó an ổn, không còn lo sợ: Một là hầu thầy, giúp những thứ cần. Hai là cung kính, cúng dường, đánh lễ. Ba là khát ngưỡng, cầu học không chán. Bốn là kính thuận những điều thầy dạy. Năm là nhớ làm những điều đã học. O



VI. BỒN PHẬN NHÀ GIÁO

Nhà giáo mẫu mực sẵn sàng học trò với năm bổn phận: Một là huấn luyện đúng với chánh pháp. Hai là dạy trò những điều chưa biết. Ba là giải rõ những điều thắc mắc. Bốn là truyền trao, không hề giấu nghề. Năm là giúp trò trưởng thành, hạnh phúc. O

VII. BỒN PHẬN NGƯỜI THÂN

Hỡi này Thiện Sinh, phương Bắc tượng trưng bà con thân hữu. Nhờ sống thân kính nên được yên ổn, không còn lo sợ. Phật tử lý tưởng tỏ lòng kính trọng với năm bổn phận: Một là giúp đỡ những khi khó khăn. Hai là nói lời hòa nhã, hiền lành. Ba là hỗ trợ, giúp người tiến bộ. Bốn là mang lại lợi lạc cho nhau. Năm là chân thật, không hề dối gạt. O

VIII. BỒN PHẬN BÀ CON

Là người bà con, ta phải ứng xử với



năm bốn phạt đối với người thân: Một là bảo hộ, không cho buông lung. Hai là hỗ trợ không để hao tổn. Ba là che chở, thoát khỏi sợ hãi. Bốn là khuyên ngăn ở chỗ vắng người. Năm là khen ngợi điều tốt của nhau. O

IX. BỐN PHẠT CỦA CHỦ

Hồi này Thiên Sinh, phương trên tượng trưng những người làm chủ với năm bốn phạt, nhờ sống bảo hộ, nên được an ổn, không còn lo sợ. Một là giao việc hợp với khả năng. Hai là lo ăn thích hợp thời khắc. Ba là khen thưởng hợp với công lao. Bốn là lo thuốc khi bị bệnh hoạn. Năm là cho phép nghỉ ngơi thích hợp. O

X. BỐN PHẠT CỦA THỢ

Thợ có lương tâm cần đối đãi chủ với năm bốn phạt: Một là siêng năng, dậy sớm làm việc. Hai là chu đáo trong việc được giao. Ba là chân thật, không hề trộm cắp.



Bốn là làm việc lớp lang, phương pháp.
Năm là bảo vệ danh giá của chủ. O

XI. BỐN PHẬN ĐỆ TỬ

Đệ tử mẫu mực tôn kính Tăng bảo với năm bốn phận, nhờ đó an ổn, không còn lo sợ: Một là làm lành với hành động thân. Hai là làm lành với hành động lời. Ba là làm lành với hành động ý. Bốn là phát tâm cúng dường, ủng hộ. Năm là nghênh tiếp, học hỏi, hành trì. O

XII. BỐN PHẬN ĐẠO SƯ

Các bậc đạo sư giúp đỡ đệ tử với sáu bốn phận: Một là khuyên ngăn, không để làm ác. Hai là hướng dẫn nghệ thuật làm lành. Ba là dạy dỗ vì thiện chí lớn. Bốn là mở mang những điều chưa biết. Năm là giúp hiểu pháp sâu sắc hơn. Sáu là chỉ dạy con đường sinh thiên. O

Bảy giờ Thế Tôn ân cần khuyên dạy những điều tinh yếu qua bài kệ sau:



Cha mẹ là phương Đông,
Sư trưởng là phương Nam,
Vợ chồng là phương Tây,
Thân tộc là phương Bắc,
Tôi tớ là phương dưới,
Sa-môn là phương trên.
Người Phật tử mẫu mực
Kính lễ các phương ấy,
Luôn sống trong kính thuận,
Khi chết được sanh thiên. O

Nói hòa nhã, thương yêu
Trí tuệ soi cùng khắp
Giúp đời được an vui
Người người đạt mục đích.
Bình đẳng về lợi lộc
Hưởng chung và chia sẻ
Những việc ấy như xe
Chở đồ về đến đích.
Đời thiếu các thiện trên



Sẽ không có an vui
Người trí luôn lựa chọn
Sống với điều thiện ích
Kết quả trở đời này
Danh thơm, phước cùng trở O

Không bỏ người thân cũ;
Chỉ dạy việc lợi lạc
Sống kính trên nhường dưới
Danh dự ngày càng tăng.
Học tập nghề đúng mức
Lợi lạc theo tài năng
Giữ gìn của đã tạo
Không xa xỉ, hoang tàn O

Như ong hút nhụy hoa.
Tích tụ từng giờ khắc
Không hao tổn cánh hoa
Nên sống trong biết đủ
Siêng năng trong công việc



Đề dành, phòng thiếu hụt
Siêng nông nghiệp, buôn bán
Cày cấy và chăn nuôi
Xây dựng chùa tháp Phật
Góp phần làm tăng xá ...
Những việc thiện nêu trên
Siêng năng, không gián đoạn
Tài sản ngày càng tăng
Phước lộc ngày càng lớn
Như trăm sông về biển. O

Phật vừa dứt lời, cư sĩ Thiên Sinh cung kính bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, những điều Ngài dạy vượt quá mong ước của con bấy nay. Giáo pháp của Ngài như lật ngựa lên những gì bị úp; như mở toang ra những gì đóng kín; như trong đêm tối gặp được ánh sáng. Bằng nhiều phương tiện, Thế Tôn khai sáng cho chúng con ngộ, thoát khỏi u mê, sống trong hạnh phúc. Cúi xin Thế Tôn từ bi



lân mẫn, tiếp nhận con đây được làm đệ tử, trọn đời quy ngưỡng ba ngôi tâm linh Phật, Pháp, chư Tăng; giữ năm đạo đức: không được giết hại, tôn trọng hòa bình; không được trộm cắp, chia sẻ giúp người; không sống ngoại tình, chung thủy đơn hôn; không lời dối trá, tôn trọng sự thật; không rượu, độc tố; bảo vệ sức khỏe”. Được Phật tiếp nhận, cư sĩ Thiện Sinh vô cùng hoan hỷ vâng lời Phật dạy. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O



8. KINH PHƯỚC ĐỨC

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, đức Phật ở tại Tịnh xá Kỳ Viên do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng. Vào khuya hôm ấy, có một vị thiên, thân thể phát quang, cung kính đánh lễ, ngồi xuống một bên, rồi thưa Phật rằng: O

Xin Thế Tôn chỉ dạy
 Cách thức tạo phước đức
 Giúp trời người thực tập
 Để sống đời hạnh phúc.

Sau khi khen ngợi, đức Phật tuần tự giảng dạy đại ý mười cách tạo phước, để trời và người sống trong hạnh phúc, gồm những điều sau: O

1. Phương pháp thứ nhất là:
 “Tránh người, cảnh xấu ác



Đề không bị vạ lây
Thân cận bậc hiền đức
Tôn trọng, học điều hay”. O

2. Phương pháp thứ hai là:
“Xây dựng môi trường tốt
Đề gây tạo nhân lành,
Quyết tâm theo đạo đức,
Đề cuộc sống thanh bình”. O

3. Phương pháp thứ ba là:
“Siêng học, tay nghề hay,
Có lương tâm, đạo đức,
Luôn nói lời chân thực
Từ ái với tha nhân”. O

4. Phương pháp thứ tư là:
“Luôn hiếu dưỡng song thân,
Thương, chăm sóc gia đình,
Chọn, làm nghề thích hợp,
Sự nghiệp phát triển nhanh”. O

5. Phương pháp thứ năm là:
“Sống chân thật, bổ thí,



Giúp xã hội, người thân,
Nhân cách luôn cao thượng,
Hành xử như chân nhân”. O

6. Phương pháp thứ sáu là:
“Quyết không làm điều ác,
Không ma túy, rượu say.
Thích việc lành, đạo đức,
Theo đuổi, sống thẳng ngay”. O

7. Phương pháp thứ bảy là:
“Sống lễ độ, khiêm cung,
Biết ơn và đền đáp,
Không tham và biết đủ,
Siêng học pháp cao sâu”. O

8. Phương pháp thứ tám là:
“Sống kiên nhẫn, phục thiện,
Thân cận các bậc thầy,
Học hỏi và cầu tiến,
Nghe pháp, học điều hay”. O

9. Phương pháp thứ chín là:
“Sống chánh niệm, tỉnh thức,



Hành Phật pháp nhiệm mầu,
Quyết tâm theo chân lý,
Đạt niết-bàn an vui”. O

10. Phương pháp thứ mười là:
“Đến đi trong nhân gian
Tùy duyên nhưng bất biến,
Tâm không hề lay chuyển,
Chuyển hóa hết nã phiền”. O

Sau khi giải thích mười cách tạo phước,
đức Phật khích lệ bằng bài kệ sau:

“Ai tu tạo phước đức
Được an lạc luôn khi
Ở đâu cũng hạnh phúc,
Tới đâu cũng bình an”.

Nghe Phật dạy xong, vị thiên nhân ấy
vô cùng hoan hỷ, làm theo lời Phật, đồng
thời phát nguyện truyền bá khắp nơi các
cách làm phước, đem lại lợi lạc cho khắp
mọi người. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O

9. KINH TRÁNH XA CÁNH CỬA BẠI VONG

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, đức Phật ở tại Tịnh xá Kỳ Viên, thuộc thành Xá-vệ, do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng. Vào khuya hôm ấy, có một vị thiên, thân thể phát quang, cung kính đánh lễ, ngồi xuống một bên, rồi thưa Phật rằng: O

Con xin hỏi Thế Tôn

Đâu là cửa bại vong

Mà mọi người nên tránh

Nhờ đó sống an vui.

Vì thương trời người, đức Phật ân cần, tuần tự phân tích mười hai cánh cửa dẫn đến bại vong của kiếp sống người, rồi khuyên mọi người hãy nên xa lánh, để được bình an.

**Bại vong thứ nhất là:**

Thành công và bại vong

Không có gì khó hiểu.

Thích chánh pháp: Thành công.

Ghét chánh pháp: Bại vong. O

Bại vong thứ hai là:

Ai thích kẻ xấu ác

Không quý trọng người hiền

Thích thú điều bất thiện

Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ ba là:

Người ham ăn, thích ngủ

Ham đông vui, thụ động

Lười biếng và nóng giận

Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ tư là:

Kẻ dối với mẹ cha

Không tận tâm phụng dưỡng



Không hiểu kính, giúp đỡ
Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ năm là:

Ai có tính gian dối,
Lừa gạt bậc chân tu
Không thật với mọi người
Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ sáu là:

Người giàu, đầy tài sản
Chỉ biết hưởng một mình
Không quan tâm, giúp người
Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ bảy là:

Người tự hào chủng tộc
Tài sản và quyền uy
Cao ngạo, khinh rẻ người
Là cửa vào bại vong. O

**Bại vong thứ tám là:**

Kẻ mê người khác phái,

Ma túy, rượu, cờ bạc,

Tiêu xài quá hoang phí

Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ chín là:

Vướng vào thú ăn chơi

Ăn ngủ kẻ bán thân

Ngoại tình, không chung thủy

Là cửa vào bại vong. O

Bại vong thứ mười là:

Người tuổi tác đã cao

Cưới người tuổi con mình

Thường ghen, sầu, khó ngủ

Là cửa vào bại vong. O

Bại vong mười một là:

Bất luận nam hay nữ

Nghiện ngập, không tiết kiệm



Bám ô dù, quyền thế
Là cửa vào bại vong. O

Bại vong mười hai là:

Tài sản ít, dục nhiều
Sống bất lương, không đạo
Tham quyền, thích cai trị
Là cửa vào bại vong. O

Sau khi giải thích mười hai bại vong,
đức Phật khích lệ bằng bài kệ sau:

Người trí khéo quán sát
Mười hai bại vong này
Sống tốt với chánh kiến
Được hạnh phúc đời đời. O

Nghe Phật dạy xong, vị thiên nhân ấy
vô cùng hoan hỷ, làm theo lời Phật, đồng
thời phát nguyện khuyên bảo mọi người
lánh xa các cửa dẫn đến bại vong, nhằm
mang lợi lạc cho khắp mọi người. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật O

10. KINH BẢY LOẠI VỢ

CÔ DÂU VÔ LỄ

Tôi nghe như vậy. Một buổi sáng nọ, đức Phật đến dự đại lễ cúng dường tại tư gia của ông Cấp Cô Độc. Thân hành tới nơi, đức Phật thoáng nghe những lời chửi bới ồn ào vọng lên từ đằng sau nhà. Ngài hỏi cư sĩ Cấp Cô Độc rằng:

- Trong nhà cư sĩ, có gì bất ổn, sao ồn ào quá?

Ông Cấp Cô Độc cảm thấy thẹn thùng, cung kính thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn, đó là ngõ nghịch của Su-cha-ta, cô dâu nhà con. Tuy chỉ là dâu sống trong gia đình, nhưng nó ỷ vào cha mẹ giàu có, gia đình danh giá, nên nó thất lễ, không chịu vâng lời, không biết



cung kính với cha mẹ chồng. Bạch đức Thế Tôn, ngay cả chồng nó, nó cũng xử sự thô lỗ, vô lễ. Ngoài ra, nó cũng không có đạo tâm, không biết kính lễ các bậc Đạo sư. Hôm nay, dù biết Thế Tôn thân lâm, nó cũng không nể, vẫn ồn ào lớn tiếng, từ nãy đến giờ. Kính xin Thế Tôn từ bi cảm hóa cho cháu tốt hơn. O

BẢY LOẠI NGƯỜI VỢ

Bấy giờ, đức Phật cho gọi nàng dâu và dạy như sau:

- Nay Su-cha-ta, có bảy loại vợ ở trên đời này. Con hãy chín chắn suy nghĩ, so sánh, trả lời cho ta, con thuộc loại nào?

- Một là làm vợ như kẻ sát nhân.
- Hai là làm vợ như người ăn trộm.
- Ba là làm vợ như một chủ nhân.
- Bốn là làm vợ như người mẹ hiền.
- Năm là làm vợ như cô em gái.



- Sáu là làm vợ như bạn đồng hành.
- Bảy là làm vợ như một người hầu.

Với hạnh hiền từ, cứu độ của Phật, nàng Su-cha-ta bắt đầu lễ phép, tỏ ra vâng phục, thưa với Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn, lời dạy của Ngài thật quá ngắn gọn, con không hiểu hết. Xin Ngài từ bi chỉ dạy cặn kẽ.

Lúc ấy, đức Phật ân cần giải thích những điều như sau. O

VỢ NHƯ SÁT NHÂN

- Nay các đệ tử, bất kỳ vợ nào có tâm hiểm độc, lẳng mạn, hai lòng, không sống chung thủy trong mối hôn nhân, bỏ rơi chồng mình, quan hệ bất chính với đàn ông khác, chỉ vì choáng ngợp trước sự giàu có, hay vẻ bề ngoài, luôn khinh bỉ chồng, tính tình hiếu chiến... ta gọi đây là loại vợ sát nhân. O



VỢ NHƯ TRỘM CƯỚP

- Nay các đệ tử, bất kỳ vợ nào không cùng chung sức, chăm lo kinh tế cho gia đình mình, lại còn tiêu xài vô cùng hoang phí tài sản hợp pháp của chồng tạo ra... ta gọi người đó là vợ trộm cướp. O

VỢ NHƯ CHỦ NHÂN

- Nay các đệ tử, bất kỳ vợ nào ỷ lại, lười biếng, không lời từ ái, không chút nhu hòa, phát ngôn thô tháo, thích lấn lướt chồng... ta gọi người đó là vợ chủ nhân. O

VỢ NHƯ NGƯỜI MẸ

- Nay các đệ tử, bất kỳ vợ nào có lòng thương yêu, lo lắng, chăm sóc, giúp chồng hết mực, biết cách giữ gìn, làm giàu tài sản của chồng tạo ra, như một người mẹ lo lắng chu tất cho con cái mình... ta gọi người đó là vợ như mẹ. O



VỢ NHƯ EM GÁI

- Đây các đệ tử, bất kỳ vợ nào thùy mị, đoan trang, khiêm tốn, nhún nhường, hiền và thuận phục đối với chồng mình như với anh ruột trong một gia đình... ta gọi người ấy là vợ như em. O

VỢ NHƯ BẠN HIỀN

- Đây các đệ tử, bất kỳ vợ nào hiểu biết, cảm thông, niềm nở, vui vẻ, hòa thuận với chồng như thể hội ngộ một người bạn thân, từ lâu mới gặp... ta gọi người đó là vợ như bạn. O

VỢ NHƯ NGƯỜI HẦU

- Đây các đệ tử, bất kỳ vợ nào tính tình mềm mỏng, không chút nóng tánh, không giận, hờn dỗi, dù khi bị chồng đối xử không đẹp vẫn khéo nhường nhịn, không hề lơ mãng, lớn tiếng chửi lại, biết tùy thuận chồng, khéo léo khuyên răn, thuyết phục chồng mình... ta gọi đó là vợ như người hầu. O



LOẠI VỢ NÊN TRÁNH

- Nay Su-cha-ta, trong bảy loại vợ mà ta vừa nói, ba hạng đầu là vợ như sát nhân, vợ như ăn trộm, vợ như chủ nhân đều là không tốt, con không nên giống, nỗ lực vượt qua. Những hạng vợ này do không đức hạnh, ác khẩu, vô lễ, sau khi qua đời sanh vào cõi xấu. Bốn loại vợ sau: vợ như người mẹ, vợ như em gái, vợ như bạn hiền, vợ như người hầu là đáng noi theo. Những hạng vợ này, lúc còn sống thì tạo ra hạnh phúc cho gia đình mình và cho con cái; khi qua đời thì sanh vào cõi lành, do phước đã tạo.

Nghe Phật ân cần giải thích, dạy dỗ, cô Su-cha-ta, dâu của gia đình ông Cấp Cô Độc, tỏ ra ân hận, thành tâm sám-hối. Cô phát nguyện rằng cô sẽ chung sống, phụng sự chồng con với tư cách là người hầu dễ thương. Từ đó về sau, toàn thể



gia đình của Cấp Cô Độc trở nên đầm
ấm, an lạc, hạnh phúc. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

(3 lần, xá 3 xá)



11. KINH BỐN ÂN LỚN

Bấy giờ, đức Phật từ trong chánh định dạy ngài Di lặc: “Này các đệ tử, hãy nghe cho kỹ, ta sẽ diễn nói ơn nghĩa thế gian và xuất thế gian. Một ơn cha mẹ. Hai ơn chúng sinh. Ba ơn tổ quốc. Bốn ơn Tam bảo. Bốn ơn lớn này, tất cả mọi người đều phải ghi nhận và nên đền đáp”. O

ƠN CHA NGHĨA MẸ

Này các đệ tử, cha có “từ ân”, mẹ có “bi ân”. Bi ân của mẹ, nói trong một kiếp cũng không hết được. Tình thương của mẹ trên thế gian này không có cái gì có thể sánh bằng. Từ lúc mang thai, suốt mười tháng trường, đi, đứng, ngồi, nằm, mẹ chịu đau khổ, kiêng cử mọi thứ, không màng bản thân. Dù hưởng dục lạc, ăn uống, trang sức, mẹ không



ưa thích. Lòng mẹ lúc này luôn nghĩ đến con, không chút quên lãng. O

Đến khi sinh nở, mẹ đau đớn hơn, như nghìn mũi nhọn cắt xé thân thể, không thể kể xiết. Có khi bất hạnh, mẹ phải qua đời để con được sống. Khi sinh nở rồi, mẹ mừng khôn tả, như kẻ nghèo khó được ngọc như ý. Con khóc chào đời, lòng mẹ như nghe một bài giao hưởng. Mẹ dùng ngực mình làm nơi con ngủ. Vòng tay của mẹ ôm ấp đời con. Bầu sữa của mẹ như suối cam-lộ nuôi lớn đời con. Ôn đức nuôi dưỡng của đáng mẹ hiền không gì sánh được. Trên thế gian này, núi là cao nhất, ơn đức của mẹ còn cao hơn nhiều. Trên thế gian, quả đất nặng nhất, ơn nghĩa của mẹ còn nặng hơn nhiều. O

Bổn phận làm con, dù trai hay gái, nếu ai bội ân, bất hiếu cha mẹ, làm cha mẹ buồn, oán hận trong tâm, thốt ra lời ác, thì bị tổn đức, sa đọa đường xấu. Trên



thế gian này, không gì nhanh hơn sức gió vũ bão. Một niệm oán giận của đấng sinh thành còn nhanh hơn gió. Bốn phận làm con không thể trái nghịch ân đức mẹ cha.

Này các đệ tử, bất cứ người nào vâng lời cha mẹ, không hề trái nghịch, làm điều lợi lạc thì được thiện thần thường theo bảo hộ, được phước báo lớn. Làm con hiếu thảo đền ơn cha mẹ, mỗi ngày ba lần, tự cắt thịt mình để nuôi cha mẹ cũng không trả được công ơn sinh thành của mẹ và cha. Khi còn trong thai, tất cả người con, miệng nút cuống vú, sống nhờ sữa mẹ; khi đã chào đời, hơn một ngàn ngày, tiếp tục uống sữa ngọt ngào của mẹ. Tất cả chất bổ trong cơ thể mẹ đều nuôi con trẻ. Sinh con đàn độn, di tật bẩm sinh, thân thể tật nguyên, tình thương của mẹ không hề thay đổi. Ngày xưa ngày xưa, có một bà mẹ du lịch phương xa, lưng bế đứa con, lội qua



sông Hằng, vì nước dâng cao, dòng chảy lại mạnh, sức bà yếu dần, vì thương con quá, không nỡ bỏ con nên hai mẹ con đều bị chết chìm. Tình mẹ là thế, bao la như biển, không thể tính đếm, sẵn lòng chịu chết vì thương con mình. O

Này các đệ tử, có mười ân đức của bậc từ mẫu, bốn phận làm con phải lo đáp đền. Một là ơn mẹ như là trái đất; vì cơ thể mẹ là chỗ nương tựa sự sống của con. Hai là ơn nghĩa ban tặng sự sống; mẹ phải trải qua rất nhiều đau khổ để được sinh con làm phận con người. Ba là ơn nghĩa nâng đỡ con cái; tay mẹ vuốt ve, uốn nắn vóc hình cho con khỏe đẹp. Bốn là ơn nghĩa nuôi dưỡng con cái; mẹ phải tảo tần bốn mùa lao khổ, cho con ăn học, nuôi con khôn lớn. Năm là ơn nghĩa dạy dỗ con cái; mẹ dùng phương tiện, truyền hết kinh nghiệm, trao con tri thức lập nghiệp chân chính. Sáu là



ơn nghĩa làm đẹp cho con; mẹ hy sinh mình, làm đẹp cho con với quần áo đẹp và trang sức phẩm. Bảy là ơn nghĩa giúp con bình an; mẹ ôm ấp con, cho con nghỉ ngơi, an lành sức khỏe, khỏi phải lo toan những điều gian khổ. Tám là ơn nghĩa dạy con nên người; mẹ dùng kiến thức và các kinh nghiệm hướng dẫn đời con, giúp con nên người hữu dụng trong đời. Chín là ơn nghĩa dạy con đạo đức; mẹ sống gương mẫu, dạy con lánh ác, làm các việc lành, trau dồi đạo đức, sống đời thanh cao. Mười là ơn nghĩa gây dựng gia nghiệp; mẹ trao gia tài, tất cả cho con, để con thừa hưởng và phát huy thêm. O

Này các đệ tử, ai còn cha mẹ được gọi là giàu, ai mất song thân được gọi là nghèo. Mẹ hiền còn sống như trời giữa trưa, ánh sáng chiếu soi không hề thiên vị. Mẹ hiền mất đi như mặt trời lặn, bóng tối phủ trùm. Cha hiền còn sống như núi



vĩ đại, cha mất đi rồi như dưới vực sâu. Vì thế mọi người phải sống ơn nghĩa, hiếu dưỡng mẹ cha như thờ Phật pháp thì được phước đức không thể kể hết. O

NHỚ ƠN TỔ QUỐC

Này các đệ tử, người đứng đầu nước có phước đức lớn. Sống trong nhân gian, nhưng phước đức của nguyên thủ quốc gia lớn hơn mọi người. Quốc trưởng là người hộ trì đất nước, rừng núi, sông hồ, tất cả tài nguyên và dân trong nước. Lãnh đạo quốc gia phải đảm bảo được hạnh phúc, an vui cho mỗi người dân bằng luật công chính và dùng chánh pháp giáo hóa mọi người.

Mọi thành phần dân thịnh vượng, bình an, không bị khủng hoảng là nhờ vào tài lãnh đạo đất nước của nhà chính trị có lòng với dân. Như trong căn nhà, cột là căn bản, quốc trưởng là người thiết lập



luật pháp, quản trị đất nước thanh bình, phát triển, mang lại hạnh phúc cho mọi thành phần. Cũng như mặt trời soi sáng thế gian, quốc trưởng là người mang lại công bằng, hạnh phúc cho dân, không hề thiên vị. O

Đứng đầu một nước mà không có thuật quản trị đất nước thì dẫn đến cảnh xã hội bất ổn, người dân khổ đau. Ngoài luật pháp nước, quốc trưởng nên lấy chánh pháp Phật dạy cải hóa lòng người, làm cho đất nước phát triển ổn định, không bị rơi vào tám khủng hoảng lớn: nạn giặc ngoại xâm, nội loạn tranh chấp, đất nước nghèo đói, dịch bệnh triền miên, gió mưa trái thời, nắng mưa quá mức, nhật thực, nguyệt thực, xã hội bất ổn. Nhờ dùng luật nước và chánh pháp Phật, nhân dân lợi lạc, tám khủng hoảng trên không thể xâm phạm.

Như ông tử phú chỉ có con một, thương con hết lòng, cho con lợi lạc, ngày cũng



như đêm sống trong hạnh phúc. Quốc trưởng yêu nước cũng giống như thế, xem mọi thành phần như con ruột mình, bảo hộ ngày đêm, giúp dân hạnh phúc, cơm no áo ấm. Vị quốc trưởng nào giúp mọi người dân sống mười điều thiện thì đáng được gọi là “Phúc đức vương”. Vị quốc trưởng nào không giúp người dân tu các nghiệp lành thì được gọi là vị “phi phúc chủ”. O

Về luật nhân quả, nhất là cộng hưởng, trong quốc gia nào có người tu thiện, làm nhiều điều lành thì trực tiếp hưởng được năm phần bảy, còn vị quốc trưởng cộng hưởng hai phần. Khi vị quốc trưởng tu nhân tích đức, làm nhiều việc phúc, đất nước đi lên, thì dân trong nước đều được phúc lợi, nhờ cộng hưởng tốt. Nếu quốc trưởng nào pháp luật nghiêm minh, không hề thiên vị bất cứ một ai, sống theo chánh pháp, bảo hộ đạo đức, giáo hóa mọi người bằng các lễ phải thì quốc vương



ấy chính là “chúa tể” trong một quốc gia. Vị quốc trưởng này xứng đáng gọi là một vị thánh vương hay chánh pháp vương.

Làm quốc trưởng tốt cần có đầy đủ mười đức sau đây: Một là dùng trí soi sáng thế gian. Hai là dùng đức làm đẹp đất nước. Ba là giúp dân được an ổn lớn. Bốn là dẹp yên mọi chuyện loạn lạc. Năm là giúp dân lìa được tám nạn, không còn sợ hãi. Sáu là tuyển dụng các bậc hiền tài phát triển đất nước. Bảy là biết lấy chánh pháp làm gốc, giúp cho muôn dân an cư lạc nghiệp. Tám là giữ nước độc lập chủ quyền. Chín là đầu mối của mọi việc thiện. Mười là lãnh đạo tất cả thành phần chính trực, nghiêm minh. O

Nếu quốc trưởng nào không nghiêm luật nước, để dân làm ác, xã hội bất ổn, thì các thiện thần đều xa lánh cả. Thấy dân tu thiện, đất nước phát triển, thì các thiện thần đều rất vui mừng, tán dương



quốc trưởng, đất nước nhờ đó càng được cường thịnh. Nếu vị quốc trưởng không gần kẻ xấu, siêng năng phục vụ lợi ích nhân dân thì ngọc như ý sẽ có trong nước, các nước láng giềng thấy đều mến phục, hòa nhã, hợp tác.

Nếu có kẻ ác sinh tâm phản nghịch trong quốc gia thiện, dù trong chốc lát, thì nghiệp xấu này tự tiêu diệt họ. Đến khi qua đời, tái sinh đọa lạc, chịu nhiều đau khổ. Nếu có nhân dân thực hành điều thiện, có lòng yêu nước, giàu lòng tử tế, giúp đỡ lẫn nhau, quý trọng Phật pháp, thì ngay đời này được nhiều phước báu, giàu có, yên ổn, hạnh phúc tràn đầy, tất cả nguyện lành đều được thành tựu. Tất cả quả báo dù thuận hay nghịch, dù tốt hay xấu là rất chính xác cũng như tiếng vang nổi sau âm thanh. Ân đức quốc trưởng to lớn như thế nên mọi người dân nên hợp sức lại phát triển đất nước. O



ƠN BA NGÔI BÁU

Này các đệ tử, ba ngôi báu là Phật, bậc giác ngộ, Pháp là chân lý, Tăng là chân tu. Nhờ có Tam bảo, mọi người biết tu, vượt qua khổ đau, hưởng được hạnh phúc đời này, đời sau.

Cuộc đời đức Phật là tấm gương thiện, do đầy công tu kiếp này kiếp trước, chuyển hóa phiền não, chứng đắc niết-bàn, hết nghiệp ba cõi, công đức như núi, không ai sánh bì. Phúc đức của Phật sâu như biển cả. Trí tuệ của Phật lớn không ngăn mé, cũng như hư không. Từ bi của Phật cứu giúp thế nhân vượt qua bể khổ. Phép màu của Phật soi sáng thế gian thoát khỏi tăm tối. O

Tất cả chúng sinh bị nhiều nghiệp chướng, phiền não ngăn che, chìm trong sinh tử, chịu nhiều khổ sở. Nhờ ba ngôi báu có mặt thế gian làm thuyền tâm linh, đưa rước mọi người vượt qua sông



khỏe, đến bờ niết-bàn, sống trong an vui, không còn thoái chuyển. Những bậc có trí thường luôn ngưỡng mộ, nương ba ngôi báu, tu tạo hạnh phúc.

Này các đệ tử, các đức Phật đều có đủ ba thân: Một, tự tính thân. Hai, thụ dụng thân. Ba, biến hóa thân. Sử dụng ba thân giáo hóa chúng sinh, đức Phật mang lại hạnh phúc cho đời. Thân Phật tự tính vô thủy, vô chung, lìa tất cả tướng, dứt mọi hí luận, không vướng bờ mé, tịch tĩnh an vui. Thân Phật thụ dụng tròn đầy hai hạnh. Tự thọ dụng thân do tu hạnh lành, mang lại lợi lạc cho các chúng sinh trong vô số kiếp, được tâm Thập địa, đáng được cung kính, cúng dường, tán thán. Chân báo thân này có trước, không sau, nên thọ mạng Phật tùy theo sở thích. Thân tướng của Phật trang nghiêm, đẹp đẽ, như viên kim cương, dứt bỏ tất cả các chướng sở tri và chướng phiền não. O



Đức Phật đạt được bốn trí viên mãn, vốn là chân bảo thọ dụng pháp lạc. Một, trí kính lớn; chuyển thức dị thực thành trí tuệ lớn, như tấm gương tròn, sáng soi sắc tướng. Gương trí tuệ Phật hiện rõ các nghiệp của các chúng sinh. Nương vào từ bi và trí tuệ lớn, Phật rõ pháp tính, lâu thông cả hai chân lý tuyệt đối, chân lý mặc ước, giữ thân vô lậu, hội tụ công đức trọn vẹn đầy đủ. Hai, trí bình đẳng; chuyển thức mạt-na, trung tâm chấp ngã, thành trí tuệ lớn, thấu rõ nguyên lý bình đẳng không hai, xa lìa vọng chấp, thấy rõ thực tướng của mọi sự vật. Ba, trí quán sát; nhờ chuyển ý thức, không còn phân biệt, thành trí tuệ sáng, quán sát mọi vật, tướng riêng, tướng chung, vượt khỏi chấp mắc, giúp cho chúng sinh được bất thoái chuyển. Bốn, trí thành tựu; chuyển 5 giác quan thành trí tuệ lớn, làm chủ thân tâm, giúp cho mọi người hoàn thành



ngiệp thiện, thành tựu hạnh phúc. Nhờ bốn trí này, đức Phật thành tựu tự thụ dụng thân. O

Hóa thân của Phật đầy đủ tám vạn bốn nghìn tướng tốt, luôn luôn trụ trong Tịnh độ chân thật, nói lý thành Phật, giúp cho mọi người được an lạc lớn của pháp Đại thừa. Tất cả đức Phật vì độ Bồ-tát chứng đắc Thập địa. Thân Phật có đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, đủ bốn căn lành, giúp hàng phàm phu, ngũ pháp Tam thừa. Đức Phật thương tưởng các bậc Bồ-tát tuyên giảng rộng rãi sáu Ba-la-mật, giúp được chánh giác, cứu cánh Phật tuệ. Vì Bích-chi Phật, giảng dạy về pháp mười hai nhân duyên. Vì hàng Thanh văn, phân tích giảng dạy bốn chân lý thánh, vượt qua các khổ sinh, già, bệnh, chết, đạt được hạnh phúc, cứu cánh Niết bàn. Phật vì nhân loại, dạy về nhân bản, giúp họ



hạnh phúc trong quả đất này và hành tinh khác. Hóa Phật lớn, nhỏ tuy nhập niết-bàn, nhưng thân Phật ấy nối tiếp không mất. O

Này các đệ tử, công đức Phật bảo to lớn như thế, không thể nghĩ bàn. Do nhân duyên này, đức Phật có đủ mười đức hiệu lớn: Là bậc Như Lai, bậc đáng cúng dường, bậc Chánh biến tri, bậc Minh hạnh túc, là bậc Thiện thế, bậc Thế gian giải, bậc Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, là thầy trời người, là Phật, Thế Tôn.

Này các đệ tử, Pháp bảo có bốn phương diện cần nắm: Một là chánh pháp. Hai là lý pháp. Ba là hành pháp. Bốn là quả pháp. Chánh pháp Phật dạy được ghi thành Kinh, chính là chân lý, phá tan vô minh, dẹp sạch phiền não, chuyển hóa nghiệp chướng, gọi là “Giáo pháp” vì có khả năng giáo hóa mọi người. Sự vật gồm hai: hữu vi, vô vi, gọi là “Lý pháp”.



Chấp vào hữu vi, rơi rớt sinh tử. Nương vào vô vi, hướng đến an lạc. Hành Pháp chính là thực tập chuyển hóa lời Kinh Phật dạy: Đạo đức, thiền định, trí tuệ cao siêu. Nhờ thực tập này, không còn đau khổ, đạt được an vui, đạt quả giác ngộ, hay quả vô vi, gọi là “Quả pháp”. Kho tàng pháp bảo có khả năng lớn, dẫn dắt chúng sinh thoát khỏi sinh tử, đạt được niết-bàn. O

Các Phật quá khứ, hiện tại, vị lai nương vào tứ đế, phân tích nhân quả, thấu rõ nhân khổ, dứt vật chướng ngại, thành tựu Bồ-đề, mang lại lợi lạc cho khắp nhân loại. Các Phật ba đời cúng dường Pháp bảo. Huống hồ chúng sinh trong ba cõi phàm, chưa được giải thoát, không kính Pháp bảo là bất hạnh lớn!

Này các đệ tử, Pháp bảo đầy đủ sáu công đức lớn: Một là chân lý, đạo đức chí tôn, làm nơi nương tựa của các chúng sanh. Hai là ruộng phước vĩ đại hơn hết.



Ba là cội nguồn ân đức vô lượng. Bốn là pháp mẫu, hiếm khi gặp được như hoa Ưu đàm. Năm là chân lý hơn các tôn giáo và các triết học. Sáu là đầy đủ các loại công đức. Ôn đức Pháp bảo lợi lạc chúng sinh, không thể nghĩ bàn. O

Phật vừa dứt lời, có ông Trưởng giả bạch đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Trong một Phật bảo có nhiều hóa Phật, cùng khắp thế giới, đem lại lợi lạc cho nhiều chúng sinh, do nhân duyên gì mà rất nhiều người không gặp Phật Pháp, nên chịu khổ não dài trong nhiều kiếp?”

Đức Phật dạy rằng: “Ví như mặt trời sáng soi thế giới, không hề thiên vị, nhưng những người mù không thấy ánh sáng. Điều này hẳn nhiên không phải do lỗi của vàng thái dương”. Tương tự, đức Phật tuyên giảng chánh pháp, mang nhiều lợi lạc cho khắp mọi người nhưng có nhiều người không tin Phật Pháp,



không thích người tu, không tin nhân quả, thường tạo nghiệp ác, không chút hổ thẹn, gốc tội sâu nặng, qua nhiều kiếp sống, không hề nghe biết danh hiệu Tam bảo, như người bị mù không thấy ánh sáng. Nếu có người nào cung kính Tam bảo, ưa thích Đại thừa, nhờ công đức này, nghiệp chướng tiêu trừ, phúc đức tràn đầy, trí tuệ tăng trưởng, căn lành càng lớn, già từ khổ đau, chứng đạt giác ngộ. O

Này các đệ tử, năng lực Pháp bảo cũng như kim cương, có thể phá sạch lao ngục khổ đau. Pháp bảo như trời, soi sáng chúng sinh. Kho tàng Pháp bảo như ngọc ma-ni, hơn nhiều của báu. Pháp bảo mang lại niềm an lạc lớn. Pháp bảo là thuyền, vượt qua sinh tử, đến bờ niết-bàn. Pháp bảo trừ diệt tội tham, sân, si, giúp cho chúng sinh sống với trí tuệ, có lòng hổ thẹn. Pháp bảo cũng như giáp trụ kim cương, phá bốn loại ma, chứng



đạo Bồ đề. Pháp bảo cũng như gươm trí tuệ sắc, cắt đứt sinh tử. Pháp bảo chính là xe báu Tam thừa, chở hết mọi loài ra khỏi nhà lửa. Pháp bảo cũng như ngọn hải đăng soi, giúp cho mọi người thoát khỏi ba cõi. Pháp bảo chính là vị đạo sư lớn, dẫn dắt mọi người thoát khỏi khổ đau, đạt được niết-bàn. Công đức Pháp bảo sâu xa, khó nghĩ. Làm đệ tử Phật, mỗi ngày siêng năng đọc tụng Pháp bảo, hiểu rõ thực hành, sẽ được an vui, không còn bất hạnh. O

Này các đệ tử, có ba loại Tăng: Một, Bồ-tát tăng. Hai, Thanh Văn tăng. Ba, Phàm phu tăng. Các bậc Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, Quan Âm, Thế Chí là Bồ-tát tăng. Ngài Xá-lợi-phất, ngài Mục-kiền-liên là Thanh Văn tăng. Các vị tu sĩ xuất gia chân thật, có lý tưởng lớn, giới hạnh thanh cao, có chánh tri kiến, từ bi trí tuệ, hóa độ mọi người theo Tứ diệu



để, dù chưa giải thoát nhưng có thể giúp những người hữu duyên với chánh pháp Phật, đều được an vui, được gọi chung là các Phạm phu tăng. Tăng bảo chính là ruộng phước đức lớn cho người tại gia gieo hạt hạnh phúc qua sự cúng dường, ủng hộ Phật sự. Ở đức Tăng bảo cũng khó nghĩ bàn. O

Một vị trưởng giả cung kính bạch Phật: “Nghe lời Phật dạy, chúng con biết được ba ngôi tâm linh. Vì duyên có gì, ba ngôi tâm linh Phật, Pháp và Tăng được gọi là bảo?”

Đức Phật dạy rằng: “Lành thay, lành thay! Phật, Pháp và Tăng như viên ngọc quý, kim cương long lanh, cắt đứt khổ đau. Tam bảo cũng như ngọc Ma-ni đẹp, không ai phá được, không lẫn bụi nhơ; xa lìa phiền não; như bình thiên đức, mang lại an vui. Những người nghiệp nặng, nghi chướng quá dày thì khó gặp được ba ngôi



tâm linh. Tam bảo có thể phá tan khổ đau, hàng phục các ma; giúp cho chúng sinh tu tập nghiệp lành. Tam bảo như vàng, vào lửa không đổi. Vì những nghĩa ấy nên Phật, Pháp, Tăng được gọi là “bảo”. O

ƠN NGHĨA CHÚNG SINH

Tất cả chúng sinh, từ vô lượng kiếp, trôi lăn sinh tử ở trong năm đường: thiên, a-tu-la, ngạ quỷ, súc sinh và làm con người kiếp trước đã từng làm cha, làm mẹ, quyến thuộc của nhau. Tiếp nối điều này, ta hãy quan niệm tất cả người nam từng là cha ta, tất cả người nữ từng là mẹ ta. Mỗi người chúng ta từng làm cha mẹ nên cũng từng có tâm đại từ bi như cha mẹ ta. Ôn cha mẹ xưa, ta chưa trả hết. Nay do vọng nghiệp sinh ra thuận nghịch, rồi do chấp mắc, oán hận lẫn nhau.

Vì không có trí nên ít ai hiểu trong nhiều đời trước, chúng ta đã từng làm cha mẹ nhau. Chỗ đáng trả ơn, làm lợi ích



nhau mà không chịu làm đều là bất hiếu. Nhân duyên đời trước, tất cả chúng sinh quá khứ, hiện tại và đời tương lai đều có ơn lớn, thực khó trả hết. Do vậy ta nên tìm cách trả ơn tất cả chúng sinh bằng lối sống đẹp, giàu lòng vị tha, giúp đỡ mọi người sống trong hòa thuận, cơm no áo ấm. O

Này các đệ tử, làm người cao quý phải biết đền trả bốn ân như thế. Người cầu chính đạo quyết tâm đền trả bốn ân cao quý bằng sự thực tập mười Ba-la-mật. Trong đời tương lai, bất kỳ người nào nghe được Kinh này, thọ trì, đọc tụng, phổ biến rộng rãi sẽ được phước đức, tăng trưởng trí tuệ, được thiện thần giúp, thân không đau ốm, tuổi thọ dài lâu, an vui thoi thới.

Phật vừa dứt lời, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát tâm thọ trì, truyền bá kinh này. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật O

12. KINH MỌI NGƯỜI BÌNH ĐẲNG

MỌI NGƯỜI NHƯ NHAU

Tôi nghe như vậy. Có một thuở nọ, khi ngài tôn giả Đại Ca-chiên-diên tại rừng Gunda ở Madhura, thì vua trị vì là Madhura Avantiputta nghe đồn như sau: “Ngài Ca-chiên-diên là bậc hiền giả, trí giả, thông minh, đa văn, lưu loát, biện tài vô ngại, bậc A-la-hán trưởng thượng trong chúng. Thật là tốt lành nếu được yết kiến một người như thế”. O

Nhà vua quyết định lên một cỗ xe thù thắng đặc biệt, rời Madhura đến thăm tôn giả. Tháp tùng với vua có nhiều cỗ xe, thể hiện uy vệ của bậc Đại vương. Đi hết đoạn đường có thể đi được, nhà vua đi bộ, đến nơi tôn giả, bái kiến,



thăm viếng, ngồi xuống một bên, thưa tôn giả rằng:

– Kính thưa tôn giả, các Bà-la-môn đã nói như sau: “Các Bà-la-môn là dòng tối thượng, bạch chủng, thanh tịnh; các dòng giống khác đều là hắc chủng. Các Bà-la-môn là con chính tông của đấng Phạm thiên, được Phạm Thiên tạo, kế thừa Phạm thiên”. Ngài nhận xét gì trong ngữ cảnh này? O

– Kính thưa Đại vương, đây là lời nói⁽¹⁾ phổ biến ở đời, được nâng lên thành như một pháp môn. Đại vương nghĩ sao, nếu hàng vua chúa, sung túc tài sản, vàng bạc, ngũ cốc, chọn một người hầu trong hàng hoàng gia, hoặc Bà-la-môn hay hàng thương gia, hoặc hàng nô lệ, hầu hạ trung thành, thức khuya, dậy sớm, làm theo lệnh chủ, đẹp lòng mọi người, cử

1. Nguyên văn là “âm thanh.”



chỉ lời nói dễ thương, dễ mến?

– Kính thưa tôn giả, dĩ nhiên có thể có chuyện như thế.

– Đại vương nghĩ sao, có chuyện này không, một Bà-la-môn hay hàng thương gia, thậm chí tình huống người giai cấp thấp có người hầu hạ thuộc giai cấp khác như cách nêu trên?

– Kính thưa tôn giả, tình huống như thế có thể xảy ra.

– Kính thưa Đại vương, khi chuyện vừa nêu có thể xảy ra thì bốn giai cấp có bình đẳng không?

– Kính thưa tôn giả, có việc như thế, nên tôi không thấy có khác biệt gì! O

BÌNH ĐẲNG NHÂN QUẢ

– Kính thưa Đại vương, lời ngài hỏi trên cần được hiểu như âm thanh trên đời. Đại vương nghĩ sao, bất kỳ người nào,



dù là vua chúa, hay Bà-la-môn, thương gia, thuộc hạ, phạm các hành vi, sát hại, trộm cắp, ngoại tình, nói láo, chia rẽ, nói tục, phù phiếm, tham lam, sân hận, tà kiến, sau khi qua đời, sanh vào cõi nào?

– Kính thưa tôn giả, những kẻ như thế sẽ sanh cõi dữ. Tôi nghĩ như vậy. Đây chính là điều tôi nghe được từ các A-la-hán.

– Lành thay! Đại vương! Từ điều vừa nêu, ta thấy rõ rằng cả bốn giai cấp vốn là bình đẳng, không có khác biệt.

– Kính thưa Đại vương, nếu có người nào từ bỏ điều ác, chẳng hạn sát hại, trộm cắp, ngoại tình, nói láo, chia rẽ, nói tục, phù phiếm, tham lam, sân hận, và bỏ tà kiến, sau khi qua đời, sẽ sanh về đâu: Cõi lành, cõi ác, hay không tái sinh?

– Kính thưa tôn giả, dĩ nhiên người ấy sẽ sanh cõi lành. Tôi nghĩ như vậy. Đây chính là điều tôi nghe được từ các A-la-hán. O



– Lành thay! Đại vương! Từ điều vừa nêu, ta thấy rõ rằng cả bốn giai cấp vốn là bình đẳng, không có khác biệt.

– Kính thưa Đại vương, nếu có người nào, bất luận giai cấp, đột nhập nhà người, trộm lấy đồ đạc, lộng hành cướp giựt ở trên đường phố, tư thông ngoại tình. Nếu người bắt được, trình báo Đại vương, yêu cầu xét phạt. Lúc ấy Đại vương phân xử thế nào?

– Kính thưa Tôn giả, tùy theo bản chất loại hình tội phạm, mức độ phạm pháp, có khi xử trảm, có khi tra tấn, có khi tẩn xuất. Hình phạt áp dụng tùy theo tội trạng. Tất cả danh xưng, vai trò xã hội của người phạm pháp, dù giai cấp nào, không còn dùng nữa. Đương sự lúc đó được biết với tên đạo chích phạm pháp.

– Lành thay! Đại vương! Từ điều vừa nêu, ta thấy rõ rằng cả bốn giai cấp vốn là bình đẳng, không có khác biệt. O



KHÔNG CÒN DANH XÜNG VÀ GIAI CẤP

– Kính thưa Đại vương, nếu có người nào, sau khi quyết định cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, thành người xuất gia, từ bỏ giết hại, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ nói láo, từ bỏ dâm dục, ngày ăn một bữa, sống đời thanh cao, giới hạnh, đạo đức, giữ gìn pháp lành; Đại vương đối xử người đó thế nào?

– Kính thưa tôn giả, tôi sẽ đứng dậy, cung kính đánh lễ, mời người ấy ngồi, cúng dường đầy đủ bốn nhu yếu phẩm, lại còn sắp xếp hộ trì an ninh, che chở đúng pháp. Danh xưng xã hội của người như thế đã không còn nữa. Vị ấy được gọi là vị Sa-môn.

– Lành thay! Đại vương! Từ điều vừa nêu, ta thấy rõ rằng cả bốn giai cấp vốn là bình đẳng, không có khác biệt. Tất cả tuyên bố về Bà-la-môn là dòng tối thượng, bạch chủng, thanh tịnh, là con



Phạm thiên, được Phạm thiên sinh, thừa kế Phạm thiên, chỉ là lời nói, nên hiểu như là một loại âm thanh tồn tại trên đời. O

NƯƠng TỰA TÂM LINH

Sau khi nghe ngài Đại Ca-chiên-diên diễn giảng sâu sắc, vua Madhura khen tôn giả rằng: “Thật vi diệu thay, như người dựng lại những gì đã ngã, phơi bày rõ ràng điều bị che kín, đưa đường dẫn lối cho người lạc lối, đem đèn chiếu sáng vào trong bóng đêm để người có mắt nhìn thấy màu sắc; tương tự như thế, giáo pháp được ngài giảng dạy, phân tích với nhiều phương tiện vô cùng sâu sắc. Cho con nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, như người cư sĩ. Từ đây trở đi đến lúc lìa đời, con luôn quy ngưỡng!

– Kính thưa Đại vương, chớ nên nương tựa vào bản tánh tôi. Hãy nên quy y nơi đức Thế Tôn. Ngài cũng là chỗ tôi đã nương tựa.



– Kính thưa Tôn giả, đức Thế Tôn ấy, giờ đang ở đâu?

– Kính thưa Đại vương, đáng Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, vừa mới qua đời.

– Kính thưa tôn giả, nếu biết được Ngài đang ở nơi đâu, thậm chí năm mươi do-tuần đường dài, tôi cũng đích thân yết kiến, nương tựa. Nay đức Thế Tôn không còn trên đời, tôi xin quy ngưỡng đức Phật niết-bàn, nương tựa chánh pháp, quy ngưỡng Tăng Ni. Mong ngài tôn giả, vui lòng nhận làm đệ tử tại gia. Từ nay trọn đời, tôi xin một lòng quy ngưỡng thực tập. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 lần) O



13. KINH KHÔNG CÓ GIAI CẤP

BIẾT LƯỢNG SỨC MÌNH

Tôi nghe như vậy. Một hôm đức Phật đang lưu trú tại Tịnh xá Kỳ Viên do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ Đà phát tâm hiến cúng, có khoảng năm trăm vị Bà-la-môn đến thành Xá Vệ vì vài công việc. Nhiều vị trong họ nghe đồn như sau: “Đức Phật chủ trương cả bốn giai cấp – vua chúa, tu sĩ, thương gia, nô bộc – đều thanh tịnh cả; không ai có thể tranh luận với Phật về vấn đề này”. O

Có hiền triết trẻ tên As-sa-la-yan mới mười sáu tuổi, đầu cạo sạch tóc, giỏi kinh Vệ Đà: Tự vựng, Lễ nghi, Ngũ nguyên, Cổ truyện, về mặt từ ngữ cũng như văn phạm, rất giỏi nhân tướng và



Thuận thế luận, được yêu cầu đến tranh luận với Phật, không được chiến bại. As-sa-la-yan nói với mọi người: “Đức Phật Thích-ca nói đúng chân lý. Tôi không đủ sức tranh luận với người nói đúng chân lý”. Được thỉnh ba lần, nhà hiền triết trẻ biết lượng sức mình từ chối ba lần. Nhưng vì mọi người hết lòng khẩn cầu, nhà hiền triết đành phải nhận lời. O

BÀ-LA-MÔN KHÔNG PHẢI LÀ TỐI THƯỢNG

Tại chùa Kỳ Viên, sau khi thăm hỏi, nhà hiền triết trẻ nói với Phật rằng:

– Thưa ngài Cồ-đàm, đạo Bà-la-môn, xưa cũng như nay, chủ trương như sau: “Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác đều là thấp kém; chỉ Bà-la-môn là người da trắng, các giai cấp khác đều là da đen; chỉ Bà-la-môn thanh tịnh, thiêng liêng, các giai cấp khác không được như vậy; chỉ Bà-la-môn là con chính thống của đẳng Phạm thiên,

sanh ra từ miệng của đấng Phạm Thiên, là người thừa kế vai trò Phạm Thiên. Xin ngài cho biết quan điểm của ngài?”

– Nay hiền triết trẻ! Trên thực tế thì nữ Bà-la-môn, vợ Bà-la-môn đều có kinh nguyệt, mang thai, sanh con, cho con bú mớm. Hay nói rõ hơn, các Bà-la-môn đều sanh ra từ nữ căn của mẹ; đâu có người nào được sanh ra từ miệng của Phạm Thiên, nên không thể nói: “Bà-la-môn là giai cấp tối thượng...”

– Bất luận thế nào, ngài nói ra sao, dòng Bà-la-môn vẫn là số một; các giai cấp khác không thể sánh bì. O

ĐÔI NGHIỆP THAY NGÔI

– Nay hiền triết trẻ! Anh có biết không, tại bang Yo-na và Kam-bo-ja, có hai giai cấp: chủ và đầy tớ. Có người thất bại, từ vai trò chủ trở thành đầy tớ. Có người thành công, từ kẻ đầy tớ đã trở thành chủ.



Thay ngôi đổi chủ đều do hành động, chẳng do số phận từ lúc sinh ra.

– Này hiền triết trẻ! Anh nghĩ thế nào? Nếu hàng vua chúa, thương gia, nô bộc... giết người, cướp của, tà hạnh trong dục, nói láo, đâm thọc, nói ác, nói phiếm, tham lam, sân hận, si mê, tà kiến, sau khi qua đời, tái sinh cõi dữ, thì Bà-la-môn gieo các nghiệp xấu cũng phải gặt hái các quả xấu ác, không hơn không kém. Bất luận là ai, thuộc giai cấp nào, sắc tộc, màu da, giới tính, tuổi tác, nếu gieo bất hạnh phải chịu khổ đau; nếu sống đạo đức sẽ hưởng hạnh phúc ở ngay hiện đời, đời sau sanh về cảnh giới an lành. Cán cân nhân quả không thể sai lệch. O

AI CŨNG LÀM ĐƯỢC

– Này hiền triết trẻ! Anh nghĩ thế nào, chỉ Bà-la-môn mới tu từ bi, xóa bỏ hận thù, các giai cấp khác không thể làm thế? Chỉ Bà-la-môn được tắm sông Hằng với



cây cào lung và bột tắm sạch, các giai cấp không được làm thế?

– Thừa ngài Cồ-đàm! Những gì làm được từ Bà-la-môn thì giai cấp khác cũng đều làm được; không có sai khác.

– Này hiền triết trẻ! Giả như có vua đã làm quán đảnh, nói với hội nghị hơn trăm người dự thuộc nhiều dòng họ: “Những vị nào thuộc gia đình hoàng tộc hoặc Bà-la-môn hãy đem đến đây bộ phận trên cùng của đồ quay lửa làm bằng sa-la, chiên-đàn, sen quý, rồi quay bột lửa, tạo ra sức nóng. Những người nào thuộc giai cấp hạ tiện, gia đình săn bắn, làm nghề xe cộ, nghề mây tre lá, nghề hót phân rác... hãy đem đến đây bộ phận trên cùng của đồ quay lửa làm bằng gỗ tạp như máng chó heo, hay máng giặt đồ, hoặc các củi khô, rồi quay bột lửa, tạo ra sức nóng. Anh hãy nghĩ xem, có phải do vì thuộc giai cấp cao như hàng



vua chúa hay Bà-la-môn mà lửa của họ có màu sắc đỏ, tạo ra ánh sáng, dùng vào các việc cần lửa và nhiệt; còn các ngọn lửa tạo ra từ người thuộc cấp hạ liệt thì không như thế?

– Kính bạch Thế Tôn, không có khác biệt, khi lửa đã cháy từ các nhiên liệu, sức nóng có mặt, dùng nhiệt lượng này vào các việc cần; bất luận người đốt thuộc giai cấp nào.

– Nay hiền triết trẻ. Quả thật như thế, không có khác biệt giữa các giai cấp. O

HÔN NHÂN DỊ CHủng

Đức Phật dạy tiếp:

- Anh hãy nghĩ xem, nếu một người nam thuộc dòng vua chúa cưới một người vợ thuộc Bà-la-môn, hoặc một người nữ thuộc dòng hoàng tộc lấy một người nam dòng Bà-la-môn, do hôn phối này, họ sanh con trai thì cậu bé này giống



mẹ hay cha, sẽ được gọi là con dòng vua chúa hay Bà-la-môn?

– Kính bạch Thế Tôn! Theo chỗ con hiểu, cả hai tình huống, cậu con trai ấy sẽ giống cả hai, cha và mẹ nó và sẽ được gọi vừa dòng vua chúa, vừa Bà-la-môn.

– Đây hiền triết trẻ. Quả thật dòng dõi những hàng vua chúa và Bà-la-môn không là độc tôn. Cũng như ngựa cái giao phối với lừa, sanh ra con la thì con la ấy giống cả cha mẹ, vừa ngựa vừa lừa. Không có trường hợp ngựa là độc tôn hay lừa độc tôn trong sự phối ngẫu như vừa nêu trên. O

GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC

– Đây hiền triết trẻ! Một ví dụ khác, có hai anh em đồng mẹ khác cha, một người đọc tụng, thông hiểu Thánh điển; và người còn lại có sở thích khác. Giữa hai vị này, các Bà-la-môn sẽ cúng ai



trước thức ăn đãi khách, vật thực tế đàn, vật lễ hy sinh, vật cúng người chết?

– Kính bạch Thế Tôn! Trong trường hợp này, các Bà-la-môn sẽ cúng dường người đọc tụng thông hiểu kinh điển Vệ-đà, vì cúng cho người không hiểu kinh điển sẽ không có phước hay kết quả lớn.

– Nay hiền triết trẻ! Anh nghĩ thế nào, giữa hai anh em, người thích đọc tụng, thông hiểu Thánh điển lại sống ác hạnh, làm nhiều điều xấu và người còn lại dù không đọc tụng, không hiểu Thánh điển, nhưng lại giữ giới, thực hành pháp lành, thì Bà-la-môn sẽ cúng ai trước?

– Kính bạch Thế Tôn! Trong trường hợp này, các Bà-la-môn sẽ chọn cúng dường cho người giữ giới làm lành, dù cho vị ấy không thường đọc tụng, không hiểu thánh điển, vì cúng cho người ác hạnh làm xấu không có phước báu. O

KHÔNG CÓ GIAI CẤP ĐỘC TÔN

– Nay hiền triết trẻ! Trả lời của anh về sự chọn lựa thật là thích đáng. Đây cũng là điều tôi nói cho anh: Bắt đầu câu chuyện, anh đặt nặng về huyết thống gia tộc để khẳng định rằng các Bà-la-môn là hàng độc tôn. Sau đó, anh đã từ bỏ huyết thống, dựa vào Thánh điển làm điều độc tôn. Giờ đây anh đã từ bỏ Thánh điển, dựa vào giới đức của từng con người. Điều này không khác với chủ trương ta rằng bốn giai cấp có thể thanh tịnh do tu đạo đức. Thật sự không có tình trạng độc tôn do vì người này là Bà-la-môn hay dòng vua chúa. O

KHÔNG BÀ-LA-MÔN NÀO THUẦN CHỨNG

Nghe Phật đúc kết, nhà hiền triết trẻ As-sa-la-yan ngồi trong im lặng, không thốt nên lời, co vai, cúi đầu, sững sờ, ừ ừ. Nhân đó Phật kể những điều sau đây:



– Nay các đệ tử, vào thuở xa xưa, trong một am thất bằng lá trong rừng, có bảy ả sĩ đạo Bà-la-môn trong khi thảo luận đã khẳng định rằng: “Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác đều là thấp kém; chỉ Bà-la-môn là người da trắng, các giai cấp khác đều là da đen; chỉ Bà-la-môn thanh tịnh, thiêng liêng, các giai cấp khác không được như vậy; chỉ Bà-la-môn là con chính thống của đấng Phạm thiên, sanh ra từ miệng của đấng Phạm Thiên, là người thừa kế vai trò Phạm Thiên”. O

Nghe thấy việc này, có một ả sĩ tên A-si-ta, sửa soạn râu tóc, đắp y đỏ tía, đi dép nhiều viên, cầm gậy bằng vàng, xuất hiện đột ngột ở hành lang của am thất vừa nêu, đi vòng tới lui, rồi hỏi lớn rằng: “Này các tôn giả, các vị đi đâu?” Bảy vị ả sĩ nghe lời hỏi trên, nảy sinh ý nghĩ, quyết dùng chú thuật trừ yểm ông



ta trở thành tro tàn bần nhơ ghê tởm. Càng cố trừ yếm, ông A-si-ta lại càng đẹp hơn. Bảy vị ẩn sĩ ngạc nhiên suy nghĩ: “Thật là bất lực. Khổ hạnh của ta không có kết quả. Hạnh tu của ta không có hiệu nghiệm. Trước đây yếm ai đều có kết quả. Nay yếm ông này, kết quả đảo ngược”. Ông A-si-ta từ tốn khuyên lơn bảy vị đạo sĩ: O

– Thưa các hiền giả! Khổ hạnh đúng cách không phải trống rỗng. Hạnh tu đúng cách phải có kết quả. Tôi khuyên các vị hãy từ bỏ tâm oán hận với tôi.

– Kính thưa tôn giả! Có oán hận nào đối với tôn giả, chúng tôi bỏ ngay. Xin phép được hỏi tôn giả là ai?

– Thưa các hiền giả! Tôi là đạo sĩ tên A-si-ta, họ De-va-la. Thực ra thế này, khi nghe câu chuyện các vị thảo luận về sự độc tôn của Bà-la-môn, tôi mới đến đây để biết thực hư. Theo các hiền giả, cha



Bà-la-môn chỉ giao hợp với mẹ Bà-la-môn, mẹ Bà-la-môn chỉ giao hợp với cha Bà-la-môn, không có trường hợp ngoài Bà-la-môn, suốt cả bảy đời tổ mẫu, tổ phụ?

– Kính thưa tôn giả! Không thể có được tình trạng lý tưởng như vừa nêu ra. O

TÁI SINH AI CŨNG NHƯ AI

– Thưa các hiền giả! Các vị có biết quá trình nhập thai diễn ra thế nào?

– Kính thưa tôn giả! Theo chúng tôi hiểu, quá trình nhập thai xảy ra như sau: Có sự giao hợp giữa mẹ và cha, cha mẹ giao hợp đúng ngay ngày mẹ có thể đậu thai và tâm tái sinh của một chúng sanh mới vừa qua đời. Đủ ba điều này, quá trình nhập thai mới được thành tựu.

– Thưa các hiền giả! Các vị có biết “tâm tái sinh” đó của dòng vua chúa, của Bà-la-môn, của các thương gia hay của nô bộc?



– Kính thưa tôn giả! Chúng tôi không biết tâm tái sanh ấy thuộc giai cấp nào.

– Thưa các hiền giả! Sự tình là thế. Các vị có biết các vị là ai?

– Kính thưa tôn giả! Nói đúng ra là, chúng tôi không biết chúng tôi là ai. O

MỌI NGƯỜI BÌNH ĐẲNG

Sau khi dẫn chuyện, đức Phật kết luận với hiền triết trẻ:

– Bảy vị ẩn sĩ đạo Bà-la-môn dù rất nổi tiếng, khi bị ẩn sĩ tên A-si-ta chất vấn nguồn gốc của họ từ đâu, đã không đáp được. Anh và bảy vị ẩn sĩ nổi tiếng đều là đệ tử cùng một đạo sư. Nay cũng như thế, khi được ta hỏi về nguồn gốc sinh của bản thân anh, anh đã không thể trả lời đúng được. Nay hiền triết trẻ, thật ra không có bốn loại giai cấp do Phạm Thiên định. Mọi người sinh ra đều vốn bình đẳng. Cao thấp khác nhau không do



sinh chủng, mà do hành động của từng con người.

Nghe Phật dạy xong, nhà hiền triết trẻ As-sa-la-yan vô cùng cảm phục, thành kính cầu Phật nhận ông làm đệ tử, trọn đời quy ngưỡng. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O



14. KINH SỐNG TRONG HÒA HỢP

TRANH CHẤP GÂY KHỔ

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật đang lưu trú tại Chùa Gho-si-ta thuộc Ko-sam-bi, một số thầy tu vương vòng tranh chấp, đả thương lẫn nhau bằng vũ khí miệng. Một thầy Tỳ-kheo đến lễ đức Phật, đứng sang một bên, tường trình sự việc cho đức Phật nghe và thỉnh đức Phật, giúp đỡ vượt qua. Đức Phật im lặng, nhận lời thỉnh cầu. Đến nơi tranh chấp, Phật dạy như sau: O

– Này các đệ tử! Chớ có tranh chấp, bất hòa với nhau, vì lối sống này gây nhiều đau khổ!

Một thầy Tỳ-kheo bạch với Phật rằng: “Kính xin Thế Tôn chớ có nhọc lòng.



Xin ngài an tâm, hiện tại lạc trú. Chúng con tại đây sẽ chịu trách nhiệm về tranh chấp này”. O

XÓA BỎ HẬN THÙ

Sau ba lần khuyên, đức Phật từ bi chỉ dạy mọi người bằng bài kệ sau:

Trong tập thể gây gỗ
Ít ai biết mình ngu.
Giữa người gây chia rẽ,
Ít người nghĩ đến tu.
Khi đánh mất chánh niệm
Nói ba hoa, lảm chuyện,
Mất mình trong vui miệng,
Ai biết sẽ ra sao?

“Nó đánh tôi, chửi tôi,
Nó cướp tôi, hại tôi”
Ôm niềm oán hận này
Hận thù không thể nguôi.
“Tôi bị đánh, bị chửi,



Tôi bị cướp, bị hại”
Không ôm niềm oán hận,
Hận thù sẽ nguôi ngoai. O

Lấy hận rửa hận thù,
Hận thù không hết được,
Từ bi diệt hận thù,
Là định luật muôn đời.
Không hiểu nguyên lý này,
Trả đũa, dầu vào lửa.
Hiểu, ứng dụng điều này,
Tranh chấp được tiêu trừ.

Người chủ trương hại người,
Cướp tài sản, trâu bò,
Xâm lăng các nước yếu...
Còn biết đoàn kết nhau!
Sao những người hiền lành,
Không liên kết sức mạnh,
Xóa bỏ mọi khổ đau,
Làm lợi lạc cho đời. O



Sống với bạn hiền trí,
Đồng hành trong chánh niệm,
Vượt qua mọi nghịch cảnh,
Sống hoan hỷ, an vui.
Không gặp bạn hiền trí,
Như vua bỏ nước đi,
Như voi chúa cô độc,
Không kết bạn người ngu.

Thà sống tốt một mình,
Cô độc vượt khổ đau,
An nhàn như voi rừng
Không kết bạn kẻ ngu.

O

TÂM GƯƠNG HÒA HỢP

Sau khi dứt lời, Thế Tôn đi đến làng Ba-la-ka Lo-na-ka-ra. Tôn giả Bha-gu thấy Phật đến thăm, vô cùng hạnh phúc, sắp xếp chỗ ngồi và nước rửa chân mời Phật sử dụng. Sau đó, lễ Phật, ngồi xuống một bên. Nhân đó, đức Phật hỏi thăm như sau:



– Này các đệ tử! Các vị xuất gia tại khu vực này có an lạc không, có thuận lợi không, có trở ngại gì trong việc khát thực?

– Kính bạch Thế Tôn, chúng con tại đây sống trong an lành, mỗi ngày khát thực không hề mệt nhọc.

Nghe biết việc này, Thế Tôn an tâm, giảng bài pháp ngắn, rồi lại lên đường, đến làng gần bên là Pa-ci-na Vam-sa-da-ya. Tại đây có ba tôn giả đang tu A-nu-ru-dha, thầy Nan-di-ya và Kim-bi-la. Có người giữ vườn khuyên Phật đừng đến làm phiền đến họ, vì họ ái luyện tự ngã rất nhiều. A-nu-ru-dha nghe lời không thật, liền nói với người giữ vườn như sau: O

– Này người giữ vườn, chớ có ngăn chặn đạo sư Thế Tôn đến thăm chúng tôi!

Vừa nói dứt lời, A-nu-ru-dha đến bên hai vị tôn giả rồi thưa:

– Này các tôn giả, đạo sư Thế Tôn đã



đến nơi này. Hãy đón Thế Tôn với lòng tôn kính.

Cả ba vui mừng, ra đón Thế Tôn, người cầm y bát, người dọn chỗ ngồi, người lo khăn nước, đánh lễ Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Phật liền hỏi:

– Nay các đệ tử! Các thầy có được an lành, hạnh phúc; mỗi ngày khát thực có mỗi mệt không?

– Kính bạch Thế Tôn, chúng con an lành, sống trong hạnh phúc, mỗi ngày khát thực không hề mệt nhọc.

– Nay các đệ tử! Ta mong các vị sống trong hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có tranh chấp, như nước với sữa, sống và nhìn nhau với mắt thiện cảm. Ta muốn được biết lối sống hòa hợp của các đệ tử. Hãy cho ta biết. O

KHÔNG LÀM PHIÊN NHAU

– Kính bạch Thế Tôn, chúng con nghe



rằng: “Thật ích cho ta và nhiều lợi lạc, nếu ta hòa hợp với các đồng tu! Do vậy chúng con, đối với đồng tu, từ thân, miệng, ý, trước mặt, sau lưng, việc lớn, việc nhỏ, hài hòa, hợp tác, làm lợi lạc nhau. Không ai bảo ai, chúng con ứng xử: “Bỏ tâm của mình, sống thuận tâm người. Thân của chúng con mặc dù khác nhau nhưng tâm chúng con là một mà thôi. Chúng con hòa hợp như nước với sữa, hoan hỷ với nhau với mắt thiện cảm”.

Cả ba tôn giả lần lượt trình bày nội dung hòa hợp trong đối xử nhau. Đức Phật hoan hỷ, tán dương “Lành thay” và hỏi như sau: O

– Nay các đệ tử, các ông có sống nhiệt tâm, tinh tấn, không để phóng dật chệnh mảng đường tu? Hãy cho ta biết lối sống tinh cần đã được thực tập?

– Kính bạch Thế Tôn! Chúng con mặc



định như một thói quen. Ai vào làng trước, khát thực về trước thì lo chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống và nước rửa chân, bày sẵn một bát để thực phẩm dư. Ai đi về sau, nếu muốn thì ăn thực phẩm còn lại; khi ăn no rồi, bỏ thực phẩm dư vào một chỗ sạch không có cỏ xanh, hoặc đổ vào nước không có côn trùng; dọn dẹp chỗ ngồi, cất nước và bát, quét sạch nơi ăn. Nếu ai nhận thấy nước uống, nước rửa, nước nhà vệ sinh đã dùng hết sạch thì có bốn phen châm nước cho đầy, không đợi yêu cầu. Nếu do bệnh yếu, không thể tự làm thì nhờ người khác làm thế việc ấy. Trong những ngày qua, chúng con đã sống không ai phiền ai, không gây tiếng động. Cứ năm ngày một, chúng con dành trọn một đêm đàm đạo. Chúng con suốt ngày nhiệt tâm, tinh tấn trong sự hòa hợp với nhiều an vui. O



PHÁP MÀU TINH TÂN

– Lành thay, lành thay là sống tinh tấn trong sự hòa hợp! Hãy cho ta biết các ông có chứng được pháp thượng nhân, trí tuệ thù thắng như các bậc Thánh, an lạc thanh thoi?

– Kính bạch Thế Tôn, nhờ sống tinh tấn, chúng con nhìn thấy một luồng hào quang chợt xuất hiện lên rồi liền biến mất, cùng các sắc pháp hiện khởi rồi diệt. Chúng con không hiểu tướng ấy là gì? Xin ngài chỉ dạy. O

– Này các đệ tử! Ta cũng như thế. Trước khi giác ngộ, còn là Bồ-tát, Ta thấy hào quang trong lúc thiền định, sau đó nhanh chóng biến mất nơi ta như sự sinh diệt của các sắc pháp. Ta đã nghiền ngẫm: “Do nhân duyên gì, chúng lại như thế?” Ta đã nhận ra: “Nghĩ hoặc xuất hiện trong tâm của ta. Vì có nghĩ hoặc nên định của ta biến diệt vô thường; khi



định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sắc pháp hiện khởi rồi diệt. Ta đã tìm cách chấm dứt nghi hoặc”.

Sau một thời gian, nhiệt tâm, tinh tấn, ta nhận thấy rõ: “Do sự vô ý nên có hôn trầm. Tương tự như thế, mắt xích sau đây lần lượt xuất hiện: hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, dâm ý, tâm quá phẩn chấn, tinh cần quá độ, tinh cần quá yếu, nghĩ tưởng ái dục, nhiều sai biệt tưởng và quá chú tâm vào các sắc pháp... xuất hiện trong tâm, nên định của ta biến diệt vô thường; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sắc pháp hiện khởi rồi diệt”. Ta đã tinh tấn, cố gắng chuyển hóa, không để cho chúng khuấy rối tâm ta. O

Tiếp theo tinh tấn, ta thấy hào quang, nhưng lại không thấy sắc pháp ngày đêm. Cũng có trường hợp, cả ngày lẫn đêm, ta thấy sắc pháp, nhưng lại không thấy hào quang xuất hiện. Có khi nhìn



thấy hào quang, sắc pháp trong một hạn lượng, nhưng cũng có khi thấy chúng vô hạn. Ta đã nhận ra: “Khi định có hạn, mắt thấy của ta sẽ có hạn lượng, từ đó nhìn thấy hào quang, sắc pháp trong một hạn lượng. Khi định vô hạn, mắt thấy của ta sẽ không hạn lượng, do đó, nhìn thấy hào quang, sắc pháp không có hạn lượng, cả ngày lẫn đêm”. O

CHUYỂN HÓA PHIỀN NÃO

Này các đệ tử, khi nào biết được những thứ sau đây là những phiền não, làm trở ngại tâm thì nên quyết tâm chuyển hóa tận gốc các phiền não này: “Nghĩ hoặc, vô ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, dâm ý, tâm quá phần chấn, tinh cần quá độ, tinh cần quá yếu, nghĩ tưởng ái dục, nhiều sai biệt tưởng và quá chú tâm vào các sắc pháp”.

Nhờ tâm tinh tấn, chuyển hóa phiền não, nhổ sạch tận gốc, Như Lai tu tập



ba loại thiền định: a) Định có tâm, tứ; định không có tâm nhưng chỉ có tứ; định không tâm, tứ. b) Ta tiếp tục tu: Định có hoan hỷ; định không có hỷ; c) Định câu hữu lạc; định chỉ thuần xả. Nhờ đạt được ba định không tâm tứ, định không có hỷ, định chỉ thuần xả, ta nhận thức rõ: “Giải thoát của ta thật là bất động, đây là đời sống cuối cùng của ta, ta không tái sinh do nghiệp sai khiến”.

Nghe Phật giảng dạy về kinh nghiệm tu tinh tấn, chuyển hóa phiền não trong tâm, cả ba tôn giả A-nu-ru-dha, thầy Nan-di-ya và Kim-bi-la vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực hành những lời Phật dạy. O

Nam-mô Bôn Sur Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O



15. KINH HÓA GIẢI TRANH CẢI

VÌ LÒNG TỪ BI

Tôi nghe như vậy. Trong một ngày nọ, trong khu rừng tên Ba-li-ha-ran, đức Phật truyền gọi tất cả Tỳ-kheo và dạy như sau:

– Nay các đệ tử, các con nghĩ sao: “Có phải vì muốn nhận được nhiều y, thực phẩm khát thực, giường chiếu, tọa cụ và các thuốc thang, mà ta thuyết pháp? Hay vì thành bại mà ta thuyết pháp?” O

– Kính bạch Thế Tôn, không vì lợi dưỡng hay nhân thành bại, Thế Tôn thuyết pháp thiết thực hiện tại, đem lại lợi lạc cho rất nhiều người. Vì lòng từ bi, vì tâm vị tha, vì tâm hóa độ, người đã tận tâm giảng dạy rộng sâu những điều chánh pháp.



– Nay các đệ tử, chánh pháp ta dạy với trí tuệ lớn cho các chúng sinh như bốn niệm xứ, bốn tinh tấn lớn, bốn như ý túc, năm năng lực lớn, bảy phần giác ngộ, thánh đạo tám ngành v.v... các đệ tử nên học tập tất cả, thực tập trọn vẹn trong sự hòa đồng, hoan hỷ không tranh. O

TÌNH HUỐNG TRANH CÃI

Với tâm hoan hỷ, không màng tranh cãi, lúc học chánh pháp, nếu có hai người, hoặc là hai nhóm nói khác nhau về chánh pháp ta dạy hay vô tỷ pháp, ai đó nghĩ rằng giữa các đồng tu có sự sai khác về văn và nghĩa, hoặc giống văn kinh nhưng giải nghĩa khác thì nên khéo léo nói người hai bên sẵn lòng lắng nghe: “Các vị tôn giả, chớ có tranh cãi về lời Phật dạy hoặc vô tỷ pháp, vì giữa các vị đã có khác biệt về văn và nghĩa, hoặc giống văn kinh nhưng giải nghĩa khác”. Cái gì khó nắm thì phải ghi nhận là khó nắm giữ. Những



gì thuộc pháp, những gì thuộc luật, nếu khó nắm giữ thì phải ghi nhận và phải nói ra. O

Này các đệ tử, nếu có trường hợp tranh cãi xuất hiện giữa hai nhóm người, hoặc chỉ hai người về khác kinh văn nhưng giải nghĩa giống... thì nên khéo léo nói người hai bên sẵn lòng lắng nghe: “Các vị tôn giả, chớ có tranh cãi về lời Phật dạy hoặc vô tỷ pháp, vì giữa các vị có sự giống nhau về giải thích nghĩa, chỉ có sai biệt về văn tự thôi. Sai khác văn tự chỉ là chuyện nhỏ, không nên bận tâm về chuyện nhỏ nhặt”.

Cũng có trường hợp, tranh cãi xuất hiện giữa hai nhóm người hoặc giữa hai người, khi cả hai bên đồng nhất về văn, đồng nhất về nghĩa thì nên khéo léo nói với hai bên: “Các vị tôn giả, chớ có tranh cãi về lời Phật dạy, vì giữa các vị có sự giống nhau về văn và nghĩa”.



Này các đệ tử, đối với giới luật do ta ban hành hãy nên học tập trong sự hòa đồng, hoan hỷ, vô tranh. Nếu có đồng tu được nghi đã phạm một giới nào đó thì đừng hấp tấp khiển trách, quy tội cá nhân người đó. Cần phải xem xét hết sức cẩn trọng, không gây hiểu lầm, không tạo hàm oan, không làm lớn chuyện. O

VƯỢT QUA TÌNH HUỐNG TRANH CÃI

Có các tình huống phát biểu như sau. Tình huống thứ nhất: “Sẽ không tổn hại cho bản thân ta và người nghi phạm; nếu người nghi phạm sẽ không tức giận cũng không uất hận, phản ứng nhanh chóng, sẵn lòng tiếp thu những lời góp ý thì ta nên giúp người ấy vượt qua tất cả lỗi lầm, hồi tâm về thiện”. Trong tình huống này, vì động cơ tốt, nên nói là phải. O

Tình huống thứ hai: “Sẽ không tổn hại cho bản thân ta nhưng sẽ có hại cho người nghi phạm, nếu người nghi phạm



tức giận, uất hận, phản ứng chậm chạp nhưng dễ thuyết phục, nên nói khéo léo, giúp người nghi phạm vượt qua bất thiện”. Trong tình huống này, tổn hại cho người nghi phạm chính là lợi lạc giúp họ vượt qua bất thiện, an trú vào thiện. Từ động cơ đó, nói ra rất nên. O

Tình huống thứ ba: “Sẽ hại cho ta nhưng không tổn thất cho người nghi phạm, nếu người nghi phạm không có tức giận, tính tình lạnh lợi nhưng khó thuyết phục nên nói khéo léo giúp cho người ấy vượt qua bất thiện, sống trong thuần thiện”. Trong tình huống này, chỉ là chuyện nhỏ, nếu bất lợi ta mà lợi cho người trên đường chuyển hóa, nên phải nói ra. O

Tình huống thứ tư: “Sẽ hại cho ta và cả nghi phạm, làm cho nghi phạm tức giận, uất hận, tính tình chậm chạp, rất khó thuyết phục, nhưng nếu giúp được người ấy bỏ ác, quay sang làm lành, thì tổn thất này cũng chỉ



nhỏ nhất, trong khi kết quả là sự hướng thiện.
Nên mạnh dạn nói. O

Tình huống thứ năm: “Ta sẽ bị hại và cả nghi phạm cũng không được tốt; nghi phạm tức giận, uất hận đủ điều, phản ứng chậm chạp, không thể thuyết phục, không thể bỏ ác, quay về đường lành”. Trong tình huống này, không nên xem thường, hãy tập buông xả, để được bình an. O

Này các đệ tử, trong năm tình huống như vừa nêu trên, tất cả nên học, ứng dụng hằng ngày với tâm hòa đồng, hoan hỷ, vô tranh. Không để hiềm hận xuất hiện trong tâm. Không để phiền giận ém nặng trong lòng. Không để ngoan cố làm ta phân hóa. Không để ngôn ngữ chia cách chúng ta. Nhờ thực tập tốt thái độ hòa hợp, buông bỏ tranh chấp và lời thị phi, người tu đạt được an tịnh ba nghiệp, tạo điều kiện tốt đạt được Niết-bàn, an lạc tuyệt đối. O



KHÔNG MÀNG LỜI KHEN

Này các đệ tử, khi giúp đồng tu hay bất kỳ ai đạt được lợi ích thì đừng bận tâm vào lời khen ngợi. Khi được người khen: “Các đồng tu này được tôn giả giúp vượt qua bất thiện, an trú vào thiện, thật là lành thay” thì nên trả lời một cách chân chính, khéo léo như sau: “Thưa các bạn hữu, không phải do tôi các vị được thế. Những gì tôi biết đều do tôi học trực tiếp từ Phật qua lời ngài dạy; tôi chỉ lặp lại những gì tôi biết, có công gì đâu. Nhờ lắng nghe theo, các bạn bỏ ác, sống theo hạnh lành, đạt được lợi ích là điều tất nhiên”. Trả lời như trên, ta sẽ thoát được tâm lý trở ngại “khen mình chê người”. Nhờ biết giải thích đúng với chân lý và có khiêm cung nên người như vậy không bị phỉ báng, phê bình, chỉ trích.

Nghe đức Phật dạy nghệ thuật hòa giải, sống trong hòa hợp, lợi lạc mình người,



góp phần xây dựng hòa bình, hạnh phúc có mặt khắp nơi, tất cả đồng tu vô cùng hoan hỷ, vâng lời Phật dạy, học tập, ứng dụng, phát nguyện truyền bá đến với nhiều người. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O



16. KINH HÒA HỢP VÀ HÒA GIẢI

TRANH CHẤP ĐÚNG SAI

Tôi nghe như vậy. Một thời đức Phật ở thôn Xá-di (*Samagama*) cùng các đệ tử là người Thích-ca, thì Ni-gan-tha Na-ta-put-ta, giáo chủ Kỳ-na vừa mới tạ thế ở làng Pa-va. Tu sĩ đạo này phân hóa hai phái, tranh chấp, hại nhau bằng vũ khí miệng. Những điều tranh chấp bao gồm như sau: “Các ông không biết pháp và luật này, chỉ có chúng tôi biết rõ pháp luật. Làm sao anh chị biết pháp luật này? Anh theo hạnh tà, tôi theo hạnh chánh. Lời tôi mới đúng, lời anh không hợp. Điều đáng nói trước, anh lại nói sau; điều đáng nói sau, chị lại nói trước. Do bị đảo lộn, quan điểm của anh đã bị thách đố



và bị đánh bại. Các anh chị phải giải tỏa quan điểm, thoát khỏi bế tắc...”

Do vì tranh chấp, muốn tàn hại nhau, phần lớn tín đồ của Ni-gan-tha tổn thất niềm tin, buồn chán, phản đối các tu sĩ ấy.

Điều này là do pháp và luật họ không tuyên thuyết bởi những bậc giác ngộ, trình bày vụng về, không có khả năng dẫn đến an tịnh, dễ bị đổ vỡ, không đủ sức mạnh làm nơi nương tựa. O

TRANH CHẤP PHÁP MÔN MANG LẠI BẤT AN

Sau mùa an cư, sa-di Thuần-đà thăm ngài A-nan, tường thuật đầu đuôi những điều nghe thấy. Tôn giả A-nan dẫn ông đến gặp, trình thưa đức Phật, tất cả mọi điều.

- Kính bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: “Khi Phật qua đời, chớ để tranh luận có trong người tu, vì các tranh luận đưa đến bất an và nhiều đau khổ cho đại đa số”.

– Nay thầy A-nan, hãy cho Ta hay giáo pháp Ta dạy, như Bốn quán niệm, Bốn điều tinh tấn, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ đề phần, Thánh đạo tám ngành và nhiều pháp khác, có hai người tu tuyên bố sai khác về một nội dung?

– Kính bạch Thế Tôn, không có tình trạng hai vị xuất gia tuyên bố sai khác về các giáo pháp được Người giảng dạy một cách khéo léo. Con vẫn lo rằng người sùng kính Phật có thể tranh luận về những giới luật và đời thanh cao!

– Nay thầy A-nan! Hai tranh luận đó chỉ là nhỏ nhặt, không đáng phải lo. Nếu trong tăng đoàn khởi lên tranh luận về đạo giải thoát, về pháp môn tu, sự tranh luận ấy mới thật bất an cho đại đa số. O

THÁI ĐỘ VÀ NGUYÊN NHÂN TRANH CHẤP

– Nay thầy A-nan! Có sáu thái độ dẫn đến tranh chấp giữa những đồng tu hoặc



trong cộng đồng, dẫn đến bất an, cần phải tinh tấn diệt trừ tận gốc; đừng để cho chúng tiếp tục leo thang ở trong tương lai. Sáu tranh chấp gồm: Sân hận - phần nộ, hiềm khích – náo hại, đồ kỵ - ganh ghét, gian manh – xảo trá, tà kiến – ác dục, cố chấp kiến thức. Vương một trong sáu, hoặc gồm cả sáu thái độ tranh chấp như vừa nêu trên, người kẹt tranh chấp đánh mất cung kính với bậc đạo sư, chánh pháp, tăng đoàn, bỏ dở học tu, gặp nhiều tổn thất, mang lại bất hạnh và nhiều khổ đau cho đại đa số.

– Nay thầy A-nan! Có bốn nguyên nhân dẫn đến tranh luận giữa người với người. Một là tránh sự do gốc tranh luận. Hai là tránh sự do gốc chỉ trích. Ba là tránh sự do gốc phạm pháp. Bốn là tránh sự do gốc trách nhiệm. O



BẢY CÁCH VƯỢT QUA TRANH CHẤP

– Nay thầy A-nan! Có bảy phương pháp tháo mở tranh chấp, dẫn đến tình trạng hòa hợp, đoàn kết, không còn bất hạnh.

Một là phán quyết dựa vào hiện tiền: Khi có tranh chấp pháp và phi pháp, luật và phi luật, tất cả người tu, sau khi tập hợp, phải bàn, phân tích về pháp quy chế, để được thống nhất về một giải pháp giải quyết tránh sự. O

Hai là phán quyết dựa vào sự nhớ: Khi một tránh sự về tội nặng nhẹ xuất hiện trong Tăng như Ba-la-di hay là Tăng tàn thì nên tra hỏi về mức độ phạm của nghi can ấy. Dựa vào ký ức và sự xác nhận của người nghi can mà xác định tội; không nên mớm cung, hoặc là định tội mang tính áp đặt. O

Ba là phán quyết tình trạng bất si: Có một số người buộc tội người khác phạm



Ba-la-di hoặc gần như thế. Nhưng khi tra hỏi, đương sự trả lời “tôi không nhớ là tôi đã phạm tội. Trong thời gian đó, tôi bị mất trí nên tôi không nhớ tôi đã làm gì, tôi đã nói gì ngược hạnh người tu” thì nên phán quyết tình trạng bất si để ngừng tranh chấp. O

Bốn là quyết định tùy theo thú nhận: Cũng có tình trạng, dù bị buộc tội hay không buộc tội, một người nào đó, nhớ một tội trạng, thổ lộ trình bày trước một tôn giả hoặc nhiều người hơn, rằng tôi phạm tội với tội trạng này, tôi xin sám hối, không tái phạm nữa. Khi nghe trình bày, vị tôn giả ấy phải có lời khuyên, khích lệ chuyển nghiệp. Dựa vào thú nhận để giải quyết tốt tranh chấp vốn có giữa các thành viên. O

Năm là quyết định tùy theo đa số: Nếu một tranh chấp không thể giải quyết trong một trú xứ thì người tranh chấp



nên đến một nơi có nhiều đồng tu, thỉnh cầu họp chúng, phân tích sự việc theo pháp quy chế, từ đó rút ra giải pháp hòa họp, kết thúc tranh chấp, dựa theo quyết định của đại đa số. O

Sáu là quyết định theo tội nặng nhẹ của người phạm giới: Trong tình huống rằng có một tu sĩ buộc tội người khác vi phạm trọng tội hay tội tương đương, dù cho người ấy trả lời “không nhớ” hoặc chỉ “nói giỡn” nhưng do khéo léo hỏi tội tới lui, cuối cùng người ấy thừa nhận các tội, theo đó quyết định mức độ nặng nhẹ của tội đã phạm. O

Bảy là quyết định như cỏ che đất: Khi các đồng tu bất hòa, tranh cãi, về việc đã làm, hoặc việc đã nói không xứng phẩm hạnh của người tu hành thì mọi người nên tập họp đại chúng, thỉnh cầu một vị thông minh, khéo léo, trình bày như sau: “Kính thưa đại chúng, nếu thật phải thời,



tôi xin trình bày giới tội của tôi cũng như giới tội của những đồng tu. Nhưng vì lợi ích cho cả Tăng đoàn trong đó có tôi và các huynh đệ, tôi kính đề nghị giải pháp dung hòa như cỏ che đất, bãi miễn mọi thứ, không truy cứu nữa, không tranh chấp nữa, ngoại trừ các tội liên hệ cư sĩ”. O

SÁU ĐIỀU HÒA HỢP

– Nay thầy A-nan! Có sáu phương pháp dẫn đến thống nhất, hòa hợp, hòa giải, đoàn kết, tương kính, cần phải tâm niệm và khéo ứng xử với người đồng tu hoặc là đồng nghiệp, ở chỗ đông người hay chỗ vắng người, bao gồm như sau:

Phương pháp thứ nhất, thân hòa cùng ở trong một trú xứ; phương pháp thứ hai, miệng hòa không tranh về chuyện hơn thua; phương pháp thứ ba, ý hòa cùng vui với sự hiểu biết; phương pháp thứ tư, lợi hòa cùng chia pháp và tặng phẩm;

phương pháp thứ năm, giới hòa cùng tu thanh tịnh, giải thoát; phương pháp thứ sáu, chánh kiến thánh thiện, chấm dứt khổ đau.

Này thầy A-nan và các đệ tử! Hãy nên thực hành sáu pháp hòa kính như những tâm niệm, vốn có khả năng mang lại an lạc, hạnh phúc lâu dài, cho mình và người, nay và mai sau.

Tôn giả A-nan và người có mặt đồng tâm phát nguyện thực hành, truyền bá lời Phật đã dạy. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O



17. KINH CHUYỀN LUÂN THÁNH VƯƠNG

Có một hôm nọ, Phật gọi mọi người vây quần bên Ngài rồi dạy như sau: “Này các đệ tử, Chuyền luân thánh vương có đủ bảy báu. Một, bánh xe vàng; hai, báu voi trắng; ba, báu ngựa xanh; bốn, báu thần châu; năm, báu ngọc nữ; sáu, báu cư sĩ; bảy, báu chủ binh”. O

Thế nào gọi là báu bánh xe vàng?

Chuyền Luân Thánh vương trong Diêm-phù-đề, là vua thuần chủng, làm lễ Quán đảnh vào ngày trăng rằm, tắm gội nước thơm, rồi lên điện cao, hưởng thụ hạnh phúc. Bảo vật xuất hiện là bánh xe vàng, có đến nghìn cựa, màu sắc rực rỡ. Đường kính bánh xe dài khoảng bốn



trượng. Khi thấy bánh xe, Chuyển Luân Thánh vương liền thầm nghĩ rằng: Ta từng được nghe các bậc tiên đế và bậc kỳ cựu tương truyền như sau: “Khi có hiện tượng chiếc bánh xe vàng xuất hiện trước vua nên hiểu đó là báu vật của vua. Nay ta nên thử bánh xe vàng này”.

Đoạn vua ra lệnh, triệu bốn binh chủng. Tự tay nhà vua lăn bánh xe vàng đúng theo hướng Đông; đi theo sau xe là bốn binh chủng. Chỗ bánh xe dừng, vua cũng đình giá ở ngay chỗ đó. Các tiểu Quốc vương thấy Đại vương đến, liền lấy bát vàng đựng đầy vàng bạc, ngọc ngà châu báu, cúi đầu bạch rằng: “Kính thưa Đại vương, ở phương Đông này, đất đai phì nhiêu, có nhiều báu vật, nhân dân đông đúc, tâm chí thuần hòa, từ hiếu, trung thuận. Kính mong Đại vương trị vì nơi này. Chúng tôi hầu hạ, cung cấp mọi thứ”. O



Chuyển Luân Thánh vương từ tôn trả lời: “Thưa các Hiền vương, lòng tốt các vị là sự cúng dường dành cho ta rồi. Hãy dùng luật pháp quản trị giáo hóa, chớ có bất công, thiên vị, sai lệch; chớ để trong nước có sự hỗn loạn, vi phạm luật pháp. Hãy sống làm gương không nên giết hại, khuyên bảo người khác từ bỏ giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, tán gẫu, tham lam, tật đố và các tà kiến. Điều này gọi là quản trị nhà nước của chính ta vậy”.

Với lòng mến phục, các vị Tiểu vương đi theo Đại vương tuần hành các nước. Đến một nước nọ, nhờ quản trị tốt, mọi thứ an ổn: Đất đai màu mỡ, rừng rậm xanh ngát, nguồn nước trong sạch, có nhiều trân bảo, bánh xe luật pháp lăn đều khắp nước; bản đồ ấn định, biên giới rõ ràng, về hướng Đông Tây mười hai do-tuần, về hướng Nam Bắc khoảng mười



do-tuần. Ban ngày mọi người siêng năng làm việc, đêm dựng thành quách. Thành có bảy lớp với bảy lan can, bảy lớp lưới ngăn, bảy lớp hàng cây, những hàng bốn phía, có nhiều loài chim hân hoan ríu rít.

Nhờ quản trị tốt, đất nước phát triển, nhân dân hạnh phúc. Đó được gọi là báu bánh xe vàng. Bánh xe vàng này tượng trưng luật pháp và quản trị tốt. O

Thế nào gọi là báu voi trắng lớn?

Chuyên Luân Thánh vương, vào một buổi sáng, ngồi trên điện lớn, bỗng đâu lại có voi trắng xuất hiện, da lông thuần trắng, bảy chỗ bằng phẳng, chạy nhanh như bay. Đầu voi nhiều màu; sáu ngà cong đẹp, quý hơn vàng ròng. Nhà vua liền nghĩ: “Voi báu này khôn. Nếu huấn luyện tốt, ta sẽ cỡi nó”.

Đoạn vua ra lệnh cho huấn luyện voi với các kỹ năng. Khi huấn luyện xong,



vào buổi sáng nọ, vua bèn cỡi voi, ra thành thị sát, đi khắp bốn biển, trưa trở về cung để ăn cơm trưa. Nhà vua phẫn khởi, nói với quần thần: “Voi trắng báu này là một phúc duyên, cũng là điềm lành cho vương quốc ta”.

Đó là thành tựu về báu voi trắng. Voi trắng lớn này tượng trưng cho các sức mạnh quân sự. O

Thế nào gọi là báu ngựa xanh lớn?

Chuyển Luân Thánh vương, vào một buổi sáng, ngồi trên điện lớn, bỗng đâu lại có ngựa quý xuất hiện, da lông xanh thẫm, bờm và đuôi đỏ. Nhà vua liền nghĩ: “Ngựa báu này khôn. Nếu huấn luyện tốt, ta sẽ cỡi nó”.

Đoạn vua ra lệnh cho huấn luyện ngựa với các kỹ năng. Khi huấn luyện xong, vào buổi sáng nọ, vua bèn cỡi ngựa, ra thành thị sát, đi khắp bốn biển, trưa trở



về cung để ăn cơm trưa. Nhà vua phấn khởi, nói với quần thần: “Ngựa quý báu này là một phúc duyên, cũng là điềm lành cho vương quốc ta”.

Đó là thành tựu về báu ngựa xanh. Ngựa xanh lớn này tượng trưng cho các sức mạnh kinh tế. O

Thế nào gọi là báu thần châu quý?

Chuyên Luân Thánh vương, vào một buổi sáng, ngồi trên điện lớn, bỗng đâu lại có thần châu xuất hiện, màu nó trong suốt, không có tỳ vết. Nhà vua liền nghĩ: “Thần châu tuyệt vời. Khi có ánh sáng, nó sẽ chiếu soi khắp cả nội cung”. Vào tối đêm đó, nhà vua ra lệnh triệu bốn binh chủng, tự tay nhà vua đặt thần châu lên một cây phướn cao, rồi cầm cây phướn xuất thành trong đêm. Ánh sáng thần châu soi sáng đường đi, như chính ban ngày, làm cho nhiều người hân hoan làm việc. Nhà vua phấn khởi, nói với quần



thần: “Báu thần châu này là một phúc duyên, cũng là điềm lành cho vương quốc ta”.

Đó là thành tựu về báu thần châu. Thần châu báu này tượng trưng cho các sức mạnh tri thức. O

Thế nào gọi là báu ngọc nữ quý?

Chuyển Luân Thánh vương, vào một buổi sáng, ngồi trên điện lớn, bỗng đâu lại có ngọc nữ xuất hiện, sắc nước hương trời, diện mạo ung dung; không dài, không vắn; không thô, không nhỏ; không trắng, không đen; không cương, không nhu; đông thì thân ấm, hè thì thân mát. Các lỗ chân lông phát ra mùi hương giống như chiên-đàn; lúc nói chuyện thì miệng phát mùi hương hoa ưu-bát-la; nói năng dịu dàng; đi đứng khoan thai; đứng dậy trước vua, ngồi xuống sau vua, chuẩn mực phép tắc, nhân cách sáng ngời.



Nhìn thấy ngọc nữ, Chuyển Luân Thánh vương không chút mê đắm, mơ tưởng, nhớ thương, hưởng hồ gần gũi. Nhà vua phấn khởi, nói với quần thần: “Báu ngọc nữ này là một phúc duyên, cũng là là điềm lành cho bản thân ta”.

Đó là thành tựu về báu ngọc nữ. Báu ngọc nữ này tượng trưng đức hạnh, nhân cách con người. O

Thế nào gọi là báu cư sĩ quý?

Có cư sĩ nam tự nhiên xuất hiện với kho báu lớn có nhiều vật quý. Do phước đời trước, vị cư sĩ này nhìn xuyên lòng đất, thấy các quặng mỏ. Kho nào có chủ, cư sĩ giữ gìn. Kho nào vô chủ, tiến dâng cho vua. Cư sĩ tâu vua: “Từ nay về sau, cần bất cứ gì, Đại vương ra lệnh, thần tự tay làm tất cả chu tất”.

Để thử cư sĩ, nhà vua truyền lệnh sửa soạn thuyền đẹp cho vua ngoạn thủy, bảo



cư sĩ rằng: “Trẫm cần bảo vật làm bằng vàng ròng, nhanh đem cho ta.” Cư sĩ tâu rằng: “Xin Đại vương chờ; khi lên trên bờ, tất cả sẵn sàng”. Vua lại hỏi thúc: ‘Trẫm đang cần dùng. Mang đến cho ta’. Vị cư sĩ quỳ mọp trên thuyền, tay mặt thọc nước, rút lên bình báu.

Khi làm liên tục, thuyền đầy của báu. Cư sĩ tâu vua: ‘Xin cho tôi biết Đại vương cần đến bao nhiêu của báu?’ Chuyển Luân Thánh vương vui cười trả lời: ‘Ta không cần đến. Những gì ta nói chỉ để thử lòng của cư sĩ thôi. Sự nhiệt tình này như cúng dường rồi. Nghe vua nói xong, cư sĩ liền thả báu vật xuống nước. Chuyển Luân Thánh vương phấn khởi nói rằng: “Báu Cư sĩ này là một phúc duyên, cũng là điềm lành cho bản thân ta”’.

Đó là thành tựu về báu cư sĩ. Cư sĩ tượng trưng người có tài đức, nguyên khí quốc gia. O



Thế nào gọi là báu chủ binh lớn?

Có chủ binh lớn tự nhiên xuất hiện, khỏe mạnh, hùng dũng, có đủ trí mưu, sách lược sáng suốt, nhanh nhẹn quyết đoán, đến tâu vua rằng: “Đại vương chớ lo, dẹp loạn chỗ nào, chinh phạt nơi nào, tôi xin đảm trách. Để thử chủ binh, nhà vua truyền hiệu triệu bốn binh chủng, bảo mọi người rằng: “Người hãy điều binh. Lính chưa tập hợp thì hãy tập hợp. Lính đã tập hợp thì hãy giải tán. Nếu lính chưa nghiêm, hãy làm cho nghiêm. Lính đã nghiêm rồi thì hãy cởi mở. Ai chưa chịu đi, hãy khuyên bảo đi. Ai đã chịu đi thì khiến dừng lại”. Những gì vua dặn, binh chủ làm theo, không sai phép tắc. Vua rất hài lòng, phần khởi nói rằng: “Báu chủ binh này là một phúc duyên, cũng là điềm lành cho đất nước ta”.

Đó là thành tựu về báu chủ binh. Chủ binh tượng trưng nhà quản trị



giỏi, điều hành vận nước phát triển thịnh vượng. O

BỐN THẦN TÚC LỚN

Này các đệ tử, ngoài bảy báu vật, Chuyển Luân Thánh vương còn sở hữu được bốn thần túc lớn: Thần túc một là tướng mạo phi thường, giống như thiên tử, diện mạo đoan chánh, hiếm có trên đời. Thần túc hai là thông minh xuất chúng, tài đức hơn người, mọi thứ điều luyện, trí tuệ siêu tuyệt, không có người bằng. Thần túc ba là thân thể khỏe mạnh, không hề bệnh tật; tiêu hóa rất nhanh, không bị trở ngại đại tiện, tiểu tiện. Thần túc bốn là thọ mạng dài lâu, không thể tính đếm, siêu việt, phi phạm.

Này các đệ tử, vì lo cho dân, Chuyển Luân Thánh vương tự mình ngự giá, thị sát khắp nước, lệnh người đánh xe: “Hãy chở ta đi. Ta muốn quan sát đời sống nhân dân có ấm no không, có hạnh



phúc không, có bình an không, có trở ngại không?”

Xe vua đến đâu, người dân ở đó đứng dọc theo đường, xin người đánh xe: “Cho xe đi chậm, chúng tôi muốn ngắm tỏ tường tôn nhan của bậc Thánh vương”. O

THƯƠNG DÂN NHƯ CON

Chuyển Luân Thánh vương chăm lo cho dân như cha thương con. Không ai bảo ai, thần dân mến mộ, xem vua như cha. Có gì quý báu đều dâng cống vua, cung kính tâu rằng: “Kính xin Đại vương, chiếu cố tiếp nhận, tùy ý sử dụng”. Nhà vua trả lời: “Cảm ơn mọi người! Ta đủ tài bảo, không cần cống dâng. Mọi người giữ lấy số vật báu này, tự lo cho mình và những người thân”. O

QUỐC ĐỘ THÁNH VƯƠNG

Tại Diêm-phù-đề, nơi trị vì của Chuyển Luân Thánh vương, đất đai bằng phẳng,



không có hàm hổ, gò nổi, gai góc; không có muỗi ruồi, chí rận, ong, bướm, bò cạp, rắn rết, sâu độc, động vật ăn thịt. Vàng, bạc, báu ngọc có khắp mọi nơi. Khí hậu bốn mùa không nóng, không lạnh. Không có ô nhiễm đất đai núi rừng, đường đi bằng phẳng, không có bụi bẩn. Có nhiều sông suối trong sạch quanh năm, không bao giờ cạn. Khắp cả bốn mùa, cây cỏ xanh tươi trái trên mặt đất mềm mại như lụa, hoa thơm trái ngọt xum xuê khắp cảnh. Có các lúa tẻ tự nhiên khắp nơi, không có vỏ trấu, thơm dẻo và ngon. Cây có mùi hương, khi trái chín cây, nức tỏa mùi hương, thơm ngát vô cùng. Có các cây vải, cho các loại vải. Có cây trang sức, làm đồ trang sức đa dạng, phong phú. Có cây tràng hoa, cho nhiều tràng hoa. Có cây dụng cụ, tạo các dụng cụ. Có cây nhạc cụ, dùng làm nhạc cụ. Nhiều loại cây quý, không thể kể hết... O



QUẢN TRỊ ĐẤT NƯỚC

Chuyên Luân Thánh vương quản trị nước đúng theo luật pháp, đi đầu chánh kiến, tin theo nhân quả, tu mười điều thiện, giúp cho nhân dân có được chánh kiến, làm 10 việc lành. Nhờ Chuyên Luân vương, thế giới thanh bình, đất nước phát triển, mọi người no ấm, hạnh phúc khắp nơi, an vui, tự tại. O

TỔNG TÁNG THÁNH VƯƠNG

Sau nhiều năm dài, vua nhuốm bệnh nặng rồi cũng qua đời. Quan trong triều đình, các bậc quần thần, bá tánh nhân dân tổ chức lễ tang trọng thể trang nghiêm, tấu các kỹ nhạc; tắm gội thân vua bằng nước hoa thơm, quần thân nhà vua bằng lụa kiếp bôi, đặt thân thể vua trong quan tài vàng, bên ngoài cố quách thêm một quách gỗ, bọc bởi vải quý. Đặt cỗ quan tài trên đồng củi hương. Sau khi hỏa táng, dựng tháp bảy báu... trong khu

vườn đẹp có nhiều hoa thơm, cây quý, chim hót điệu buồn. O

Quan tước triều đình và dân cả nước đến cúng dường tháp, phát chẩn bố thí cho người nghèo khó; cần ăn cho ăn; cần mặc cho mặc, giúp họ vượt qua nghèo khổ bế tắc. Sở dĩ nhà vua Chuyển Luân Thánh vương sống trong vinh quang, chết được tiếc nhớ là do công đức, oai thần mà được.

Nghe Phật giảng dạy, mọi người hoan hỷ, phát nguyện thực tập, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O



18. KINH ĐỨC HẠNH CỦA VUA VÀ TU SĨ

MƯỜI ĐIỀU NHÀ VUA NÊN TRÁNH

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, tại chùa Kỳ Viên thuộc thành Xá-vệ do Cấp Cô Độc, thái tử Kỳ-đà phát tâm hiến cúng, đức Phật tập hợp các vị Tỳ-kheo và dạy như sau:

Này các đệ tử, nếu vị quốc vương lãnh đạo nhà nước bị kệt mười điều thì đất nước ấy sẽ bị nhiễu loạn, xã hội bất ổn, khó tồn tại lâu. O

Một là quốc vương và nhà lãnh đạo nổi cơn thịnh nộ dù là việc nhỏ, không chịu quán sát sự tình và lý, làm chủ bản thân.

Hai là quốc vương và nhà lãnh đạo



tham đắm tài sản, tâm thích cạnh tranh; không quan tâm đến bá tánh trong nước.

Ba là quốc vương và nhà lãnh đạo bạo ngược, bất công, không có từ bi, thiếu mất trí tuệ; không thích can gián, không chịu tham vấn những người giỏi hay.

Bốn là quốc vương và nhà lãnh đạo xử oan nhân dân, giam cầm phi pháp, giam ngục hiền thần, trù dập người hiền, không có công tâm.

Năm là quốc vương và nhà lãnh đạo chỉ thích tuyển dụng kẻ không tài đức, nịnh hót, gian tham, vi phạm luật pháp; không sống gương mẫu; không có đạo đức.

Sáu là quốc vương và nhà lãnh đạo tham đắm nhan sắc, đam mê hưởng thụ, không sống chung thủy, cướp vợ chồng người.

Bảy là quốc vương và nhà lãnh đạo ưa thích rượu bia và các chất nghiện, tâm không tươi tỉnh, nghiện ngập thường



xuyên; không dành thời gian cho việc quốc gia, không lo cho dân ấm no hạnh phúc.

Tám là quốc vương và nhà lãnh đạo thích ca, hát, múa; ăn mặc phung phí; lễ tiệc quá nhiều, phung phí ngân khố.

Chín là quốc vương và nhà lãnh đạo thân nhiều bệnh tật, không đủ sức khỏe quản trị vận nước.

Mười là quốc vương và nhà lãnh đạo không dùng tài đức, không tin bề tôi có lòng trung hiếu; không có cố vấn và trợ lý giỏi, đảm đang nhiều việc một cách hiệu quả. O

MƯỜI ĐIỀU TU SĨ NÊN TRÁNH

Này các đệ tử, đối với Tăng đoàn, người tu sĩ nào vướng mười điều sau tự chặt gốc thiện, hiện tại bất an, khi chết tái sanh vào cảnh giới xấu:

Một là người tu không tin Tam bảo, không giữ giới đức, giới hạnh sát



mẻ, không có oai nghi, không biết tôn trọng.

Hai là người tu không làm Phật sự, không cứu độ người, không tin lời thật.

Ba là người tu không vui thích pháp, không sống theo pháp, không thừa kế pháp, không truyền bá pháp chân chính của Phật.

Bốn là người tu không nói giống Thánh, cắt đứt thói phàm; có tâm mặc cảm, tự ti với người; không theo quyết định và lời chỉ dạy đúng của Tăng đoàn.

Năm là người tu tham đắm lợi dưỡng, vướng mắc dục lạc, không quyết tâm buông.

Sáu là người tu không học hỏi nhiều, không siêng đọc kinh, không ôn tập pháp, không vững pháp môn.

Bảy là người tu giao du bạn xấu, bỏ thiện tri thức, không chí tiến thủ trên đường Phật pháp và các Phật sự.

Tám là người tu bận nhiều việc phụ, không thích thiền quán để được chuyển hóa.

Chín là người tu ham thích toán số, phong thủy, địa lý, chạy theo thế tục, không học chánh Pháp.

Mười là người tu không thích hạnh thánh, tham đắm bất tịnh, vướng kẹt ái dục.

Nghe Phật giảng dạy, tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, phát nguyện thực hành, nỗ lực truyền bá những lời dạy trên. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
(3 lần) O



19. KINH QUỐC GIA CƯỜNG THỊNH

Tôi nghe như vậy. Có một hôm nọ, đức Phật lưu trú trên núi Linh Thứu, vua A-xà-thế muốn đi chinh phạt tiểu bang Va-chi, ông sai đại thần Vat-sa-ka-ra đến hỏi đức Phật. Đại thần đánh lễ, bạch đức Phật rằng: O

- Bạch đức Thế Tôn, vua A-xà-thế nhờ con chuyển lời vãn an, đánh lễ. Kính xin Thế Tôn cho lời khuyên bảo về việc vua con chuẩn bị cất quân bình định Va-chi, vì mới đây thôi, dân chúng Va-chi cướp hương liệu quý của nước chúng con.

Đề chuyển lời khuyên đến A-xà-thế, đức Phật hướng sang tôn giả A-nan rồi chậm rãi hỏi: O

- Nay thầy A-nan, thầy có nghe biết



dân chúng Va-chi tụ họp đông đảo?

Tôn giả A-nan cung kính bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, thường tụ họp đông là một truyền thống của dân Va-chi.

Đức Phật liền bảo: Này thầy A-nan, đó là sức mạnh của dân Va-chi. Thầy có nghe biết dân chúng Va-chi tụ họp, làm việc, giải tán trong một tinh thần đoàn kết?

Tôn giả A-nan: Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

- Này thầy A-nan, thầy có nghe biết dân chúng Va-chi không có ban hành luật lệ không hợp, không đáng ban hành, cũng như không bỏ tất cả luật lệ, truyền thống tốt đẹp?

- Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

- Này thầy A-nan, thầy có nghe biết dân chúng Va-chi tôn trọng, cung kính,



lắng nghe, học hỏi những bậc trưởng lão trí tuệ, đạo đức?

- Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

- Nay thầy A-nan, thầy có nghe biết dân chúng Va-chi luôn được quốc vương đầu tư dân trí, không có sự việc bất công, cưỡng bức, chà đạp phụ nữ?

- Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

- Nay thầy A-nan, thầy có nghe biết dân chúng Va-chi thường hay ủng hộ cơ sở tôn giáo trong và ngoài nước, đồng thời phát huy truyền thống tốt này?

- Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

- Nay thầy A-nan, thầy có nghe biết dân chúng Va-chi tôn trọng đạo đức, ủng hộ thánh nhân, chiêu đãi hiền trí, giúp họ hoạt động và phát triển không?



- Bạch đức Thế Tôn, đó là truyền thống lâu đời của họ. O

Bảy lần vấn đáp, đức Phật lần lượt hỏi các câu hỏi, tôn giả A-nan tuân tợ trả lời. Phật hướng nhìn sang vị quan đại thần của A-xà-thế rồi dạy như sau: O

- Vat-sa-ka-ra, như ông đã thấy, dân chúng Va-chi và đất nước họ được xây dựng trên bảy loại sức mạnh bất khả chiến bại. Ông hãy về tâu vua A-xà-thế, rằng lời ta khuyên không gì khác hơn là cuộc đối thoại từ nầy đến giờ.

Nghe đức Phật dạy, vị quan đại thần cung kính thưa rằng: O

- Bạch đức Thế Tôn, con thiết tưởng rằng chỉ một yếu tố trong bảy yếu tố, đất nước Va-chi bất khả chiến bại, nói chi là họ có đủ bảy điều. Bạch đức Thế Tôn, vua A-xà-thế sẽ không thể nào đánh bại được họ ở trên chiến trường, ngoại trừ



dùng kế ly gián nội bộ, nhưng đó không phải là kế thượng sách.

Tỏ lòng biết ơn, vị quan đại thần đánh lễ đức Phật, từ tạ ra về, trình tấu đức Vua những lời Phật dạy. Từ đó về sau, vua A-xà-thế từ bỏ ý định chinh phạt Va-chi, trả thù nước bạn. Đồng thời, ông cho thiết lập mạng lưới chính trị, quân sự giống như Va-chi vô cùng cường thịnh. O

Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

(3 lần, xá 3 xá) OOO



20. KINH HIỀN NHÂN

TRỌNG ĐẠO KHINH TÀI

Tôi nghe như vậy. Có một thuở nọ, đức Phật ở tại nước Xá-vệ với gần một ngàn ba trăm vị Tỳ-kheo. Cư sĩ Tu-đạt phụng sự Phật pháp, giữ năm đạo đức: không được sát hại, không được trộm cắp, không sống tà dâm, không hề nói dối, không rượu, ma túy. Là người hiểu đạo, ông thích bố thí, cứu giúp kẻ bần vượt qua khổ đau. Người ta tặng ông hiệu Cấp Cô Độc, nghĩa là cứu giúp những kẻ cô đơn, khốn cùng, bất hạnh. O

Từ khi gặp Phật, cư sĩ Tu-đạt muốn xây tu viện cúng Phật và Tăng. Tìm khắp Xá-vệ, ông chỉ ưng ý khu vườn đẹp của Thái tử Kỳ-đà, hơn 80 khoảnh, cách thành



không xa, cảnh trí đặc sắc. Vườn nhiều cây xanh, hoa trái xum xuê, ao tắm tiện lợi, giếng nước sạch sẽ, không có kiến bọ, muỗi ruồi độc hại. Cư sĩ Tu-đạt đến gặp Kỳ-đà, thuyết phục mua lại. Thái tử cười đáp:

- Thưa ông Trưởng giả, nếu ông lót vàng phủ kín vườn tôi, tôi sẽ bán ông với giá vàng đó.

Cư sĩ Tu-đạt vui mừng đồng ý, liền sai gia nhân, đem xe chở vàng, cùng nhau lót vàng, trong vòng vài giờ, hơn phân nửa đất. Động lòng thán phục, thái tử Kỳ-đà lặng nhìn ngẫm nghĩ: “Chắc Phật Thích-ca đạo đức siêu tuyệt, triết lý thâm sâu, nhân cách vĩ đạo, trí tuệ tuyệt vời, mới khiến ông này trọng đạo khinh tài, đời chưa từng có”.

Vô cùng cảm động, Thái tử chia sẻ: “Thôi thôi, đủ rồi! Đừng lót vàng nữa. Tôi xin đề nghị, chia phần công đức,

vườn đất ông cúng, lập Tu viện lớn; cây trái tôi dâng cúng Phật và Tăng”. Vô cùng mừng rỡ, Tu-đạt đồng lòng. Hai người từ đó thành bạn tâm giao, cùng xây tu viện Kỳ Viên trang nghiêm, hiến cúng cho Phật. Đức Phật tiếp nhận, lập đạo tràng lớn, đào tạo Tăng đoàn cả hàng ngàn người, giáo hóa chúng sanh không hề mệt mỏi. Từ đó tu viện có tên gọi là Tinh xá Kỳ Viên, gọi đủ: “Kỳ thọ, Cấp Cô Độc viên”. O

KHI PHẬT BỊ VU CÁO

Vào lúc bấy giờ, đức vua trị vì là Tỳ-tiên-nặc, sùng kính Phật pháp, thương dân trị nước theo lời Phật dạy, nhờ công đức này, mùa màng bội thu, nhân dân lạc nghiệp, đạo Phật phát triển sâu trong quần chúng. Việc đó làm cho ngoại đạo, tà giáo ganh ghét đức Phật. Họ vu khống Phật bằng cách giết chết nàng Tôn-đà-ly, lén chôn xác trong Tinh xá Kỳ Viên, rồi



phao tin rằng Tăng đoàn của Phật giết người vô tội, hòng phá Phật pháp.

Khi biết âm mưu của ngoại đạo xấu, vua với quần thần đến chùa lễ Phật. Ông Cấp Cô Độc và nhiều quan, dân đến viếng đức Phật, cung kính đánh lễ, ngồi xuống một bên. Nhà vua đứng dậy, chấp tay thưa Phật: O

- Bạch đức Thế Tôn, khi nghe lời không, chúng con ngạc nhiên. Thế Tôn là bậc hoàn toàn, thanh tịnh. Song vì duyên gì có sự vu không?

Đức Phật ôn tồn, thưa với nhà Vua:

- Kính thưa Đại vương! Người có vu không là do lòng tham, ganh ghét, tật đố, cộng với si mê. Không chỉ kiếp này, Thế Tôn mới bị người đời vu không. Trong một kiếp trước cũng đã từng có sự việc tương tự. Đừng quá bận tâm, những điều vu không đến lúc trở quả, sẽ xử kẻ ác. O



TÁM GUƠNG HIỀN NHÂN

Nhà Vua cúi đầu: “Bạch đức Thế Tôn, chúng con muốn nghe việc của kiếp đó”.

Nhân lời thỉnh cầu, Đức Phật giảng dạy: “Kính thưa Đại vương! Ta từng trải qua nhiều kiếp tu hành, tu đạo Bồ-tát, đem lòng từ bi độ thoát nhiều người.

- Vào thời xa xưa, có đất nước tên là Bồ-lân-nại, nhân dân đông đúc, sinh hoạt phồn thịnh trong cảnh thái bình. Có một Phạm-chí tên là Cù-đàm, tài trí thông minh, đức hạnh hơn người. Ông có ba con, con út vượt trội, thân hình tuấn tú, tài đức vẹn toàn, tên là Hiền Nhân.

Thuở nhỏ, Hiền Nhân siêng năng học hành, vâng lời cha mẹ. Đến khi khôn lớn, tài, nghệ hơn người, lâu thông kinh sử, đức độ cao sáng, tánh tình nhân từ, hiểu rõ nhân quả, những điều họa phúc, rất giỏi đông y, cái gì cũng biết.



Khi mãn tuổi thọ, Cù-đàm qua đời. Hai người anh em của Hiền Nhân đó trở nên tham lam, ích kỷ, ganh tỵ. Hiền Nhân xin mẹ xuất gia, học đạo, tầm cầu tâm linh. Hiền Nhân chẳng màng năm lạc giác quan. Mắt không nhiễm sắc. Tai không mê tiếng. Mũi không đắm mùi. Lưỡi không đắm vị. Thân không ưa thích cảm giác êm dịu, lựa là, găm vóc. O

Hiền Nhân có đủ trí huệ phương tiện, khéo độ mọi người, làm mười điều lành, hiếu thảo cha mẹ, tôn kính sư trưởng, truyền bá đạo đức, xóa trừ nghi hoặc. Hiền Nhân dạy họ: Có sanh ắt tử, làm lành gặp lành, làm dữ đau khổ, tu đạo đắc đạo, quy luật nhân quả vô cùng chính xác. Thấy người nguy ách, ngài độ thoát khỏi. Ban tặng thuốc hay cứu người bệnh tật. Hiến tặng tài vật cho người đói khổ. Ở chỗ thiên tai, giúp người bình an, tái dựng cơ nghiệp. Tình trạng lũ lụt, cháy



nhà, nắng hạn, nguy hiểm, khi có Hiền Nhân mọi người yên tâm, bao nhiêu độc hại đều bị tiêu diệt.

Đồng thời lúc ấy, có một nước lớn, nhân dân giàu có, đời sống phát triển. Vua của nước ấy tên là Lâm Đạt, thường giao triều chính cho bốn cận thần. Bốn quan cận thần chuyên làm tà siểm, hưởng thụ, gian dối, bóc lột dân chúng. Dân chúng bị hại, khổ đau, ta thán, vua không hề biết. Hiền Nhân biết việc, lấy làm thương xót, ra ngoài thành ở, trọ tại nhà của đạo nhân Sa-đà trong vòng bảy ngày. Đến ngày thứ tám, Hiền Nhân vào thành tuần tự khát thực. O

TRỌNG BẠC HIỀN TÀI

Từ trong vương thành, Vua thấy Hiền Nhân trẻ trung, phong cách ung dung, đoan chánh, cốt cách phi thường, sanh lòng quý mến. Vua liền bước xuống, đến thưa thỉnh rằng:



- Xin ngài đạo nhân lưu trú thành này. Tôi có tu viện ngay ngoài thành này, đạo nhân hoan hỷ ở lại nơi này, tôi xin cúng dường các nhu yếu phẩm, để ngài tu tập, làm đạo giúp đời.

Hiền Nhân nhận lời. Nhà vua từ già, trở về hoàng cung, bảo phu nhân rằng: “Hiền Nhân trăm gặp và mời về ở cốt cách phi thường. Vào sáng ngày mai, trăm và ái khanh sẽ gặp được Ngài”.

Phu nhân mừng vui như chưa từng có. Con chó của vua nằm dưới gầm giường ngoắc đuôi mừng rỡ. Sáng ngày hôm sau, Hiền Nhân vào cung, vua và phu nhân nghênh tiếp đánh lễ, cúng dường trai tăng. Ăn cơm vừa xong, vua mời Hiền Nhân trở về Tinh xá. Hiền Nhân chia sẻ trị nước, an dân. Nhà vua thỉnh Ngài chung sức, chung lòng, cùng bốn đại thần phát triển đất nước. Hiền Nhân hoan hỷ, nhận lời với vua.



NỊNH THẦN PHẢI THUA TÀI ĐỨC

Bốn quan cận thân ỷ thế vào vua, chỉ quen hưởng thụ, tham ô, bóc lột, không có tấm lòng cho việc quốc gia được vua giao phó. Họ theo tà kiến, chủ trương sai lầm. Quan thứ nhất nói: “Sau khi người chết, tâm thức chết theo, không tái sinh nữa”. Còn quan thứ hai lại chủ trương rằng: “Giàu, nghèo, vui, khổ, mọi thứ trên đời đều do trời định”. Theo quan thứ ba: “Làm lành không phúc, làm xấu không họa, mọi thứ như nhau, đều là ngẫu nhiên”. Quan thứ tư thì dựa vào địa lý, thiên văn, bói toán, không lo triều chính. Ông nào cũng tham, thích lời siểm nịnh.

Từ khi Hiền Nhân vào triều giúp vua, làm nhiều việc nước, lợi ích bá tánh. Hiền Nhân thông minh, tài cao, đức lớn, nhân hậu, trung nghĩa, khiêm tốn, hài hòa. Mỗi khi nói chuyện luôn nở nụ cười. Khi tiếp đãi người, không làm phật ý. O



Cuộc đời Hiền Nhân thật là trong sạch, ít muốn, biết đủ, không màng danh lợi, không đắm nhiễm đời, chân thật, giản dị. Phép trị nước thì không làm phiền dân. Nhờ tầm nhìn xa, ngài biết tương lai, những việc tiềm ẩn, cứu người khỏi nạn, thương dân như con. Ngài lấy đạo đức dạy dân sống tốt. Ngài khuyên mọi người từ bỏ rượu, thịt, không nên săn bắn, bắt cá, giết chim; không nên sát sinh, trộm cắp, dâm ô, dối trá, văng tục, gièm siểm, đánh lộn, gian nịnh, ganh ghét, gây sự, giận dữ, yêu nghiệt, nghi ngờ. Nhờ có Hiền Nhân, nhân dân trong nước trở nên hiền lương, đất nước thanh bình, xã hội phát triển. O

HẠI NHAU BẰNG VU KHÔNG

Từ khi Hiền Nhân phò vua giúp nước, các việc triều chính đều rất yên ổn, đất nước thanh bình, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, nhân dân hạnh phúc;



các quan trên dưới không dám lộng hành, phạm luật, hại dân như trước đây nữa.

Cũng vì việc này, bốn quan cận thân mất dần chỗ đứng, đem lòng đố kỵ, mưu hại Hiền Nhân. Họ hùn vàng bạc mua lòng hoàng hậu, bày cho hoàng hậu đặt điều vu khống, tâu với vua rằng Hiền Nhân có ý tư thông với bà, âm mưu hại vua để soán ngôi vua. Tin lời hoàng hậu, không chịu kiểm chứng, cộng với sợ hãi, vua và hoàng hậu lập kế xua đuổi Hiền Nhân khỏi triều, bằng thái độ sống khinh miệt ra mặt.

Sáng ngày hôm sau, Hiền Nhân vào cung, con chó của vua gầm gừ sủa lớn. Hoàng hậu giả vờ, chỉ chào qua loa. Mọi cách bày biện khác hơn mọi ngày. Cách thức ứng xử không còn như trước. Hiểu ra vấn đề, Hiền Nhân suy nghĩ: “Ta không hại ai, người muốn hại ta. Chi bằng lánh mặt, vào núi tu hành. Để



người oán mình, tất sinh thù lớn, không nên khinh thường”. O

THỊNH SUY LÀ QUY LUẬT

Nghĩ xong, Hiền Nhân nói lời cảm hứng:

- Quy luật ở đời có thịnh có suy, có hợp có lìa, vô thường đổi thay, lành dữ, họa phúc tự mình chuốc lấy. Kết bạn không tốt thì không nên thân. Thân không chừng mực, sẽ sanh khinh lờn. Như mức nước giếng, mức sâu vướng cạn. Gần các người hiền tăng trưởng trí huệ; sống với kẻ dốt càng thêm vô minh. Gặp nhau thường xuyên thì sinh khinh lờn, xa nhau quá lâu trở nên thờ ơ. Giao tiếp với người cần có chừng mực, trước sau cung kính, tình thân có hậu. Với kẻ bất lương, lối sống không thực, lời ngon tiếng ngọt là để lợi dụng, dù có kết hợp, cũng không nên tin. Vua lấy lễ nghĩa tiếp đãi trọng hậu, tôi kính đáp lại



với lòng chân thành, phụng sự hết mực. Nay vua không cần, khinh dễ, miệt thị thì nên lánh xa. Thói đời thông thường, thương thì nhờ cậy, ghét chẳng muốn gần, không trách làm gì. Lấy sự tương kính để làm thân nhau. Dùng lời khuyên tốt giúp người xa ác. Ai không phân biệt cái nào là ác, cái nào là thiện, vốn chẳng phải là đạo để an thân. Người không có lỗi thì không bày chuyện vu oan cho họ. Người muốn xa ta thì ta không nên miễn cưỡng gần họ. Tình thân đã lìa thì đừng tiếc nuối, mạnh dạn quên đi. O

KHÔNG TIẾC CÁI ĐÃ MẤT

Hiền Nhân suy nghĩ: “Con chim lỡ đậu nhánh bị gãy đi, còn biết đi tìm nhánh vững để đậu. Làm người qua lại phải có tương quan, hà tất phải chấp, giận nhau làm gì. Người khôn không bám cành cây đã mục. Người bị loạn ý, chẳng nên gần họ. Người muốn gieo xấu, thấy nhau



không vui. Ta xướng một mình, người không phụ họa, đó là tình bạc. Muốn đem việc lành giúp đỡ cho nhau, dù chậm vẫn đi. Ai nhắc nhở nhau bằng lời trung nghĩa là người có hậu.

Cũng có hạng người không gần người hiền, chẳng lánh kẻ ác, trước kính sau khinh, không phân biệt được kẻ ngu người trí. Trong hoàn cảnh đó, nếu ta không đi, đợi đến bao giờ! Lúc đầu, hoàng hậu cung kính đánh lễ, nay chỉ vòng tay, nếu ta không đi, đợi bị mắng đuổi rồi mới đi sao? Ban đầu giường vàng, nay còn giường tre, lúc trước tiếp nhau đưa ngà chén ngọc, nay còn sành tre, ban đầu cơm ngon, nay cơm hẩm tẩm. Không quyết tâm đi, đợi đến cơm đồ, mới đi hay sao? Bạn trí gặp nhau như chủ đãi khách, đêm đầu quý trọng bạn hiền như vàng, đêm nhì làm lơ, xem bạn như bạc, đêm ba nhạt nhẽo, lạnh ngắt như đồng.



Chúng có rõ ràng, nếu ta không đi, đợi đến bao giờ? O

BỐN ĐIỀU TỰ HOẠI

Sau khi nghe biết những lời tự sự của ngài Hiền Nhân, vua thấy hổ thẹn, cảm động thưa rằng:

- Nước trăm thái bình, nhân dân thịnh vượng là nhờ có Ngài. Nếu Ngài bỏ đi, nước nhà nguy khốn, thật là bất hạnh.

Hiền Nhân từ tốn đáp lại lời vua:

- Kính thưa Đại vương, ở trong thiên hạ có bốn tự hoại: Một là cây nào có hoa trái nặng dễ bị gãy nhánh. Hai là loại rắn tự ngâm nọc độc, nọc độc hại nó. Ba là làm tội mà không hiền đức sẽ hại nước nhà. Bốn là người ác, vi phạm luật pháp, làm việc bất thiện... chết sa địa ngục. Trong kinh Phật dạy: “Các sự độc ác do tâm sinh ra, trở lại hại tâm, cũng như cây sắt sinh ra chất sét, chất sét trở lại làm hủy hoại sắt”. O



BỐN LOẠI BẠN

Hiền Nhân dạy tiếp. Bạn có bốn thứ. Một, bạn như hoa. Hai bạn như cân. Ba bạn như núi. Bốn bạn như đất.

Thế nào gọi là kết bạn như hoa? Khi hoa tươi tốt thì giắt trên đầu, đến lúc khô héo thì liền bỏ đi. Bạn này cũng thế, hễ thấy giàu sang thì xu phụ theo, đến khi nghèo nàn thì lại làm lơ như chưa từng biết.

Thế nào gọi là kết bạn như cân? Trên một cán cân, để vật nặng thì đầu cân gục xuống, để vật nhẹ thì đầu cân vồng lên. Có qua lại thì cung kính nhau, không có qua lại thì khinh thường nhau.

Thế nào gọi là kết bạn như núi? Ở hòn núi vàng, chim thú tụ về, lông cánh của chúng cũng nhờ vào đó chói màu vàng rực. Kết bạn cũng thế, khi sang cùng sang, khi vui đồng vui.



Thế nào gọi là kết bạn như đất? Tất cả mọi vật đều nương dựa vào đất mà được sinh trưởng. Làm bạn chân thành là để nuôi dưỡng, ủng hộ, giúp đỡ, không hề quên nhau. O

BỐN HẠNG NGƯỜI KHÔNG NÊN TIN

Nhà vua thưa rằng: “Nay trẫm nhận ra, do trí hạn hẹp, tin lời gièm siểm, khiến Ngài ra đi... Mong ngài quay lại”.

Hiền Nhân đáp rằng: “Người có trí tuệ không tin bốn điều: Một, bạn tà ngục. Hai, bề tôi nịnh siểm. Ba, vợ yêu nghiệt. Bốn, con bất hiếu”.

Vì thế, kinh dạy: “Bạn tà hại người; tôi nịnh hại triều; người vợ yêu nghiệt phá nhà, hại chồng; và con bất hiếu hại cả cha mẹ”. O

MƯỜI CỬ CHỈ SỐNG CÓ HẬU

Về các cử chỉ của người có hậu, Hiền Nhân dạy rằng:



- Có mười cử chỉ được cho là có yêu quý, hậu trọng: Một là xa nhau lâu nhưng không quên. Hai là thấy nhau thì lòng vui mừng. Ba là nhớ nhau, chia sẻ món ngon. Bốn là lỡ lời thì đừng chấp trách. Năm là nghe biết việc lành thì vui. Sáu là can gián người làm việc xấu. Bảy là làm được những việc khó làm. Tám là không đem chuyện riêng nói người. Chín là khi gặp bối rối, khó khăn thì gắng giúp đỡ. Mười là nghèo khổ thì không bỏ nhau.

Nên trong kinh dạy: “Bỏ dữ làm lành, tu tập chánh Pháp, đem lời trung chánh dạy dỗ lẫn nhau, lối sống nghĩa hiệp, trọng đạo, mến đức”. O

TÁM ĐIỀU KHÔNG ƯA NHAU

Có tám việc biết là không ưa nhau: Một là thấy nhau sắc mặt thay đổi. Hai là liếc ngó, không chịu thẳng thắn. Ba là lời nói không có ôn hòa. Bốn là việc phải thì cho là quấy. Năm là việc xấu thì lòng vui



thích. Sáu là việc tốt thì tâm không vui. Bảy là chê bai việc tốt của người. Tám là tán thành những điều phạm pháp.

Nên kinh dạy rằng: “Lỡ đánh chết người, tội còn dung thứ; người dùng tâm độc âm mưu hại người, thì không nên gán”. O

MƯỜI DẤU HIỆU CỦA NGƯỜI TRÍ

- Kính thưa Đại vương, có mười sự việc chứng tỏ người trí: Một là nhận biết kẻ hiền, người ngu. Hai là biết rõ kẻ sang, người hèn. Ba là biết rõ kẻ giàu, người nghèo. Bốn là biết rõ việc khó, việc dễ. Năm là biết rõ việc nào đáng bỏ, việc nào nên làm. Sáu là trách nhiệm với việc được giao. Bảy là hiểu rõ phong tục, tập quán ở nơi mình đến. Tám là biết rõ cội nguồn trở về. Chín là kiến thức học rộng, hiểu nhiều. Mười là biết được kiếp sống quá khứ.

Nên Kinh dạy rằng: “Khi gặp tai nạn



mới biết được lòng bạn. Có đánh lộn nhau mới biết mạnh yếu. Có luận nghị nhau mới biết trí ngu. Những lúc cơm thua, gạo kém mới biết người có lòng nhân”. O

TÁM ĐIỀU AN ỔN

- Kính thưa Đại vương, có tám điều kiện để được an ổn: Một là thừa kế gia tài cha mẹ. Hai là có nghề, có thể tự lập. Ba là học thức, nhìn xa, trông rộng. Bốn là giao du với bạn hiền tài. Năm là kết hôn với người chung thủy. Sáu là có được các con hiếu thảo. Bảy là tôi tớ chân thật, hòa thuận. Tám là lìa xa các việc xấu ác. O

TÁM ĐIỀU ƯA THÍCH

- Kính thưa Đại vương, có tám điều thích. Một là được làm việc với người hiền. Hai là được học với bậc thánh nhân. Ba là lánh tình từ hòa, nhân hậu. Bốn là sự nghiệp ngày càng hưng thịnh.



Năm là vượt qua thói quen giận dữ. Sáu là biết cách phòng ngừa tai nạn. Bảy là biết nương Phật, Pháp và Tăng. Tám là bạn bè không dối gạt nhau. O

MƯỜI TRƯỜNG HỢP KHÓ KHUYÊN

- Kính thưa Đại vương, có mười trường hợp khó thể khuyên can: Một là tham lam che mất lương tâm. Hai là tham đắm sắc đẹp, ngoại hình. Ba là tham danh, chạy theo địa vị. Bốn là ngang tàng, ứng xử bạo ngược. Năm là nhút nhát, không dám cả quyết. Sáu là khờ khạo, lừ đừ, chậm chạp. Bảy là kiêu ngạo, buông lung vô độ. Tám là đấu tranh, không tương nhượng ai. Chín là chấp chặt tập tục mê tín. Mười là tiểu nhân, hãm hại người tốt.

Nên Kinh dạy rằng: “Trình bày chánh pháp cho người ngu nghe như nói kẻ điếc. Người không lắng nghe thì khó khuyên can”. O



MƯỜI TÌNH HUỐNG KHÔNG NÊN NÓI

- Kính thưa Đại vương, có mười hạng người mà mình không nên chia sẻ, giải bày: Một, kẻ ngạo mạn. Hai, kẻ ngu độn. Ba, kẻ lo sợ. Bốn, kẻ ham vui. Năm, kẻ e lệ. Sáu, kẻ câm ngọng. Bảy, kẻ cừ hận. Tám, kẻ dối lạnh. Chín, kẻ bận việc. Mười là những người đang tu thiền định. O

Trong kinh có câu: “Những gì làm được thì hãy nên nói. Điều làm không được thì đừng nói suông. Một lời hư ngụy, không thành tín thì các bậc minh triết không thềm đoái hoài”. O

MƯỜI DẤU HIỆU KHÔNG ĐOAN CHÍNH

- Kính thưa Đại vương, có mười dấu hiệu cho chúng ta thấy người không đoan chính: Một là đầu tóc rối bời một bên. Hai là sắc mặt thường hay thay đổi. Ba là lớn tiếng, nói cười huyền thuyên. Bốn là liếc ngó, đang khi giao tiếp. Năm



là trang sức lộng lẫy, quá mức. Sáu là nhìn trộm qua kẽ vách, nhà. Bảy là đứng ngồi không một chút yên. Tám là dạo chơi đầu đường, ngõ phố. Chín là thích dạo ở nơi vắng vẻ. Mười là giao thiệp với hạng bán thân. O

NĂM ĐIỀU ĐÁNG GHÉT VÀ ĐÁNG KÍNH

- Kính thưa Đại vương, có năm đáng ghét: Một là ác khẩu, phun máu hại người. Hai là gièm pha, thúc giục sự đấu tranh. Ba là rầy rà, không sống hài hòa. Bốn là ganh ghét, trù rửa, chỉ trích. Năm là nói lời hai lưỡi, hại người. O

- Kính thưa Đại vương, có năm tính tốt thì được cung kính: Một là nhu hòa, nhần nhục tích cực. Hai là cung kính, tín tâm, chính trực. Ba là mau mắn, ít nói, làm nhiều. Bốn là lời nói đi đôi hành động. Năm là với bạn càng lâu càng hậu.

Trong kinh dạy rằng: “Nếu biết thương



mình phải biết giữ mình. Các bậc hiền tài có chí hướng thượng, sở học thấu đáo, nên không lầm lạc”. O

HẠNG NGƯỜI KHÔNG NÊN THÂN

- Kính thưa Đại vương, có mười loại người không mời về nhà: Một là thầy tà. Hai là bạn xấu. Ba là những kẻ khinh thường thánh nhân. Bốn là những kẻ ăn nói tráo trở. Năm là kẻ dâm. Sáu là những kẻ nghiện rượu, ma túy. Bảy là những kẻ có tánh xấu ác. Tám là những người không biết ân nghĩa. Chín là người nữ mất nết, hư dối. Mười là kẻ hầu ưa thích trang sức. O

TÁM ĐIỀU AN VUI

- Kính thưa Đại vương, có tám điều kiện để được an vui: Một là kính thờ các bậc sư trưởng. Hai là hướng dẫn hiếu thuận cho dân. Ba là khiêm cung, kính trên, nhường dưới. Bốn là tánh cách nhân



hậu, ôn hòa. Năm là cứu người trong cơn nguy khốn. Sáu là quên mình vì các việc nghĩa. Bảy là tiết kiệm, sống có chừng mực. Tám là biết bỏ các hận thù xưa.

Trong kinh có câu: “Người tu công đức, nghĩ trước làm sau, giúp người bần khổ, không chút từ nan thì trọn đời này sống trong an vui”. O

MƯỜI HAI ĐIỀU KHÔNG NÊN QUÊN

- Kính thưa Đại vương, bậc trí thường nhớ mười hai điều sau: Một là sáng sớm nghĩ tới tội lỗi, nên siêng làm phước. Hai là hiếu kính, đền ơn cha mẹ. Ba là việc gì cũng trù bị trước. Bốn là lánh xa các điều nguy hại. Năm là trước khi làm gì, suy nghĩ thật kỹ. Sáu là khuyên ngăn những kẻ lầm lạc. Bảy là giúp đỡ những kẻ bần cùng. Tám là bố thí, giúp người bất hạnh. Chín là ăn uống luôn có chừng mực. Mười là phân xử có tính công bình.



Mười một ban rải ân đức cho đời. Mười hai làm quan biết huấn luyện lính.

Trong kinh dạy rằng: “Phàm làm việc gì phải lo liệu trước. Người biết chu toàn, sự nghiệp phát triển, không bị thất bại”. O

MƯỜI HẠNH TỐT CỦA BẠC HIỀN

- Kính thưa Đại vương, người hiền thật sự có mười hạnh tốt: Một là kiến thức học rộng, hiểu nhiều. Hai là không phạm pháp luật, đạo đức. Ba là kính thờ Phật, Pháp và Tăng. Bốn là học pháp, nhớ nghĩ, thực hành. Năm là khắc phục được tham sân si. Sáu là tu tập bốn tâm bình đẳng. Bảy là ưa làm các việc ân đức. Tám là không hại tất cả chúng sinh. Chín là hóa độ được người bất nghĩa. Mười là không lẫn các việc lành ác. O

MƯỜI LĂM TỘI ÁC

- Kính thưa Đại vương, những kẻ tội ác thường hay biểu hiện mười lăm tội nặng:



Một là sát sanh. Hai là trộm cắp. Ba là dâm ô. Bốn là dối trá. Năm là nịnh hót. Sáu là chuốt ngót. Bảy là gièm pha. Tám là khinh thường các bậc hiền sĩ. Chín là ô trược. Mười là buông lung. Mười một say sưa. Mười hai ganh ghét. Mười ba thường hay hủy báng đạo đức. Mười bốn là người phá hại thánh nhân. Mười lăm là không biết sợ tội lỗi. O

MƯỜI ĐIỀU HỔ THEN

- Kính thưa Đại vương, có mười hổ then: Một là làm vua không hiểu chính trị. Hai là tôi thần không lo việc nước. Ba là mang ân mà không báo đáp. Bốn là có tội không chịu sám hối. Năm là đa thê, hay là đa phu. Sáu là chưa cưới mà đã có thai. Bảy là tập hợp mà không thành tựu. Tám là có binh mà không thể đấu. Chín là bôn sấn không chịu bổ thí. Mười là tôi tớ mà không sai được. O



MƯỜI HAI ĐIỀU KHÓ

- Kính thưa Đại vương, mười hai điều sau được gọi là khó: Một là làm việc với những người ngu. Hai là yếu đuối, đầu hàng, bỏ cuộc. Ba là thù nhau mà thường gặp mặt. Bốn là học ít mà thích tranh luận. Năm là nghèo hèn mà trả được nợ. Sáu là ra trận không có tướng sĩ. Bảy là trung thành với một chính thể. Tám là học đạo mà mất tín tâm. Chín là làm ác mà muốn hạnh phúc. Mười là sinh ra được gặp Phật tổ. Mười một được nghe chánh pháp của Phật. Mười hai hiểu rõ, thực tập chánh pháp. O

BỐN MƯƠI BỐN DẤU HIỆU CỦA BẠC TRÍ

- Kính thưa Đại vương, người có trí huệ biết rõ tường tận bốn mươi bốn việc: Một là biết cách sửa sang nhà cửa. Hai là tạo dựng không khí hòa hợp. Ba là giao thân với người xung quanh. Bốn là tin tưởng vào bạn bè tốt. Năm là theo học



với bậc minh sư. Sáu là quyết tâm thành tựu mọi việc. Bảy là tài trí cao viễn hơn người. Tám là tâm ý, thực hành hướng thượng. Chín là giàu sang thì làm việc đức. Mười là thận trọng sửa sang, tạo tác.

Mười một, có của phải mở sự nghiệp. Mười hai, không giao thừa kế cho con tất cả sở hữu. Mười ba, thường hay kết bạn người hiền. Mười bốn, không tin người mới quen biết. Mười lăm, đừng để tiền ở quan huyện. Mười sáu, mua bán thật thà, uy tín. Mười bảy, dòi chỗ phải nghiên cứu kỹ. Mười tám, đến đâu biết rõ giàu nghèo, cũng như quý tiện. Mười chín giao thiệp chỉ với người lành. Hai mươi, nương tựa vào thế lực đúng.

Hai một, không tranh với kẻ cường bạo. Hai hai, tin tưởng phục hồi cơ nghiệp. Hai ba, bản khổ không mong to tát. Hai bốn, có của không keo với người. Hai lăm, bí mật đừng nói vợ nghe. Hai sáu,



làm vua trọng người hiền đức. Hai bảy, ăn ở phải thật có hậu với người trung chính. Hai tám, thanh liêm, trị nước, yên dân. Hai chín, năng nổ, gắng lo lập công. Ba mươi, hiếu thuận là đạo làm người.

Ba một, quý trọng đôi xử ôn hòa, được mọi người mến. Ba hai, phải dạy học trò trung nghĩa. Ba ba, làm thuốc phải thật rành nghề, không khinh mạng sống. Ba bốn, đau ốm phải nghe thầy thuốc. Ba năm, ăn uống phải có độ lượng. Ba sáu, của ngon chia sẻ cho nhau, không chút luyến tiếc. Ba bảy, tài sản cho mượn, ban tặng, hãy tự tay làm. Ba tám, không nên vu oan cho kẻ vô tội. Ba chín, hòa giải, giúp người hòa hợp. Bốn mươi, kiên trì xa lánh việc ác. Bốn một, với người, không phân giàu nghèo. Bốn hai, ứng xử, hòa thuận làm quý. Bốn ba, tự nguyện giữ các đạo đức. Bốn bốn, thanh tâm cao quý hơn hết. O

BẢN CHẤT CỦA NIẾT-BÀN

Kính thưa Đại vương, trong cõi đời này, chỉ có Niết-bàn là cao quý nhất. Vì Niết-bàn là không có sinh, già, bệnh, chết, đói lạnh, không họa nước lửa, không có oan gia, không trộm, không dục, không còn buồn khổ, không có hoạn nạn, an lạc tuyệt đối, tự tại, giải thoát.

Bản chất niết-bàn, hoàn toàn an vui, thanh tịnh vô biên, không bị vô thường, không tính điều kiện, không bị mất đi. Phải chứng niết-bàn trên cuộc đời này, ngay khi còn sống. Phải dựng niết-bàn trên cuộc sống này, cho bản thân mình và các chúng sinh. Bệ hạ tự lo, tự tu, tự tỉnh; không làm thay được. Bệ hạ tự thương, bệ hạ tự cứu. O

ỨNG XỬ CỦA BẠC TRÍ

- Kính thưa Đại vương, chỗ đất bị lở bởi nước xoáy mạnh, dù trăm năm sau,



cũng không nên dựng cái gì trên ấy, vì không bền vững, mà chỉ vô ích. Vì dòng nước xoáy cuốn trôi tất cả. Người có ác tâm như một cá tính, mà sống giả nghĩa, kêu mình làm lành, thì không tin vội. Tâm ác chưa diệt, kẻ sống giả nghĩa sẽ làm ác tiếp, ta nên cẩn trọng. Phàm làm việc gì phải đi từng bước, như người đào giếng, đào sâu có nước; không thể vội vã sẽ hư việc lớn. Các bậc tài trí thấy sự bất bình giữa đời loạn lạc nên ra tay giúp, cũng như người bơi vượt dòng nước mạnh. O

- Về cách vấn đáp, người trí khác thường. Lời nói của họ luôn hướng việc lành. Bậc thầy trí tuệ luôn là chính đáng. Bậc trí mềm mỏng, nhân từ, cẩn trọng, ôn hòa, nhã nhặn, ăn nói hoạt bát, khởi xướng việc lành. Nghe lời, thấy việc của các bậc trí, tâm, miệng giống nhau. Xem cách cư xử, thái độ giao tiếp, cách thức đi, đứng của các bậc trí là không giả dối. O



TRÍ TUỆ CỦA BẠC TRÍ

- Kính thưa Đại vương, đối với bậc trí, thể hiện trọng kính, chớ đừng khinh thường, nghe lời phải đạo cố gắng làm theo. Người trí hiểu đúng, thể theo chánh đạo, tâm không tham cầu, thấu việc quá khứ, hiện tại, tương lai. Tầm mắt bậc trí nhìn xa, thấy rộng, thấy rõ muôn vật trong không-thời gian chỉ là biến hiện, muôn pháp về một, vắng lặng xưa nay. O

Kẻ trí thấy rõ đời là vô thường, thay đổi không dừng. Trẻ rồi già nua; mạnh rồi bệnh tật; sống rồi sẽ chết; giàu như mây nổi, tất cả vô thường. Đang thời an ổn, nghĩ đến nguy khó. Lúc được hưng thịnh, nghĩ đến vô thường. Kính mến người lành, lánh xa người ác. Khi giận hờn ai nên sớm bỏ qua, không nên gây ác, làm náo hại người. Thể hiện nhu hòa nhưng khó xâm phạm, bề ngoài yếu đuối mà khó thắng được. O



Người trí luôn theo pháp của thánh hiền, làm việc nhân từ, giáo hóa kẻ ngu, giúp cho sáng suốt. Người biết trị nước nên ban ân huệ cho người làm lành. Các bậc tu hành dẫn dắt quần chúng trở về chánh đạo. Đất nước lâm nguy, mọi người góp sức, tìm ra giải pháp. Tới lui biết thời khỏi bị nghi ngờ. Tuy có ơn đức đối với người khác, không cầu báo đáp. Tôn thờ, giúp đỡ các bậc hiền trí sẽ được phước báu, không gặp tai nạn. Bệ hạ chớ nghi. Con đường chính trị không nên trái đạo. Dạy dân làm lành, đất nước phát triển, xã hội bình yên. O

MỖI NGƯỜI CÓ NGHIỆP RIÊNG

- Kính thưa Đại vương, Hiền Nhân tôi đây như con chim bay, không đậu cành nào. Đạo của Hiền Nhân không thể lẫn lộn với đời phàm tục. Lửa cháy ngoài đồng, những cây gần bên sẽ bị cháy sém. Chỗ nào nước xoáy thì thuyền bị quay.



Hễ là độc trùng thì tất hại người. Hiền Nhân từng sự với người trí tuệ, để khỏi phải bị kẻ hèn quấy nhiễu.

Về loài thảo mộc, mỗi loài mỗi khác. Chim có nhiều loại, bạch hạc lông trắng, chim quạ lông đen. Nhân cách con người có phần khác biệt. Mặc áo gấm lụa cho người quê mùa thực là vô ích, vì người nhà quê chỉ quen bùn đất, không biết giá trị, và dù có mặc cũng chỉ làm hư. O

NHƯ CÂY PHẢN LỆ

Kính thưa Đại vương, ở trong nhân gian, có cây Phản Lệ. Chủ trồng cây này không ăn trái được, kẻ muốn hái trộm, trái lại sinh ra. Vua không sáng suốt thường bị sàm tấu. Bậc trung giúp nước cho được an ổn thì bị đuổi xô; kẻ nịnh thần gian, phá hư triều chánh lại ăn bổng lộc. Khách ở nhà lâu, chủ sinh nhàm chán.



Nhà vua cần thưa: “Mạng người quý trọng, xin Ngài mở lòng, thương nghĩ đến trăm. Trăm đem thân mạng thờ Ngài hơn xưa”. O

GẶP NHAU LÀ NHÂN DUYÊN

Hiền Nhân trình thưa: “Bệ hạ muốn thế, chưa chắc làm được. Hoàng hậu khác biệt, dễ gì chấp nhận. Hiền Nhân chỉ là một vị Sa-môn, cầm bát khất thực, tự vui chánh đạo, dứt trừ tham vọng, giữ giới thanh cao, xa lìa tội lỗi, giúp đời an vui. Đây là con đường, Hiền Nhân thực tập. Các khuynh hướng khác sẽ không thích hợp”.

Nếu như Bệ hạ và Hiền Nhân này luôn được mạnh giỏi, ắt sẽ gặp nhau. Hiền Nhân vào núi tu dưỡng tâm linh, rèn luyện trí tuệ. Gần nhau mà chỉ gặp toàn chuyện ác, chỉ bằng xa nhau mà lại nhớ nhau trong tâm niệm tốt. O



VIỆC ĐẠO, VIỆC ĐỜI

Kính thưa Đại vương, người trí khi nghe thí dụ đã rõ. “Nhu người lấy mật xoa vào lưỡi dao, đưa cho chó liếm, vì tham chút ngọt, chó bị đứt lưỡi, đau đớn vô cùng”. Nay bốn cận thần, miệng nói ngon ngọt, tâm dường dao bén. Bệ hạ cẩn trọng, đề phòng chánh niệm, để tránh bất trắc xảy ra không hay. Gặp điều sợ hãi, bệ hạ nghĩ nhớ đến lời Phật dạy, sợ sẽ tiêu tan.

Chim cú, chim mèo ưa thích bụi rậm. Các con chuột bỏ núp dưới rơm, rác. Loài chim đậu cành, hạc ưa ao đục. Mỗi chủng loại vật có nghiệp riêng khác, khuynh hướng bất đồng. Hiền Nhân mến đạo, Bệ hạ bận rộn với việc trị dân, đó là sai khác.

Những vật thô xấu cũng có chỗ dùng, không nên phí bỏ. Hạng người ngu bần,



không nên hắt hủi, đều có chỗ dùng. Nghệ thuật dùng người cũng như dùng cây, không gì vô ích. Ta nên biết người, biết suy nghĩ họ, biết lời nói họ, biết hành động họ, không nên hời hợt.

Có những dấu hiệu dự báo tương lai. Con chim ban đầu đậu ở cành thấp, sau nhảy nhánh cao. Chó của chủ nhà sủa người khách quen, biết là có chuyện, lòng sanh chán ngán. Nói xong Hiền Nhân đứng dậy mang bát, bước ra khỏi thành. Vua và thần dân, vọng bái, tiễn đưa. O

ĐẤT NƯỚC BẤT ỔN

Khi Hiền Nhân đi, kẻ trung giảm dần, loạn thần được dịp tung hoành gian nịnh. Bốn quan cận thần cậy thế ép dân, người của hoàng gia dùng thói yêu nghiệt, làm vua mê hoặc, không nghĩ việc nước, ngày đêm vui thân trong niềm hoan lạc. Chính quyền quan liêu, bóp nghẹt tự do, thuế quá đáng, không chút nhân từ



với người bất hạnh. Kẻ mạnh hiếp yếu, bóc lột lẫn nhau, không màng pháp luật. Xã hội rối ren.

Có nhiều phụ nữ bị cưỡng bức dục, trở thành nô lệ. Có nhiều gia đình thân thuộc ly tán, mỗi người mỗi nơi, tai họa ập đến, vua nào hay biết. Mưa gió trái thời, nông nghiệp mất mùa, nước loạn dân nghèo, đói khát phát sinh, oán than khắp chốn. Nhân dân sầu khổ, lo sợ bệnh chết, kẻ thì than khóc, người thì kêu ca, ai cũng mong rằng có bậc tài đức ra tay cứu giúp. O

DÁM NHÌN NHẬN SỰ THẬT

Trong tình hình đó, có vị Đạo Nhân, cháu của Hiền Nhân, thấy nước loạn lạc, xóm làng nghèo khó, nhân dân khốn cùng, mạnh dạn vào cung, tâu với nhà vua: “Kính tâu Đại vương, các quan đại thần làm việc phi pháp, tham ô, lũng đoạn, bắt kẻ vô tội, cưỡng bức người



hiền, tàn hại nhân gian, thật vô nhân đạo. Muôn dân than khóc, quỷ thần giận dữ với nhiều tai họa. Cảnh khổ lan tràn, bệ hạ không hay. Nếu không sớm trừ các bọn gian thần, đất nước chúng ta không còn lương dân.

Nghe qua sự tình, nhà vua kinh hãi, đánh giá sự việc: Trẫm đã lỡ dùng bốn tên loạn thần, phá nước hại dân, có khác gì cảnh “thả chó sói dữ trong bầy cừ non, thật là tội nghiệp”. Dân chúng khốn ách, đất nước lâm nguy. Trẫm đã buông cương, mặc cho ngựa điên kéo xe trị quốc, lọt xuống hố sâu. Thật là tai hại. Nay ngài đến đây, giúp trẫm thức tỉnh. Ngài có phương cách giải quyết mối nguy, trị an xã tắc?”

Đạo Nhân thưa rằng: “Từ khi Hiền Nhân bỏ nước ra đi, nước bị rối loạn, do bọn gian thần. Bệ hạ cần phải phục hưng tổ quốc, giúp đỡ người dân, sống trong



hạnh phúc. Bệ hạ cùng thần du hành một phen, để tận mắt mình thấy điều khổ sở, nghe điều bất công, đúng như sự thật đã từng diễn ra”. O

PHỤ NỮ RÁCH RƯỚI

Nghe theo lời khuyên, nhà vua cải trang, cùng với Đạo Nhân đi khắp dân gian, thị sát tình hình. Vừa ra khỏi thành, vua đã nhìn thấy một nhóm, áo quần rách rưới, vừa đi vừa khóc. Đạo Nhân liền hỏi: “Vì sao các chị khổ sở rách rưới? Sao không làm ăn, hoặc đi lấy chồng, để thoát cơ cực?”

Một cô trả lời: “Sở dĩ chúng tôi ra nông nổi này đều do nhà vua, chẳng lo quốc sự, bỏ mặc người dân sống trong đau khổ. Giá mà nhà vua nghèo đói, rách rưới thì mới bỏ ghét”.

Đạo Nhân khuyên bảo: “Các chị trách thế là không phải lẽ. Vua lo việc nước,



lớn lao hơn nhiều, đâu có thời gian lo cho chị được. Các chị phải làm để tự sinh sống”.

Một chị không vui, liền lên tiếng nói: “Không phải thế đâu. Do vua trị nước có điều bất minh, nên dân đói rách, chịu cảnh khốn cùng. Ngày thì khốn với các bọn quan tham, đêm thì khốn đốn với giặc trộm cướp; cơm không đủ no, áo không đủ mặc, như thế thì còn, có ai lại muốn, cưới gả chúng tôi”. O

BÀ LÃO MÙ LÒA

Đi một quãng nữa, vua gặp bà già, áo quần rách rưới, hình hài gầy yếu, mắt mờ lạng quạng, vừa đi vừa khóc.

Đạo Nhân liền hỏi: “Bà lo việc gì mà khóc khổ vậy?”

Bà già ngẩng đáp: “Vì nhà vua cả. Giá mà nhà vua mù như lão đây thì mới đáng kiếp, lão sung sướng lắm”.



Đạo Nhân phân trần: “Bà nói như thế không có chỗ đúng. Người già mắt mờ, nhà vua lỗi chi mà bị chỉ trích?”

Bà lão giải thích: “Đêm bị giấc cướp, không chút an tâm, ngày bị quan tham hiếp bức, bóc lột, chịu cảnh nghèo đói, nên lão tôi đây mới phải hái rau, lượm củi đổi gạo, để nuôi sống mình, đập phải độc trùng, vương phải độc khí, nên mới mù què, đau khổ như thế. Nếu không phải lỗi của nhà vua kia thì lỗi tại ai?” O

BÀ LÃO BỊ BÒ ĐÁ

Đến một quãng đường, vua thấy một bà, nghèo rách vắt sữa. Con bò đá bà, bà ngã xuống đất, lồm khồm bò dậy, mắng chửi lia lịa: “Phải chi mày đá Hoàng hậu một cái, đau cho bỏ ghét. Mày lại đá tao làm cái gì chứ!”

Đạo Nhân chia sẻ: “Bò dữ đá bà, đâu phải Hoàng hậu mà bà quy lỗi?”



Bà lão trách móc: “Nhà vua không biết chỉ dùng nịnh thần, hoàng hậu xúc siểm, nước nhà mới loạn, quan không ngăn cướp, không giữ an ninh, nên có sự tình người bị bò đá, đau điếng cả người. Tất cả tại Vua”.

Đạo Nhân chỉ bảo: “Tại bà không biết cách vắt sữa bò nên bị bò đá, là chuyện thường tình”.

Bà lão đáp lại: “Không phải thế đâu! Nếu nhà vua khéo, sử dụng hiền tài, Hiền Nhân ở lại, giúp vua trị nước, nước nhà thái bình, không bị loạn lạc”. O

CON CHIM MỔ ÉCH

Đi một đoạn nữa, đến bên đồng ruộng, vua thấy con chim đang mổ con ếch. Con ếch đau đớn, lún núp vào bùn, buông lời mắng trách: “Phải chi mày mổ vua một cái đau thì tao mới thích. Mày đừng mổ tao”.



Đạo Nhân bảo ếch: “Người bị chim mổ, lỗi không do vua, người phải tự vệ, không trách ai được”.

Con ếch đáp lời: “Tôi không hề mong vua bảo hộ tôi. Vua không trị nước, bỏ bê triều chính, pháp luật không minh, không chịu chỉ đạo dẫn thủy nhập điền, nên trời hạn hán, nước khô như vậy, thân tôi bày ra, nên chim mới mổ”.

Con ếch lại than: “Nếu vua biết cách giữ đạo quyền chính, loại một người ác, lợi cho một nhà; bỏ một nhà ác, lợi cho một làng, bỏ một làng ác, lợi cho quốc gia. Vua không chấp chính nên dân khổ sở, thiên hạ kêu ca”.

Đạo Nhân tâu vua: “Đại vương xét kỹ, trăm họ vô tội, khốn đốn khóc than, động đến trời đất, đến nỗi con ếch còn thốt lời than. Đại vương đã thấy. Kính mong Đại vương, sớm đuổi kẻ ác, tái thiết quốc gia



trên con đường chánh, giúp cho nhân dân sống cảnh thái bình. Kính thưa Đại vương, bây giờ gieo giống, mưa thuận gió hòa, mùa màng sẽ trủng, cuộc sống bình an. O

Nhà Vua liền hỏi: “VẬY theo ý Ngài, ta nên giao phó trách nhiệm cho ai?”

- Kính thưa bệ hạ, hãy mau thỉnh mời Hiền Nhân trở về. Ngài biết thời cơ, nếu trở về nước, đất nước bình an.

Nghe lời tư vấn, nhà vua đi đến chỗ Hiền Nhân ở, đánh lễ, thỉnh cầu Hiền Nhân trở về. Sau khi thăm hỏi, vua ngồi một bên, chấp tay tạ tội, thưa với Hiền Nhân:

- “Trẫm vì sơ sót, suy nghĩ nông cạn, lỡ hại trăm dân, nên họ oán trách. Nay trẫm một lòng sám-hối nghiệp trước, xin ngài bỏ qua, trở về giúp nước”. O



KHÔNG TIN NHÂN QUẢ LÀ TỰ MÊ HOẶC

Hiền Nhân đáp lễ: “Người nào có tội mà biết sám-hối thật đáng tán dương”.

Khi trở về cung, thấy bốn cận thần, kẻ tai nói nhỏ, Hiền Nhân trình bày:

- Người tự mê hoặc, không phân chân tà, sẽ gặp khổ nguy. Mọi việc trên đời, hạnh phúc, khổ đau đều do nhân quả, không thể tránh được.

Ai làm việc ác, ác quả đeo bám; ai làm điều lành, quả tốt đền trả, trọn đời không mất. Họa phúc theo ta như hình với bóng, kẻ ngu chẳng biết. Họa phúc rõ ràng cũng như tiếng vang bám theo âm thanh, như bóng theo hình, không thể ngẫu nhiên, trên trời rơi xuống. Các người làm ác mà không hối cải, không thể che giấu.

Trong số các vị, có người cho rằng: “Sau khi chết đi, thần thức chết theo,



cuộc sống kết thúc”. Cũng có người nói: “Không có tội phước với các hành động”. Trong vũ trụ này, mọi việc rõ ràng, đều theo quy luật của nhân và quả. Chết không kết thúc sự sống con người. Con người tái sinh chạy theo dòng nghiệp. Nhân quả tốt xấu sẽ đeo bám ta, không thể khinh thường”. Bốn quan cận thân nghe lời chí lý, lẳng lặng làm thinh, không biết nói sao. O

NHÂN QUẢ ĐẠO ĐỨC

Hiền Nhân nói tiếp:

- Tất cả hiện tượng trong vũ trụ này đều do nhân quả, sự sống con người đều do tội phước. Làm lành hay ác đều có quả báo, như bóng theo hình. Người chết bỏ thân, nghiệp vẫn còn nguyên. Gieo giống xuống đất, sẽ sanh nhánh lá, kết hạt trên ngọn. Thắp đèn tim lụn, lửa vẫn đỏ mãi. Hành vi tội phước vẫn còn với ta, như người viết chữ bên ánh đèn khuya,



khi đèn tắt đi, chữ vẫn còn nguyên. Tâm thức con người, sau khi chết đi, tái sinh theo nghiệp, có mặt trong thai, đời này đời khác, không hề kết thúc. Những việc làm ác không thể tránh khỏi các quả đau khổ, giết cha mẹ chết không thể vô tội! O

Bốn quan đáp rằng: “Một nhánh cây nhỏ còn không nên hái, huống hồ giết chết cha mẹ của mình sao vô tội được”.

Hiền Nhân đáp lại: “Người giả bên ngoài làm lành lánh dữ, trong thì uẩn khúc, làm việc gian ác, thật là nguy hại. Cũng như vàng giả, bề ngoài mạ vàng, trong toàn là đồng. Bề ngoài tốt đẹp, tâm toàn tà nguy là điều nên tránh. Việc này khác gì những con chó sói lẫn vào bầy dê, ngấm ngấm giết thịt các con dê con, không hề hay biết”. O

Nhiều kẻ ác độc tự xưng đạo đức, giả trang khổ hạnh, diễn giải kinh sách, làm



hoa mắt người, nhưng bên trong thì, tâm luôn tà ngụy, cầu mong danh lợi, không chút xấu hổ. Người không kinh nghiệm dễ dàng bị lừa, quay đầu tin phục. Như nước sông lụt, chưa chảy ra biển, làm hại nhiều người. Các bậc thánh nhân cứu giúp thiên hạ, chuyển hóa nghiệp xấu, siêng làm việc lành, giữ tâm thanh tịnh, mọi người lợi lạc.

Quả báo của nghiệp là rất rõ ràng. Làm dữ bị họa, mọi người đều ghét, không chóng thì chầy, khổ đau sẽ đến. Làm việc phước đức, tuy không ai biết, phước lành trở quả, mọi người khen ngợi. Như bánh xe tròn, lăn hoài không dứt. Nghiệp của con người, trải qua nhiều kiếp, tái sinh nhiều nơi, không thể mất đi. Phải tin tội phước, để không gian dối, không gây hại ai. O

Làm người hạnh phúc phải biết cẩn trọng, lánh xa kẻ ác, sám hối lỗi lầm.



Nếu mọi người đều làm lành lánh dữ như bản tánh họ thì trên đời này quả phước giống nhau. Song người làm ác ở đâu cũng có, nên quả sai khác. Từ nghiệp sai khác, tình huống khác nhau: người thọ, kẻ yếu, người khỏe, kẻ bệnh, người tốt, kẻ xấu, người giàu, kẻ hèn, người khôn, kẻ ngu, người thân tướng đẹp, kẻ què, tàn tật, người đủ giác quan, kẻ đui, điếc, câm... Tất cả đều do nhân duyên kiếp trước, nhân quả kiếp này mà có quả báo vô cùng khác biệt. Những người đức hạnh, trung trực, hiền lành, trí tuệ, từ bi, sống đời cao thượng, hào phú, hạnh phúc là do nghiệp lành. Nhân quả rõ ràng như một quy luật, không do trời định, không phải ngẫu nhiên, không do hên xui. Hãy suy nghĩ kỹ, tất cả kết quả, dù tốt hay xấu, đều có nguyên nhân cộng với các duyên tác động qua lại. Đừng nên lầm lạc, phủ định nhân quả, thật là bất hạnh. O



THUẬT QUẢN TRỊ QUỐC GIA

Hiền Nhân nói tiếp: “Kính thưa Đại vương, trong nước có vua, vua ban pháp luật, sống thuận đạo lý, giao cho người hiền, phó việc tài trí, ban thưởng người lành, trừng phạt kẻ ác”. Nhờ kỷ cương này, đất nước an bình, xã hội phát triển, nhân dân hạnh phúc. O

- Kính thưa Đại vương, ngày xưa có vua tên là Cầu Lạp, có ao trong thành, nuôi nhiều cá ngọt. Một quan giám ngư được vua yêu cầu trông coi ao cá. Mỗi ngày giám ngư dâng vua tám con, nhưng sau lưng vua, cấp tám con khác. Biết cá bị mất, nhà vua ra lệnh tám giám ngư nữa giữ gìn ao cá. Tám giám ngư mới cấu kết người cũ, mỗi ngày ăn cắp thêm nhiều con nữa. Sự thật đau lòng, nhiều người giữ cá, cá mất nhiều hơn, do người giữ cá là kẻ ăn cắp. O

Giao một nhiệm vụ cho quá nhiều



người, không hẳn đã tốt, nước thêm rối loạn. Cũng như tình trạng người hái quả non, ăn không mùi vị, lại càng mất giống; nhà vua trị nước, không dùng hiền tài, thiệt hại đất nước, nguy hại cho dân, tiếng tăm mất dần, phước phần tổn giảm. Trị nước không nghiêm, trái với luật pháp, làm cho thiên hạ khởi tâm tranh chấp, bất ổn xã hội, khác nào muốn giàu, phát triển sự nghiệp, mà không dụng chí thì của cải có, mỗi ngày tổn giảm, là điều tất yếu. O

Trong một đất nước có tướng binh nhiều, không chịu tập trận, không lo phát triển, nước sẽ yếu dần. Làm vua một nước không trọng luật pháp, không theo đạo đức, không thờ thánh nhân, không dùng hiền tài thì hiện tại này không người giúp đỡ, trong tương lai tới, không thể hạnh phúc; bá tánh kêu ca, tai ương tới tấp, sống đề tiếng dơ, chết tái sanh xấu.



Trị nước theo luật và chánh pháp Phật thì được lòng người. Kính bậc đạo đức, hiếu thuận cha mẹ, thương yêu trẻ thơ, siêng làm việc lành, thì hiện tại này sống được bình an, kiếp sau hạnh phúc. Làm việc trung nghĩa như đi thẳng đường. Công bằng, chính trực ai nấy đều phục. Sống phải sáng suốt, tích lũy kiến thức từ các cổ thánh để làm kinh nghiệm sống của kiếp này, động tịnh biết thời, ân oán có nhân, ban tặng ân phước, giúp dân lập nghiệp, bố thí bình đẳng, tái thiết thái bình. Làm được như thế, đời này an lạc, đời sau phước quả. Quyết chí tu hành, chúng nên đạo giác. O

Nghe Hiền Nhân dạy, mọi người mừng rỡ, vâng phục làm theo. Nhà vua đứng dậy, cúi đầu thưa rằng: “Được nghe Ngài dạy, trăm thấy nhẹ lòng, như cơn gió mạnh xua tan mây mù. Xin Ngài từ bi, thương đất nước này, giáo hóa quốc dân, giúp trăm trị nước, như trước đây vậy”.



Cảm động tấm lòng của một Đại vương, Hiền Nhân nhận lời. Ngài liền đứng dậy, theo vua về cung, luận bàn triều chính.

Bốn quan cận thần bị phát hiện ra có nhiều sai phạm, nên bị trừng phạt. Hiền Nhân giúp nước, phước thấm muôn dân, mưa nắng đúng thời, mùa màng bội thu, nhân dân hoan hỷ, bốn biển thanh bình, trên dưới hòa thuận, chung sức đồng lòng, xây dựng cuộc sống ngày một thái bình, giàu sang, hạnh phúc. O

LIÊN HỆ KIẾP SỐNG

Sau khi kể xong câu chuyện Hiền Nhân, đức Phật ngừng lại, nhìn về đại chúng, rồi dạy tiếp rằng: O

- Nay các đệ tử! Hiền Nhân đời trước chính là Ta đây. Còn Đạo Nhân kia là A-nan-đa. Vua Lâm Đạt đó không ai khác hơn vua Tỳ-tiên-nặc. Hoàng hậu



thuở đó là Tôn-đà-ly. Con chó nhà vua là ông Sa-nặc. Bốn quan cận thần là bốn kẻ ngoại đạo giết Tôn-đà-ly. Mọi việc trên đời đều có liên hệ, không hề ngẫu nhiên, nên nhớ nhân quả, để sống thật tốt, an vui, hạnh phúc.

Nghe Thế Tôn dạy kinh nghĩa sâu xa, hơn ba ức người hiểu được lý đạo, phát nguyện vâng giữ năm điều đạo đức, phát nguyện thực tập, truyền bá Kinh này. O

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

(3 lần, xá 3 xá) OOO



PHẦN SÁM NGUYỆN



1. BÁT-NHÃ TÂM KINH

Quán Tự Tại thực hành trí tuệ,
 Bát-nhã ba-la-mật sáng ngời,
 Bảy giờ Bồ-tát quán soi,
 Thấy rằng năm uẩn ba đời đều không. O
 Vượt tất cả các vòng khổ ách,
 Hãy nghe này, Xá-lợi-phất ông!
 Sắc nào có khác gì không,
 Không nào khác sắc, sắc không vốn đồng. O
 Cả thọ, tưởng, thức, hành cũng thế,
 Tánh chân không các pháp viên thành
 Thấy đều chẳng diệt, chẳng sanh,
 Chẳng nhớ, chẳng sạch, chẳng tăng
 giảm gì. O
 Trong chân không chẳng hề có sắc,
 Chẳng thọ, tưởng, hành, thức trong không.
 Mắt, tai, mũi, lưỡi, ý, thân,
 Sắc, thanh, vị, xúc, pháp, hương không còn. O
 Không nhãn thức đến không ý thức,
 Không vô minh hoặc hết-vô-minh,
 Không điều già chết chúng sanh,
 Hết già, hết chết thực tình cũng không.



Không trí huệ cũng không chứng đắc,
 Bởi có gì là chỗ đắc đâu.
 Bảy lâu Bồ-tát dựa vào,
 Trí ba-la-mật, thăm sâu thực hành,
 Mọi chướng ngại quanh mình tan biến,
 Mọi việc đều chẳng khiến hoảng kinh,
 Xa lìa mộng tưởng đảo điên,
 Niết-bàn rốt ráo an nhiên thanh nhàn. O
 Bát-nhã ấy rõ ràng trí tuệ,
 Mà ba đời chư Phật nương vào,
 Chứng thành quả giác tối cao,
 Nên xem Bát-nhã thâm sâu đó là: O
 Lời thần chú sâu xa bậc nhất,
 Lời chú thần rất mực quang minh,
 Chú thần cao cả anh linh,
 Là lời thần chú thật tình cao siêu,
 Trừ dứt được mọi điều đau khổ,
 Đúng như vậy muôn thuở không sai.
 Ngài liền tuyên nói chú này,
 Để người trì niệm sáng bày chơn tâm: O
 Ga-tê Ga-tê Pa-ra-ga-tê Pa-ra-san-ga-tê
 Bô-dhi Sva-ha. (3 lần) OOO

2. NIỆM PHẬT

Nam-mô Ta-bà giáo chủ, tam giới Đạo sư, tứ sinh Từ phụ, nhân thiên Giáo chủ, thiên bá ức hoá thân, Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật (18 lần) O

Nam-mô Đại trí Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát O

Nam-mô Đại hạnh Phổ-hiền Bồ-tát O

Nam-mô Hộ pháp chư Tôn Bồ-tát O

Nam-mô Đạo tràng Hội thượng Phật
Bồ-tát (3 lần) OOO

3. NĂM ĐIỀU QUÁN TƯỞNG

(Hoặc đọc bài Quán Chiếu Thực tại)

Thế Tôn lời dạy tỏ tường

Năm điều quán tưởng phải thường xét ra:

Ta đây phải có sự già,

Thế nào tránh khỏi lúc qua canh tàn. O

Ta đây bệnh tật phải mang,

Thế nào tránh khỏi đặng an, mạnh lành.

Ta đây sự chết sẵn dành,

Thế nào tránh khỏi tử sanh đến kỳ.



Ta đây phải chịu phân ly,
Nhơn vật quý mến ta đi biệt mà.
Ta đi với nghiệp của ta,
Dù cho tốt xấu tạo ra tự mình,
Theo ta như bóng theo hình,
Ta thọ quả báo phân minh kiết tường. O

4. QUÁN CHIẾU THỰC TẠI

Không truy tìm quá khứ,
Không ước vọng tương lai.
Quá khứ đã qua rồi,
Tương lai lại chưa đến.
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính là đây.
Không động, không lung lay.
Hãy thực hành như thế! O
Không một ai biết trước
Cái chết đến lúc nào;
Tử thần có đợi đâu,
Làm sao điều đình được.
Vì thế nên nỗ lực,
Tinh tấn suốt đêm ngày,

Tỉnh thức từng phút giây,
An trụ bằng chánh niệm.
Như vậy mới xứng đáng
Người biết sống một mình,
Người ấy đã tôn vinh
Đạo nhiệm màu vô thượng. O

(Trong mỗi thời Kinh, tụng một trong các bài Sám dưới đây)

5-A) SÁM QUY MẠNG

Con nương tựa mười phương đức Phật,
Pháp cao siêu tuệ giác, tịnh thanh,
Tăng đoàn chứng quả thánh nhân,
Từ bi cứu độ chúng sinh thoát nạn.
Đã bao kiếp bỏ quên chân tánh
Lụy cõi mê, nhiễm đắm tham, sân
Bập bênh sinh tử bao lần
Chạy theo thanh, sắc vương chân bụi trần.
Mười trói buộc làm nhân hữu lậu,
Sáu giác quan gây tạo tội khiên.
Sông sâu, bể khổ đắm chìm,
Vướng vòng nhân ngã, bỏ quên đạo lành.
Bao kiếp sống lãng nhăng dây nghiệp,



Rồi kiếp này oan trái dùng dằng.
Ngưỡng cầu Tam bảo xót thương,
Cho con sám hối lỗi lầm bấy lâu. O
Nhờ Phật lực nhiệm mầu soi chiếu,
Bạn đồng tu nhiệt huyết chỉ nhau,
Thoát ra vực thẳm khổ sâu,
Đến bờ giác ngộ nhiệm mầu xưa nay. O
Gieo phước đức kiếp này sống thọ,
Trồng trí nhân, sáng tỏ tâm linh.
Sanh ra ở chốn đô thành,
Minh sư dẫn dắt, thực hành đạo chơn.
Vì chính tín, phát tâm xuống tóc,
Theo đạo mầu, thể đặc huyền vi.
Sáu căn lạnh lợi hành trì,
Giữ gìn ba nghiệp hành vi mạnh lành.
Duyên thế tục tịnh thanh, không nhiễm,
Đời thanh cao, chẳng dính bụi trần.
Giữ gìn đạo đức, lương tâm,
Oai nghi, tề hạnh trang nghiêm trong, ngoài.
Tám nạn lớn không tà xâm phạm,
Cùng bốn duyên chẳng dám bữa giăng.
Liễu thông trí tuệ sâu ngàn,



Tâm bồ-đề ấy chưa từng thoái lui. O
Nương Phật pháp, an vui tu học,
Ngộ Đại thừa, lập cước tánh “không”,
Thực hành lục độ pháp môn,
Vượt bao kiếp sống trầm luân biển dài.
Xây chùa tháp khắp nơi tu học,
Phá lưới nghi, ba độc trùng trùng,
Tà ma hàng phục đến cùng,
Trùng hưng Tam bảo, khơi nguồn tâm linh.
Noi gương Phật, dẫn thân không mệt,
Các pháp môn thông suốt ngày đêm,
Rộng tu phước huệ thâm huyền,
Cứu người, giúp vật trọn nên đạo vàng.
Sớm chứng đắc thân thông sáu loại,
Rồi viên thành quả Phật hiện đời,
Ngay trong pháp giới chẳng rời,
Ra vào sanh tử, cứu người trầm luân. O
Tập thương xót Quan Âm quảng đại,
Noi Phổ Hiền hạnh nguyện không cùng,
Cõi này, chốn khác hiện thân,
Xiển dương Phật pháp, cứu nhân, độ đời.
Đem tuệ giác chiếu soi cõi dữ,



Dùng thần thông hóa độ quỷ ma,
Nơi nào nghe tiếng, gặp ta,
Cũng đều giác ngộ, vượt qua khổ sâu.
Chón ngục lạnh, lửa màu đỏ rực,
Thành rừng hoa, thơm phức mùi hương.
Ngục đồng nuốt sắt thảm thương,
Biến thành Tịnh độ, thiên đường nhân gian.
Loài chó nặng, khổ hờn bao nỗi,
Giống mang lông, đầu đội sừng dài,
Không còn khổ luy, nạn tai,
Hưởng bao lợi lạc, tháng ngày bình an. O
Trong dịch bệnh, phát minh thuốc thánh
Cứu bao người khỏi bệnh trăm kha
Đói nghèo đều được ấm no,
Cho tiền, giúp vốn, bản cơ không còn.
Bao lợi ích hưng sùng tất cả,
Lòng vị tha chẳng kể oán, thân,
Người xa rồi lại kẻ gần,
Xem như quyến thuộc, ban ân đồng đều.
Cắt lưới ái nôi chìm nhiều kiếp,
Cạn sông mê, bao hiệp tử sinh,



Quyết tâm cứu giúp hàm linh,
Lên đường giác ngộ, chứng thành Như Lai.
Hư không dù có chuyển dời,
Nguyện con muôn kiếp không hề rung rinh.
Nguyện cầu tất cả chúng sinh,
Chứng nên Phật trí, tâm linh rạng ngời.
OOO

5-B) SÁM QUY Y

Phật là đáng giác ngộ mình,
Độ người thoát khỏi tử sinh bao đời,
Từ bi, trí tuệ rạng ngời,
Là thầy ba cõi trời người xưa nay. O
Pháp là phương thuốc diệu thay,
Chữa lành bệnh khổ bao loài chúng sanh,
Nhuật vàng trắng sáng lung linh,
Soi đường ra khỏi u minh mê mờ. O
Tăng là những bậc chân tu,
Biết đời huyền mộng, già từ ra đi,
Thấm nhuần trí tuệ, từ bi,
Độ đời thoát khỏi tham ... si khổ sầu. O
Con nay giác ngộ quay đầu,



Quy y Tăng, Phật, Pháp mầu Như Lai,
Cho con hạnh phúc hôm nay,
Cho đời an lạc tại ngay dương trần. O
Con nguyện *từ bỏ sát sanh*,
Tôn trọng sự sống, tâm lành rải ban.
Thương yêu người, vật, môi sinh,
Cho đời hạnh phúc như mình lạc an. O
Con nguyện *từ bỏ trộm gian*,
Mánh mung, cướp của, tham lam xin chừa.
Sống chân thật, chẳng lọc lừa,
Giữ tròn đạo nghĩa, cho vừa nhân sinh. O
Con nguyện *từ bỏ ngoại tình*,
Một chồng một vợ, trung trinh tấm lòng.
Thương yêu, tôn trọng, cảm thông,
Ngọt bùi chia sẻ, thủy chung trọn đời. O
Con nguyện *từ bỏ nói sai*,
Thêm thắt, chửi tục, móc moi hai đầu.
Nói như chánh pháp cao sâu,
Im như bậc thánh nhiệm mầu thấy nghe O
Con nguyện *từ bỏ rượu chè*,
Say sưa, nghiện ngập, thần mê, trí mờ,



Đề không bệnh hoạn, thần thờ,
Đề cho tâm trí lặng tờ sáng trong. O
Từ nay, con nguyện với lòng:
Giữ gìn năm giới quyết không phạm vào,
Đề cho con sống thanh cao,
Đề đời an lạc, dạt dào tình thương. O
Con nguyện noi đấng Pháp Vương,
Học tu chánh pháp, thoát vòng tử sanh.
Tham thiền, niệm Phật chân thành,
Tu tâm dưỡng tánh, dứt phần ác duyên.
Nguyện cho sáu cõi ba miền
Thoát vòng tục lụy, an nhiên Niết-bàn.
OOO

5-C) SÁM QUY NGUYỆN 1

Trâm hương xông ngát điện,
Sen nở Phật hiện thân,
Pháp giới thành thanh tịnh,
Chúng sanh lắng nghiệp trần.
Đệ tử tâm thành
Hướng về Tam bảo: O



Phật là Thầy chỉ đạo,
Bậc tỉnh thức vẹn toàn,
Tướng tốt đoan trang,
Trí và bi viên mãn.
Pháp là con đường sáng,
Dẫn người thoát cõi mê,
Đưa con trở về
Sống cuộc đời tỉnh thức.
Tăng là đoàn thể đẹp
Cùng đi trên đường vui,
Tu tập giải thoát,
Làm an lạc cuộc đời.
Đệ tử nương nhờ Tam bảo,
Trên con đường học đạo,
Biết Tam bảo của tự tâm.
Nguyện xin chuyên cần,
Làm sáng lòng ba viên ngọc quý.
Nguyện theo hơi thở,
Nở nụ cười tươi.
Nguyện học nhìn cuộc đời,
Bằng con mắt quán chiếu.
Nguyện xin tìm hiểu

O



Nỗi khổ của mọi loài.
Tập từ bi, hành hỷ xả,
Sáng cho người thêm niềm vui,
Chiều giúp người bớt khổ. O
Đệ tử nguyện sống đời thiếu dục,
Nếp sống lành mạnh an hòa,
Cho thân thể kiện khương.
Nguyện rũ bỏ âu lo,
Học tha thứ bao dung,
Cho tâm tư nhẹ nhõm.
Đệ tử xin nguyện ơn sâu đền báo: O
Ơn cha mẹ, ơn thầy,
Ơn bè bạn, chúng sanh,
Nguyện tu học tinh chuyên
Cho cây bi trí nở hoa.
Mong một ngày kia,
Có khả năng cứu độ mọi loài,
Vượt ra ngoài cõi khổ,
Xin nguyện Phật Pháp Tăng chứng minh,
Gia hộ cho đệ tử chúng con
Viên thành đại nguyện. OOO



5-D) SÁM QUY NGUYỆN 2

Trang nghiêm đài sen ngự tọa,
 Đại hùng từ phụ Thích-ca.
 Đệ tử lắng lòng thanh tịnh,
 Bàn tay chấp búp liên hoa.
 Cung kính hướng về Điều Ngự,
 Dâng lời sám nguyện thiết tha. O
 Đệ tử phước duyên thiếu kém,
 Sống trong thất niệm lâu dài,
 Không được sớm gặp chánh pháp,
 Bao nhiêu phiền lụy đã gây,
 Bao nhiêu lỗi lầm vụng dại,
 Vô minh che lấp tháng ngày,
 Vườn tâm gieo hạt giống xấu,
 Tham, sân, tự ái dầy đầy,
 Những nghiệp sát, đạo, dâm, vọng,
 Gây nên từ trước đến nay.
 Những điều đã làm đã nói,
 Thường gây đổ vỡ hàng ngày.
 Bao nhiêu nỗi phiền nghiệp chướng,
 Nguyện xin sám hối từ đây. O



Đệ tử thấy mình nông nổi,
Con đường chánh niệm lãng xao.
Chất chứa vô minh, phiền não,
Tạo nên bao nỗi hận sầu.
Có lúc tâm tư buồn chán,
Mang đầy dằn vặt lo âu,
Vì không hiểu được kẻ khác,
Cho nên hờn giận, oán cừ.
Lý luận xong rồi trách móc,
Mỗi ngày mỗi chuốc khổ đau.
Chia cách hỏ kia càng rộng,
Có ngày không nói với nhau,
Cũng không muốn nhìn thấy mặt,
Gây nên nội kết dài lâu.
Nay con hướng về Tam bảo,
Ăn năn khẩn thiết cúi đầu.
Đệ tử biết trong tâm thức,
Bao nhiêu hạt tốt lấp vùi,
Hạt giống thương yêu, hiểu biết,
Và bao hạt giống an vui.
Nhưng vì chưa biết tưới tẩm,

O



Hạt lành không mọc tốt tươi.
Cứ để khổ đau tràn lấp,
Làm cho đen tối cuộc đời.
Quen lối bỏ hình bắt bóng,
Đuổi theo hạnh phúc xa vời.
Tâm cứ bận về quá khứ,
Hoặc lo rong ruổi tương lai,
Quanh quẩn trong vòng buồn giận,
Xem thường bảo vật trong tay.
Giày đạp lên trên hạnh phúc,
Tháng năm sâu khổ miệt mài.
Giờ đây trầm xông Bảo Điện,
Con nguyện sám hối, đổi thay. O
Đệ tử tâm thành quy ngưỡng,
Hướng về các Phật mười phương,
Cùng với các vị Bồ-tát,
Thanh Văn, Duyên Giác, Thánh Hiền,
Chí thành cầu xin sám hối,
Bao nhiêu lầm lỗi triền miên.
Xin lấy cam lồ tịnh thủy,
Tưới lên dập tắt não phiền.



Xin lấy con thuyền chánh pháp,
Đưa con vượt nẻo oan khiên.
Xin nguyện sống đời tỉnh thức,
Học theo đạo lý chân truyền.
Thực tập nụ cười hơi thở,
Sống đời chánh niệm tinh chuyên. O
Đệ tử xin nguyện trở lại,
Sống trong hiện tại nhiệm mầu.
Vườn tâm ươm hạt giống tốt,
Vun trồng hiểu biết, thương yêu.
Xin nguyện học phép quán chiếu,
Tập nhìn, tập hiểu thật sâu,
Thấy được tự tánh các pháp,
Thoát ngoài sanh tử trần lao.
Nguyện học nói lời ái ngữ,
Thương yêu chăm sóc sớm chiều.
Dem nguồn vui tới mọi nẻo,
Giúp người vui nổi sầu đau.
Đền đáp công ơn cha mẹ,
Ỗn thầy, nghĩa bạn dày sâu.
Tín thành tâm hương một nén,
Đài sen con nguyện hồi đầu.



Nguyên đức Từ Bi che chở,
 Trên con đường đạo nhiệm mầu.
 Nguyên xin chuyên cần tu tập,
 Vuông tròn đạo quả về sau. 000

5-E) SÁM NGUYỆN

Đệ tử chúng con từ vô thi,
 Gây bao nghiệp chướng bởi lâm mê,
 Vào ra sinh tử đã bao lần,
 Nay đến trước đài vô thượng giác.
 Biển trần khổ lâu đời trôi dạt,
 Hôm nay trông thấy đạo huy hoàng.
 Con hướng về theo ánh từ quang,
 Lạy Phật Tổ soi đường dẫn bước.
 Bao tội khổ trong đời ác trược,
 Vì tham, sân, si, mạn gây nên.
 Hôm nay đây khẩn thiết thệ nguyện,
 Xin sám hối để lòng thanh thoát. O
 Trí tuệ quang minh như nhật nguyệt,
 Từ bi vô lượng cứu quần sanh.
 Con nhất tâm nguyện sống đời lành,



Đem thân mạng nương nhờ Tam bảo.
Lên thuyền từ vượt qua biển khổ,
Cầm đuốc thiền ra khỏi rừng mê.
Văn, Tư, Tu xin quyết hành trì,
Thân, miệng, ý noi theo chánh kiến.
Đi, đứng, nằm, ngồi trong chánh niệm,
Vào ra cười nói tướng đoan nghiêm.
Mỗi khi tâm buồn giận lo phiền,
Nguyện nhiếp niệm trở về hơi thở.
Mỗi bước chân đi vào Tịnh độ,
Mỗi cái nhìn thấy được pháp thân. O
Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần,
Đem ý thức tinh chuyên phòng hộ.
Tập khí năm xưa rồi chuyển hóa,
Vườn tâm tuệ giác nở trăm hoa.
Niềm an vui đem khắp mọi nhà,
Hạt giống tốt gieo về muôn lối.
Cùng tăng thân xin nguyện ở lại,
Nơi cõi đời làm việc độ sinh.
Giờ phút này Tam bảo chứng minh,
Giúp chúng con viên thành đại nguyện.



6. HỒI HƯƠNG CÔNG ĐỨC

Tụng kinh tu tập, phước tăng,
Xin đem hồi hương xa gần, khắp nơi.
Nguyện cho tất cả trời người,
Đều vào cõi Phật, sáng ngời chân tâm.O

Nguyện trừ ba chương trầm luân,
Sống trong trí tuệ, tịnh thanh cõi lòng.
Nguyện cho tội nghiệp tiêu mòn,
Noi theo Bồ-tát làm tròn tấm gương. O

Nguyện sanh cõi tịnh Tây phương,
Mẹ cha: Chín phẩm sen vàng nêu danh,
Hoa cười, chứng ngộ vô sanh,
Cùng hàng Bồ-tát đồng hành tâm linh.O

Nguyện đem công đức tạo thành,
Hương về tất cả chúng sanh mọi loài,
Rải ban hạnh phúc muôn nơi,
Giúp người giác ngộ, an vui đạo mầu.
(3 xá) OOO

7. LỜI NGUYỆN CUỐI

(Chủ lễ quỳ chấp tay, tha thiết nguyện; đại chúng mặc niệm)

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật O

Trời giáng ngộ muôn nơi sáng tỏ,
Bánh xe pháp vận chuyển không dừng.
Tăng ni, đạo lực thâm thâm,
Phật tử, tín tâm kiên cố.

Nguyện nhà nhà hạnh phúc, an khang,
Cầu thế giới hòa bình, hưng thịnh.

Đời đời làm bà con Phật pháp,
Kiếp kiếp làm quyến thuộc từ bi.
Mọi người biết tu học điều lành,
Bốn biển được mưa hòa, gió thuận. O

Chúng con phát nguyện:

Tạo thêm công đức, dứt hết lỗi lầm,
Phủ sạch não phiền, trau dồi tuệ giác.
Học theo Trung đạo, tu hạnh nhất thừa,
Tinh tấn sớm trưa, cầu thành Phật đạo. O
Nam-mô Thường Trụ Tam Bảo. (3 xá) OOO



8. ĐÁNH LỄ BA NGÔI BÁU

Con xin nương tựa Phật,
Bậc Phước Trí Viên Thành,
Cầu tất cả chúng sanh
Giác ngộ, phát tâm lành. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Pháp,
Nguồn tuệ giác, từ bi,
Cầu tất cả chúng sanh
Hiểu đạo, tỏ nguồn tâm. (1 lạy) O

Con xin nương tựa Tăng,
Đoàn thể sống an vui,
Cầu tất cả chúng sanh
Hòa hợp, thương mến nhau. (1 lạy) O

PHẦN PHỤ LỤC



Phụ lục 1

XUẤT XỨ CÁC BÀI KINH VÀ SÁM NGUYỆN

PHẦN I: CÁC KINH VỀ ĐẠO ĐỨC

1. **Kinh tiểu sử đức Phật** là một tuyển dịch từ các trang kinh, thuộc kinh điển Pali, nhằm phác họa về cuộc đời đức Phật như một tự truyện ngắn. Xuất xứ từng đoạn kinh được chú thích ở phần kết thúc, được đặt trong dấu ngoặc đơn.

2. **Kinh người áo trắng** được dịch từ *Kinh Ưu-bà-tắc*, số 128, thuộc *Trung A-hàm*, có tham khảo *Anguttara Nikāya*, III. 211.

3. **Kinh thập thiện** do ngài Thục Xoa Nan Đà (*Sikṣānanda*) dịch chữ Phạn ra chữ Hán, trong *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*, tập 15, thuộc *Kinh Tập bộ*, tr. 157, số hiệu 0600.

4. **Phật nói Kinh tám điều trai giới** do Chi Khiêm dịch ra chữ Hán trong *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*, tập 1, thuộc *A-hàm bộ*, tr. 910, số hiệu 0087.

5. **Kinh nhân quả đạo đức**, nguyên tác là *Kinh Thuần-đà* thứ 943 thuộc *Kinh Tập A-hàm*.

6. **Kinh lời vàng Phật dạy**, nguyên tác là *Kinh Pháp Cú* (*Dhammapada*), thuộc *Tiểu bộ Kinh*, kinh tạng Pali.

PHẦN II: CÁC KINH VỀ GIA ĐÌNH, XÃ HỘI VÀ CHÍNH TRỊ

7. **Kinh thiện sanh**, nguyên tác Pāli là *Singālovāda Sutta* (D. III. 180-93) là bài kinh thứ 31 trong *Trường Bộ Kinh*, còn gọi là “*Kinh Giáo Thọ Thi-Ca-La-Việt*” (Trường Bộ II, 529-



548, *Đại Tạng Kinh Việt Nam*). Bản tiếng Anh là *Dialogues of the Buddha* (III. 172-84, Hội Thánh Điển Pāli ấn hành năm 1995). Tham khảo *Trường A-hàm* (I, 555-547, *Đại Tạng Kinh Việt Nam*).

8. **Kinh phước đức**, nguyên tác là *Mahāmaṅgala Sutta*, trong *Kinh Tập* (*Sutta Nipāta*) thuộc *Tiểu Bộ Kinh* (*Khud-daka Nikāya*).

9. **Kinh tránh xa các cánh cửa bại vong**, xuất xứ từ *Kinh Tập* (*Suttanipata*), kệ số 91-115, trang 18-20, ấn bản tiếng Anh của Pali Text Society.

10. **Kinh bảy loại vợ**, xuất xứ từ *Anguttara Nikāya* (IV. 91-3), tiếng Anh *The Book of Gradual Sayings* (IV. 56-8, Hội Thánh Điển Pāli ấn bản 1988), tham khảo bản dịch Việt của HT. Thích Minh Châu trong *Kinh Tăng Chi* (II. 515-7, ấn bản 1988).

11. **Kinh bốn ân lớn**, xuất xứ từ Phẩm báo ân, chương thứ 2 của *Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán*.

12. **Kinh mọi người bình đẳng**, nguyên tác là *Kinh Mudhura*, thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 84.

13. **Kinh không có giai cấp**, nguyên tác là *Kinh Assalayana* (*Assalayanasuttam*), thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 93.

14. **Kinh sống trong hòa hợp**, nguyên tác là *Kinh Tùy phiên nào* (*Upakkilesasuttam*) thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 128.

15. **Kinh hóa giải tranh cãi**, nguyên tác là *Kinh như thế nào* (*Kintisutta*) thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 103.

16. **Kinh hòa hợp và hòa giải**, nguyên tác là *Kinh làng Sama* (*Samagamasuttam*) thuộc *Kinh Trung bộ* thứ 104.

17. **Kinh chuyển luân thánh vương**, thuộc *Kinh Thế Kinh* trong *Kinh Trường A-hàm*. Tương đương các kinh *Trung A-hàm*, quyển 13, kinh 15 và *Tăng nhất A-hàm* quyển 13, kinh 33.

18. **Kinh đức hạnh của Vua**, dịch từ *Kinh Tăng Nhất A-hàm*, chương 10 pháp, Phẩm Kết cัม, kinh số 7.

19. **Kinh quốc gia cường thịnh**, xuất xứ từ *Anguttara Nikāya* (IV. 16-8), bản tiếng Anh *The Book of Gradual Sayings* (IV. 11-3 Hội Thánh Điển Pāli ấn hành năm 1988); tham khảo bản tiếng Việt của HT. Thích Minh Châu trong *Kinh Tăng Chi* (II. 415-55, ấn bản năm 1988).

20. **Kinh Hiền Nhân**, trích dịch từ *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh*, quyển ..., kinh số...

PHẦN VI: XUẤT XỨ CÁC BÀI SÁM NGUYỆN

Bài “Sám quy nguyện”, bài “Sám nguyện 1”, “Sám nguyện 2” trích từ *Nhật Tụng Thiền Môn 2010*,⁽¹⁾ tr. 17-19, 150-153, 156-7.

Các bài do Thích Nhật Từ dịch gồm: Tán dương giáo pháp (tr.5), Bát-nhã tâm Kinh (tr. 371), “Sám quy mạng” (tr.375-379).

Các bài do Thích Nhật Từ soạn gồm: Nguyện hương (tr.3), Đánh lễ Tam bảo (tr.4), “Sám quy y” (379-381), Lời nguyện cuối (tr. 391), đánh lễ Ba Ngôi báu (tr. 392).

1. Thích Nhất Hạnh, *Thiền môn Nhật tụng 2010*. - Ấn bản miền Nam. NXB Tôn giáo, Hà Nội, 2010.

Phụ Lục 2

CÁC NGÀY LỄ TRONG HAI TRUYỀN THỐNG PHẬT GIÁO

(Tinh theo ngày Âm lịch)

Tháng giêng

Ngày mừng 1: Ngày Đức Phật Di-lặc đản sanh; ngày tu tập và làm phước của toàn thể Phật tử, theo Bắc tông.

Ngày rằm: - Theo Nam tông, đây là ngày Pháp Bảo (Māghapūjā), kỷ niệm Đức Phật nói Kinh Giải Thoát Giáo (Ovādapāṭimokkha) và là ngày đức Phật tuyên bố sẽ viên tịch.

- Theo Bắc tông, ngày rằm thượng ngươn này là ngày lễ hội lớn, tu tạo các công đức.

Ngày 22: Tổ Thập Thập (tức tổ Phước Huệ), Chứng Minh Đạo Sư, Hội Phật giáo Trung Phần, viên tịch.

Ngày 30: Tổ Khánh Anh, Pháp Chủ Tăng-già Việt Nam, nhiệm kỳ 2, viên tịch.

Tháng hai

Ngày mừng 8: - Ngày Đức Phật Thích-ca Mâu-ni xuất gia, theo Bắc tông.

- Vía tôn giả A-nan-đa, theo Bắc tông.

Ngày rằm: Ngày Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập diệt, theo Bắc tông.



Ngày 19: Vía Đức Bồ-tát Quán Thế Âm, theo Bắc tông.

Ngày 21: Vía Đức Bồ-tát Phổ Hiền, theo Bắc tông.

Tháng ba

Ngày 16: Vía Đức Bồ-tát Chuẩn-đề, theo Bắc tông.

Tháng tư

Ngày mùng 4: Vía Đức Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Ngày mùng 8: Ngày Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đản sanh và ngày lễ tắm Phật, theo Bắc tông.

Ngày rằm: Theo Nam tông, đây là ngày Đại Lễ Tam Hợp hay còn gọi ngày Phật Bảo (*Visākhapūjā*), kỷ niệm ba sự kiện trọng đại của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni: đản sinh, thành đạo và viên tịch. Từ năm 1956, Phật giáo thế giới chọn ngày này làm ngày tưởng niệm đức Phật giáng sanh.

Ngày 16: Ngày an cư kiết hạ của Tăng Ni, truyền thống Bắc tông.

Ngày 20: Ngày Bồ-tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 11-6-1963).

Tháng sáu

Ngày rằm: - Theo Nam tông, đây là ngày Đức Phật chuyển Pháp Luân tại Lộc Uyển, và là ngày an cư kiết hạ của chư Tăng, Nam tông.

- Ngày Đại đức Thích Nguyên Hương vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 4-8-1963)

Ngày 19: - Vía Đức Bồ-tát Quán Thế Âm, theo Bắc tông.

- Vía tổ Khánh Hoà, tổ thứ nhất của phong trào chấn hưng Phật giáo miền Nam.



- Ngày 24: Ngày Đại đức Thích Thanh Tuệ vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 13-8-1963)
- Ngày 26: Ngày Sư Cô Thích Nữ Diệu Quang vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 15-8-1963)
- Ngày 27: Ngày Đại đức Thích Tiêu Diêu vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 16-8-1963)

Tháng bảy

- Ngày 13: Vía Đức Bồ-tát Đại Thế Chí.
- Ngày rằm: Ngày Tự tứ và Mãn hạ của Tăng Ni, cũng là ngày dâng cúng y công đức, và ngày đại lễ Vu-lan-bồn hay còn gọi là ngày báo hiếu công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, theo Bắc tông.
- Ngày 30: Vía Đức Bồ-tát Địa Tạng Vương.

Tháng chín

- Ngày mùng 2: Ngày Đại đức Thích Quảng Hương vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 5-10-1963).
- Ngày 11: Ngày Đại Đức Thích Thiện Mỹ vị pháp thiêu thân (nhằm ngày 27-10-1963).
- Ngày rằm: Ngày Mãn hạ và dâng y công Đức (*Kathina*) hay còn gọi là ngày Tăng Bảo, theo Nam tông.
- Ngày 19: Vía Đức Bồ-tát Quán Thế Âm, theo Bắc tông.
- Ngày 30: Vía Đức Phật Dược Sư.

Tháng mười một

- Ngày mùng 1: Tổ Huệ Quang, Pháp Chủ GHPGVN, nhiệm kỳ I, viên tịch.



Ngày 17: Vía Đức Phật A-di-đà, theo Bắc tông.

Tháng chạp

Ngày mùng 8: - Ngày Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thành đạo, dưới cội Bồ-đề, theo Bắc tông.

- Tổ Vĩnh Nghiêm, Pháp Chủ Tăng già Bắc Việt, viên tịch.

Ngày rằm: Ngày Hiệp kỵ, tức ngày tưởng niệm các bậc tiền bối đã dày công xây dựng và phát huy đạo Phật Nguyên thủy tại Việt Nam.

Ngày 20: - Hòa thượng Thích Thiện Hoa, viện trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN, viên tịch.



Phụ lục 3

CÁC NGÀY ĂN CHAY

(Tính theo ngày Âm lịch)

Hai ngày: 1 và 15.

Bốn ngày: 1, 14, 15 và 30.

Sáu ngày: 8, 14, 15, 23, 29 và 30.

Tám ngày: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24 và 30.

Mười ngày: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29 và 30.

Một tháng: Tháng giêng / tháng 4 / tháng 7 hay tháng 10.

Ba tháng: Tháng giêng, tháng 7 và tháng 10.

Bốn tháng: Tháng giêng, tháng 4, tháng 7 và tháng 10.

Trường trai: Quanh năm suốt tháng.

Ăn chay là pháp tu nuôi dưỡng lòng từ bi đối với các loài động vật, là phương pháp giữ gìn sức khỏe và sống thọ. Để việc ăn chay mang lại nhiều lợi ích, người ăn chay phải giữ tâm trong sạch, tránh điều tội ác, làm việc nhân từ, thương người mến vật và tu tập các công đức. Được như vậy thì ánh sáng từ bi và trí tuệ của đạo Phật sẽ tỏa sáng khắp nhân loại và chúng sanh.

**HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@yahoo.com
Điện thoại: 024.39260024 - Fax: 024.39260031

*

KINH PHẬT VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ XÃ HỘI

Sa-môn THÍCH NHẬT TỪ
soạn dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Trình bày: Ngọc Ánh

Phụ trách in và ấn tống: Giác Thanh Nhã

Đối tác liên kết xuất bản:

CHÙA GIÁC NGỘ

92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, Tp.HCM

In 1.000 cuốn, khổ 14x20 cm, tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình, Tp.HCM. Số XNĐKXB: 2685-2017/CXBIPH/28-45/HĐ. Số QĐXB của NXB: 0672/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 25-08-2017. In xong và nộp lưu chiểu năm 2017. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-0821-8.